VIỆN VĂN HỌC

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

Vt 16
H1
1934
(Số 194 → Số 198).

Năm thứ mười-tám.— Số 194 Avril 1934

VIỆN VĂN HỌC

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

Vt16 (194→198, 1934.
H1

NAM-PHONG CHẤN-CHỈNH LẠI

Nam-phong tạp-chí từ tháng này trở đi mỗi tháng ra hai kỳ, về hình-thức cũng như về tinh-thần đều cải-cách và chấn-chỉnh cả lại. Vì vậy bản-chí lại có mấy lời lược bày về lý-do và công việc cải-cách chấn-chỉnh ấy để chư-tôn độc-giả cùng thể-lượng:

Ngày nay trong thế-giới, mọi việc đều thay đổi rất nhanh chóng. Sống trong thời-gian đó, muốn được tiến-hóa cho kịp với đời mà không bị đào-thải ra ngoài trường thiên-diễn, thì việc gì chúng ta cũng phải canh-cải và chỉnh-đốn luôn-luôn mới được. Phàm vật sở-dĩ sống còn và thịnh-vượng lên được, là tự mình phải lựa theo cho thích-hợp với cái hoàn-cảnh đã đổi thay của mình. Xã-hội Việt-Nam ta gần đây từ việc hữu-hình cho đến việc vô-hình đều đã thấy có phần lay-chuyển khác xưa. Đối với mọi cái hiện-tượng hằng ngày, người ta đều muốn cải-cách cho mới mẻ để thích-hợp với tư-tưởng cùng sự sinh-hoạt của hiện-thời. Song muốn công việc cải-cách cho có phương-pháp khỏi sai-lầm, thì trước phải có cái nền học-thức tư-tưởng cho xứng-đáng, mới hay biết tùy thời mà tiến-hóa.

Nam-Phong bấy lâu nay một niềm phụng-sự cái chủ-nghĩa bồi đắp cho nền quốc-văn và truyền-bá hai cái nguồn học-thuật Đông Tây để cống-hiến cho quốc-dân, và cung cho cái chỗ nhu-cầu về đường tiến-hóa của đời nay, mà vẫn không mất những điều quốc-hoa quốc-túy của nước nhà khi trước.

CVN 74

Nam-Phong trước kia phỏng theo cái thể-tài tạp-chí lớn bên Tây, mỗi tháng ra một kỳ một tập dầy, kiêm-bị cả ba thứ chữ Quốc-văn, Pháp-văn và Hán-văn, để cung cho ba bậc chư-tôn độc-giả. Biên-tập thì chú-trọng về phần cao-đẳng văn-học hơn là phần phổ-thông. Nay bản-xã xét ra trong nước số đọc sách đọc báo ngày một đông hơn, trí-thức quốc-dân đã có khai-thông nhiều, thế mà nội-dung cuốn tạp-chí của bản-xã thì có nhiều chỗ nay đã thành-công, hoặc có chỗ không cần kíp cho sự yêu-cầu về hiện-tại cho lắm ; vậy ứng-phó với thời-thế, từ nay bản-xã canh-tân và chỉnh-đốn lại cả hai phương-diện hình-thức và tinh-thần.

Về hình-thức. — Muốn cho độc-giả khỏi nóng lòng chờ đợi lâu hàng tháng, bản-xã phân ra một tháng xuất bản hai kỳ, để cho người bạn thân-tín của độc-giả là cuốn tạp-chí này, được năng đem những câu chuyện học-thuật văn-chương cùng các ngài cùng bàn-bạc. Còn các việc xếp-đặt đều làm hết sức cho được mĩ-quan, để độc-giả đều được vui mắt mà dễ nhận. Ngoài bìa cũng đổi lại cho đẹp hơn. Lại thời thường có những tranh ảnh của các nhà họa-sĩ có tiếng trong nước giúp cho, để khiến phần tư-tưởng thêm hoạt-động, và phần văn-chương thêm hiển-lộ hơn lên. Số trang báo nay tuy phân ra mỗi tháng hai kỳ, nhưng hợp lại vẫn đủng như số trang của một cuốn dầy khi trước.

Về tinh-thần. — Cõi học từ khi đổi thay phương-châm, người học Hán-văn ngày ít dần đi, vậy từ nay bớt bỏ phần Hán-văn đi để rộng chỗ cho hai phần Quốc-văn và Pháp-văn thêm đầy đủ, mà nhất là cho phần Quốc-văn. Nghiên-cứu học-thuật tư-tưởng thì chuyên-chú về những môn cần phải cung-cấp cho trí-thức hiện-tại, mà bớt những môn cao-xa hoặc phiền-tạp đi. Nghĩa là sẽ kén chọn lấy những môn cốt-yếu về nhân-sinh và xã-hội, về cuộc thế-biến hiện nay, để người đọc được đến đâu có dùng ngay được đến đấy. Văn-chương thì trau-

giồi cho thêm tốt đẹp, vui-vẻ hơn lên. Sẽ mượn những thể tiểu-thuyết, những lời diễm-lệ, những ý vui cười hoặc trào-phúng để phu-diễn những nghĩa lớn, khiến cho cái vẻ vui cười đủ khích-động lòng người về đường chân-chính. Đó là cái chỗ tâm-pháp « dẫn nhân nhập thắng » của các nhà đại-gia văn-tự vẫn dùng xưa nay, dùng để truyền-bá khắp cả cho phái phổ-thông tri-thức.

Tóm lại, canh-cải hình-thức là cốt làm cho thêm vẻ mĩ-quan, để vừa với con mắt mến yêu mĩ-thuật của hiện-thời. Chấn-chỉnh tinh-thần là bỏ phần phiền-tạp, thêm phần tinh-yếu, để cho đại-đa-số quốc-dân cùng được thưởng-thức. Canh-cải chỉnh-đốn như thế là mong cho cái chủ-nghĩa bồi đắp Quốc-văn, truyền-bá học-thuật tư-tưởng của Bản-chí bấy lâu được thêm tinh-hoa, thêm phổ-cập.

Đối với tình-trạng tiến-bộ của Bản-chí, đối với thịnh-tình yêu-mến Bản-chí của độc-giả, số báo Nam-Phong ra đầu năm nay, Bản-chí đã có mấy lời kính-khải đầu tiên để tỏ chút lòng cảm-khích. Bài này chỉ đem những công việc canh-cải và chấn-chỉnh lược-thuật ra, để chư-tôn lượng biết cho cái chỗ Bản-chí nhiệt-thành với phận-sự, và thể theo cái lòng sốt-sắng cầu-tân của quốc-dân là thế nào.

Bản-chí mong rằng lần canh-cải chấn-chỉnh này mới là lần thứ nhất, sự-nghiệp xã-hội ngày càng tấn-tới, tri-thức quốc-dân ngày càng mở-mang, độc-giả ngày thêm đông và thêm yêu-mến, cuốn Nam-Phong này sẽ theo trình-độ ấy mà đổi thay khuếch-trương còn nhiều. Cái cơ-quan ngôn-luận này là chung cả quốc-dân, từ xưa đến nay ai cũng đã biết công cho Bản-chí, từ nay về sau cũng như từ nay về trước, mỗi một lần chấn-chỉnh lại một lần phấn-phát thêm mới mãi ra, để mong cho đạt được cái mục-đích của Bản-chí bấy lâu nay vẫn theo đuổi.

Nay kính khải
NAM-PHONG

THƯƠNG THIẾU-NIÊN

(Tặng mấy người bạn trẻ của tôi)

Mấy anh em bạn trẻ yêu qui của tôi ơi!

Tôi với các bạn, hoặc tình trong thân-thích, nghĩa cũ sư-sinh, hoặc chỗ thông-gia cố-nghị, lại hoặc mới gặp-gỡ quen biết gần đây. Tuy tuổi-tác không phải lứa bầy, mà ý-khí thực là bạn thiết. Từ khi các bạn ra xông-pha trên con đường đời, kẻ vì sự-nghiệp học-vấn, người vì nghề-nghiệp sinh-nhai, ai nấy đều phấn-chấn để đi tìm đường tự-lập. Vì vậy mỗi người một phương bận một việc, nước non xa cách, khiến cho tôi cùng các bạn không được gần-gũi nhau để năng được dãi-bày nông-nỗi.

Về phần các bạn, tuy đối với bốn phương hoàn-hải chưa lấy gì làm thỏa chí làm trai, nhưng cũng đều có nghiệp có nghề, biết đây biết đó, như thế cũng không đến ân-hận lắm. Duy về phần tôi nhớ đến người cũ, tưởng lại tình xưa, càng mong chờ cho nhau đường nào, thành ra lại càng đoái thương cho nhau đường ấy.

Nay nhân ngày xuân thong-thả, tiết xuân đầm-ấm, ngắm xem cái xuân-sắc của tạo hóa, mà sực nghĩ đến cái xuân-xanh của đời người. Xuân-sắc của tạo-hóa kia, nó đi rồi nó lại về, mãi mãi vô-cùng, chứ xuân-xanh của đời người thì có chừng bạn mà đã đi là đi mất. Thế cho nên người ta đang cái độ trẻ-trung hoạt-bát mà không được tu-tiến cho như nguyện, vẫy-vùng cho phỉ sức, cố-nhiên là một điều khôn xiết phàn-nàn. Biết ý các bạn như vậy, mà tôi viết ra bài này tặng cùng các bạn.

Cái đời tôi, các bạn đã biết đấy. Thủy chung bao giờ tôi cũng chỉ thích chơi bời với các bạn là những người còn niên-thiếu trẻ-trung, những người mà trong tâm-não họ đang đầy dẫy bao mối cảm-tình nồng-nàn đằm-thắm, đang phát-khởi những chí-khí hăng-hái xôn-xao, đang chứa-chất vô-số những tâm-sự dễ-dãi thực-thà. Vì vậy mà nó phát-tiết, nó biểu-lộ ra cho họ những cái vẻ mặt tươi-tỉnh đáng yêu, những cái dáng-điệu nhẹ-nhàng hiếu-động. Cái miệng vui vẻ của họ lúc nào cũng chỉ chực cười chực nói, có ý-kiến gì cũng lấp-bấp muốn đem tỏ bày ra, hơi có điều chi ngờ là muốn hỏi cho ra ngành ngọn. Cái mắt lanh-trai sắc-xảo của họ liếc thấy cái gì cũng muốn xem xét cho tới cùng. Chân tay kia như lúc nào cũng sắp sẵn để mà vung mà múa mà nhảy-nhót trên đường đời không chút rụt-rè lưỡng-lự.

Những người như thế, phi là những người đương vào cái tuổi hoạt-động như các bạn thì sao có được. Những người ấy mới chính là những người đang có tư-cách, đang có hi-vọng. Tư-cách là cái tư-cách có thể làm nên theo như ý muốn, hi-vọng là hi-vọng về sau

cho thân cho đời của họ. Ôi! Những người họ đang sống ở cái quãng đời của họ như gương chưa mờ, hào-quang vằng-vặc, như măng mới mọc, khí-thế dùn-dùn. Ấy thế mà họ chỉ lăm-le đem tư-cách đó, đem hi-vọng kia ra để mà cùng sống với mọi cái đời của người khác, như rứa thì ai mà không phải yêu phải mến phải qui-hóa lấy họ. Tôi sở-dĩ một đời chỉ thích gian tay đối-diện với họ tức như với các bạn là vì thế.

Những người chiều xuân hớn-hở, ngày xuân còn dài ấy họ thực là sung-sướng biết bao. Trên cái gương mặt của họ chưa từng giây chút lệ tang-thương hoen-ố, chưa từng ghi vết giăn nhăn-nhó tỏ bao phen lăn-lộn mà đều thất-vọng phải thua trời. Hay là cho đến những dấu lệ, những vết giăn của những trạng-thái đã chán-chường về tham-luyến nhất-hèn còn sót lại, thì trên gương mặt họ cũng chưa từng thấy.

Như rứa nên tôi biết trong tâm-não của họ kia, về tâm-tình, về chí-khí cũng đều đang sạch trong mà mạnh-mẽ cả như vậy. Đối với cái đời cũ, đời đã qua, trong họ còn y-nguyên tinh-túy của tiểu-nhân, mà ngoài họ chưa bị nhuộm những bụi nhơ hủ-bại của thế-tục. Đối với cái đời mới, đời sắp đến, họ chỉ những lạc-quan, trông trước mắt đâu cũng là thú vui cảnh đẹp muốn sồng-sộc thẳng bước cho tới nơi ngay. Sống một cách khoái-hoạt như thế, họ thực là đáng lấy làm sung-sướng biết bao. Tôi mà thích giao-du hữu-ái với họ là tôi ham họ say họ ở chỗ đó. Tôi lấy đó làm lợi cho tôi nhiều.

Ở đời chẳng qua là vì lợi cả, không vì cái lợi vật chất thì cũng vì cái lợi tinh-thần. Vì thế mà người ta mới nên thân nên thiết nên tình nên nghĩa với nhau, bằng không thì ai có cần đến ai mà làm chi. Cho nên tôi ham tôi say tôi cầu lợi ở họ, cho được gần-gũi họ, quấn-quít với họ, để họ vui họ sướng, tôi cũng nhờ mà vui mà sướng lây. Họ đang có nhiều điều mong muốn, nhiều nỗi đáng thồ-lộ, tôi đều mượn lấy cái đời quang-minh mạnh-mẽ của họ ấy mà thay vào cho cái đời của tôi từ hồi đã bị mất cái tuổi thanh-xuân ấy trở đi. Cho cái đời hậu-vận của tôi được quên đi cả những cái chán-nản buồn rầu và cần-cỗi. Phong-dao có câu :

Bảy mươi chống gậy ra đi,
Than thân rằng thuở đương-thì chẳng chơi.

Đó là lời của một bà già vốn đa-tình nọ vì thuở còn đương-thì con gái, không biết vì cảnh-ngộ làm sao, không được chơi bời cho thỏa chí, nay mắp-mé miệng lỗ, nghĩ xuân mà tiếc, mà thở than như vậy. Nhưng đời bà đã quá muộn lắm rồi, bà tiếc cũng vô-ích. Tôi thì không thế. Tôi không để đến qua muộn như thế, rồi đem cái ý chủ-quan bo-thiết mà than khóc suông như thế có ăn thua gì. Như bà, từ khi mới thấy chiều xuân của mình đã hồ vãn, thì tôi đánh bạn ngay với bọn gái tơ, quần-quanh với họ. Nhờ cái lẽ thanh-khí cảm-thông, họ nô họ chơi họ vui họ sung-sướng thế nào, mình cũng lây mà dường cũng có nô có chơi có sung-sướng thế ấy, như thế dù không trực-tiếp cho thân mình, thì cũng được sảng-khoái cho ý mình. Mà đời mình thành ra vẫn được tiếp-tục mà sống trong cái cảnh náo-nức vui-vầy, có tư-cách, có hi-vọng, không phải quạnh-hiu tẻ ngắt. Ấy đàng này, tôi lấy làm lợi mà chỉ ham say bè bạn với các anh

em tuổi trẻ cũng là có cái ý-nghĩa giống như thế.

Ấy cũng vì thế mà trong đời tôi, duy có một quãng làm nghề gõ đầu trẻ hay là nghề chơi với bạn trẻ là đáng kỷ-niệm hơn hết. Đó là lúc mà tôi đang xử vào cái cảnh thân phận lẻ-loi, gia-tình thanh-bạch, mà lại chính là lúc mà tôi được cùng với anh em bạn trẻ cùng sống một cách phóng-khoáng thanh-cao, vui vẻ thú-vị đầy đủ hơn hết. Lắm khi nhớ lại những buổi gió mát hoặc đêm trăng trong, cùng các bạn giảng tìm câu thơ nét vẽ, luận bàn vật-lý nhân-sinh, tự-do nghĩ, tự-do nói, rồi tự-do viết không ngần-ngại chút chi, mà bồng bồi-hồi khôn xiết. Nào khi ngâm-ngợi trên sông Lục-đầu, nào khi tham-thiền ở hạt Đông-triều, nào khi phóng-cổ ở vùng Chí-linh, lại nào khi tắm mát chờ trăng ở chốn cầu Giao bến Vạn đất Thanh-lâm, bạn cùng tôi, tôi cùng bạn biết bao sung-sướng, tưởng như mới ngày hôm qua.

Lúc đó bạn còn thơ, tôi đang trẻ, ấy thế mà thoáng một cái, nay tôi đã đóng vai lão, bạn cũng đã đều lên bậc ông. Thế mới biết cái thời-gian nó lôi nó kéo nó xô-đẩy chúng ta thực là chóng quá, giở mình không kịp. Bấy giờ thấy bạn tuy đều còn măng sữa, mà ai nấy đã có tâm có chí, tôi những mừng thầm. Cuộc đời đang hội văn-minh, cõi học ngày càng mở rộng. Các bạn sinh ra thực là gặp thời. Kiến-văn đã rộng hơn người trước thì hành-vi cũng ít phải phân-nàn bị chật hẹp như thuở xưa. Chắc cái đời của các bạn thế nào cũng vượt được một quãng đường tiến-hóa xa cách hẳn với cái đời của chúng tôi. Chả có thế mà lắm lúc tôi đã đến sinh ra ghen tị với cái đời của các bạn.

Nhất là gần đây, người thì gặp mặt, kẻ thì gửi hình về cho, thấy các bạn ăn mặc đều đã đổi ra lối Âu-phục cả rồi. Nhận chân-dung cũ, ngắm nghi-hình mới, thấy đang là một bọn tha-thướt lủ-khủ con trai nhà Nam-Việt, bỗng biến ra cái dáng-bộ gọn-gàng nhanh-nhẹn nghiêm-nhiên ra những đấng trượng-phu Tây-phương. Tôi thực lấy làm mừng cuống-quít ! Như vậy hình-thức há phải không quan-hệ lắm sao ? ! Uy-nghi há phải là cái không cảm người lắm sao ? !

Các bạn không phải là di-thể của người trước ở đây thì còn là của ai. Ấy thế mà, cũng cái đầu ấy mà nay hớt tóc rẽ ngôi, tròn-trĩnh đen bóng, lắc-lư hoạt-động, thì nó lại càng biểu-lộ ra rằng trong có khối óc cũng sáng suốt không kém ai. Cũng cái mình ấy mà khoác bộ áo tây gọn-ghẽ vào thì cái vai nở-nang, cái lưng thẳt đáy kia mới càng được thêm hiển-lộ ra ngoài. Cũng cái chân ấy mà vận chiếc quần hẹp ống, đi đôi giầy bó sát chân, thì trông ra một cách cứng-cáp biết bao. Cả một bộ phục-sức mới ấy nó càng làm tôn thêm cho cái vẻ mặt trong có đôi mắt hắc-bạch phân-minh mà lóng-lánh cùng cái miệng tươi-tắn có duyên.

Tóm lại là cái bộ phục-sức mới ấy nó đã trừ bỏ cho các bạn hết những cái dáng-dấp ẻo-lả rụt-rè, hoa-hoè bề ngoài mà coi rất yếu-đuối của các anh khóa anh đồ ngày nọ. Nó đã thí-nghiệm cho các bạn biết rằng cái hình-hài của giống-má nhà ta cũng không đến nỗi hèn-hạ kém người gì cho lắm. Tưởng đem mà so với những phong-độ của những thiếu-niên anh-tuấn ở các nước văn-minh như Âu, như Mĩ, như Nhật, mà không kể màu tóc nước da thì cũng khó mà phân-biệt là người nước nào.

Sinh đã gặp thời may, mà nếu ở lại được vào cảnh thuận, như bạn thiếu-niên các nước trên ấy, thì bạn thiếu-

niên của người học được cái gì, bạn thiếu-niên ta há lại không học được cái ấy hay sao. Họ làm được việc gì bạn ta há lại không làm được việc ấy hay sao.

Ấy thế mà chỉ vì thời tuy chung mà cảnh thực riêng, có thời-thế may mà không được cảnh-ngộ thuận, tức là bị cái cảnh nghèo-nàn, nên bạn phải chịu thua kém người. Nhưng có một điều đủ yên-ủi cho ta là cái người của ta dã cũng như của họ, thì cái tâm cái trí của họ cũng không hẳn khác gì của ta. Tôi sở-dĩ ngẫm thấy uy-nghi các bạn nhân bộ Âu-trang càng thêm biểu-lộ chân-tướng, mà lấy làm mừng cuống-quít là vì thế.

Tuy thế nhưng bạn đừng có thấy thế mà nóng-nảy, cũng đừng thấy thế mà nản lòng. Thời kia còn quan-hệ cho đời hơn là cảnh nọ. Thời mà đã đến thì cảnh tuy chầy chóng rồi cũng phải lướt theo. Chỉ sợ người ta không biết thời hoặc không biết liệu cảnh mà thôi.

Lại phải biết rằng có trồng cây mới được ăn quả. Thiếu-niên các nước mà được hái cái quả văn-minh như ngày nay, là nhờ ở công trồng cây của người trước. Cây ấy tức là những việc gây nền học-thuật, chăm dưỡng thực-nghiệp vậy. Vậy muốn cho có quả văn-minh mà hưởng, thì bạn và bạn của bạn ngày nay lại chính là người còn phải trồng cây. Thế mà xem mấy bức thư của bạn gửi cho tôi gần đây, đều chỉ muốn đua đòi lấy những cái « mốt » hào-hoa phong-nhã cho được sống một cách thỏa-thuê như thiếu-niên các nước. chứ tính không hề bàn-bạc gì đến những điều học-hành và thực-nghiệp. Thì có khác gì muốn bẻ lấy cành hoa đẹp nhất trong vườn người, để cắm vào lọ của nhà mình, mà chơi cho sướng mắt ngay không. Làm như thế, chóng thì có chóng, sướng mắt thì có sướng mắt thực. Nhưng cái cảnh không rễ đó phỏng được bao lâu mà ngọn héo hoa tàn. Tôi lại thử hỏi các bạn :

Bây giờ có một đứa trẻ con nhà nghèo sang chơi một nhà giàu hàng xóm, thấy con cái nhà người ăn mặc chơi bời một cách rất là sung-sướng. Đứa trẻ ấy lấy làm hâm-mộ, rồi về nằng-nặc bắt bố mẹ phải sắm cho như thế. Không được thì bực-bõ buồn-phiền. Như thế thì phỏng các bạn có phải tức cười cho đứa trẻ ấy không ? Song lấy bình-tình mà xét thì cái lòng muốn sống cho được thỏa-thuê sung-sướng chính là thiên-tính của loài người. Đứa trẻ ấy biết hâm-mộ cảnh sung-sướng của nhà giàu, cũng không phải là trái-ngược gì với đạo-đức luân-lý của nhà hẳn, trái-ngược gì với nghĩa-lý của nhà ai. Mà lại có cái hi-vọng là nhân đó nó sẽ làm tăng-tiến giai-cấp, tăng-tiến hạnh-phúc lên cho nhà nó, và sẽ làm cho nhà nó được giàu có như nhà kia. Nhưng chỉ có một điều là nếu nó là đứa trẻ sớm có trí khôn thì nó hãy bắt chước ngay lấy cái cách thắt lưng buộc bụng, tham công tiếc việc, cóp-nhặt từ đồng xu trở lên của hai ông bà chủ đã tạo nên cái nhà giàu ấy, thì có một ngày mà nó được như nguyền. Chứ cứ vòi khóc suông thì có được gì. Sự gây dựng văn-minh cũng như thế không khác chút nào.

Mấy lời thành-thực, mong nối lại tình xưa, để thường có những dịp luận-bàn cùng nhau trên giấy mực.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

Giải-luận năm cái đặc-sắc về cuộc đại-hôn của Kim-thượng

Kim-thượng mới kết-duyên cùng Hoàng-hậu Nguyễn Thị-Lan. Lễ đại-hôn đã cử-hành ngày 24 Mars vừa rồi. Các báo trong nước đều đã tỏ lời hoan-nghênh một cái lễ hôn tự-do của một vị đế-vương tân-học mà thiếu-niên anh-nhuệ của nước Việt-Nam.

Cuộc đại-hôn này, chúng tôi thấy có năm điều đặc-sắc đáng làm khuôn-phép cho hết thảy quốc-dân nam-nữ còn đang độ thanh-niên chưa có hôn-phối và cho các người làm cha mẹ hay chuyên-chế việc hôn-nhân của con cái. Vậy giải-luận ra sau này. Năm điều là: Hợp phép vệ-sinh, tuyển-trạch tự-do, tinh-thần bình-đẳng, phá thành-kiến về tôn-giáo và chí quả-quyết.

1) *Hợp phép vệ-sinh.* — Tệ tảo-hôn ở Á-châu có đã lâu đời. Không những nó làm ngăn-trở tuổi học-hành của kẻ thanh-niên mà nó lại làm suy-yếu cho giống nòi không kể sao hết. Bởi vậy các nước văn-minh đều phải đặt ra luật để định tuổi cho dân phải tuân đó mà lấy vợ lấy chồng. Nhưng lại phải theo cái xuân-kỳ do khí-hậu của xứ-sở hun-đúc. Cho nên ở ôn-đới như bên Pháp thì định trai 24 tuổi, gái 20 tuổi mới được kết-hôn. Ở nhiệt-đới và ôn-đới như Việt-Nam, Nhật-bản thì định vào độ trai 18, 19 tuổi, gái 16, 17 tuổi. Còn như cổ-lệ Á-đông nói trai 30 tuổi gái 20 tuổi mới kết-hôn thì về bên trai ít giữ được như thế, thành ra lẽ chỉ là lời hư-văn.

Tệ tảo-hôn ở Ấn-độ nay còn thịnh-hành, nhất là những nhà quí-tộc, có ông vương bà chúa lên năm sáu tuổi đã có vợ có chồng. Ở Việt-Nam ta thì không phải nhất-luật đều tảo-hôn, nhưng các vùng nhà quê ngày xưa cũng hay theo thói dựng vợ gả chồng cho con cái từ còn thơ-ấu, sau lớn chúng chê-bôi nhau cũng nhiều, hoặc sinh nở non-nớt không nuôi được cũng không ít. Nhưng nay tệ ấy cũng đã bớt đi nhiều rồi.

Nay Kim-thượng với Hoàng-hậu đều 21 tuổi, học-nghiệp thành-tựu, tri-thức tự-chủ được cả rồi mới kết-hôn. Điều đó đáng làm phép cho quốc-dân về việc hôn-nhân là một.

2) *Tuyển-trạch tự-do.* — Vợ chồng không những là bạn trăm năm, mà lại còn quan-hệ về nòi giống về ý-chí, về sự-nghiệp của nhau nữa. Vậy người ta có được thỏa lòng ước-nguyện của mình mà lấy nhau thì mới mong được hưởng hạnh-phúc về lứa đôi. Điều này ở Việt-Nam ta từ nhà trung-lưu trở lên, ít người được hưởng hạnh-phúc ấy. Những nhà hơi có chút gọi là bề-thế thì nhất là hay chuyên-chế về việc hôn-nhân của con. Không biết rằng cái người mình ưng, nhưng lại không phải là cái người mà con mình thuận. Thế mà cũng bắt con phải lấy nhau, thành ra ép duyên. Duyên đã ép thì còn sướng gì. Vậy làm cha mẹ nên để cho con được tự-do tuyển-trạch lấy

người yêu. Cha mẹ có biết chỗ nào xứng-đáng cho con thì chỉ nên giới-thiệu để con tùy ý xét lại mà thôi. Con thuận thì được, không thì thôi, không nên ép. Mà dù con có lầm đi nữa thì hắn chịu lấy, hắn không hối-hận được nữa.

Nay Kim-thượng với Hoàng-hậu do duyên trời gặp-gỡ mà tự-ý định nên, thế là đúng như sở-nguyện về tự-do tuyển-trạch đó. Một điều đáng làm khuôn phép cho quốc-dân về việc hôn-nhân là hai. Tuy thế nhưng về điều này mà quốc-dân muốn thực-hành được, thì kíp phải bồi-bổ sự học-thức cho con, nhất là cho con gái, thì nó mới đủ trí khôn để tự-chủ, biết người hay kẻ dở mà chọn, không bị lừa dối.

3) *Tình-thần bình-đẳng.* — Trong chỗ vợ chồng người Việt-Nam ít được có cái tinh-thần này. Ngày xưa cũng có cái phong con gái nhà giàu sang hay tìm người học trò nghèo hay chữ mà gả, nhưng nay thì không còn thói ấy. Tục có câu : « So từng gốc rạ », nghĩa là nhà này có bao nhiêu ruộng tức là bao nhiêu gốc rạ, thì lại tìm vào nhà kia có bấy nhiêu ruộng tức là bấy nhiêu gốc rạ mà gả chồng dựng vợ với nhau. Chứ kém là không xong. Đó là so của, còn so tước-vị thì lại càng nghiêm-khắc lắm. Con nhà tổng-lý không lấy con nhà bạch-đinh, con nhà quan không lấy con nhà dân. Chỉ so tiền của tước-vị chớ không cần gì tư-cách tâm-tính của hai người trai gái. Thành ra được đàng nọ hỏng đàng kia, mà nhân-duyên trái lỗi nhau là thường.

Nhà quan dân còn thế, nữa là nhà vua. Trên lịch-sử có vua Lý Thánh-tôn lấy bà Ỷ-Lan là một cô gái nhà bình-dân đang hái dâu mà gặp gỡ. Nhưng đó là ngôi thứ-phi, còn các ngôi Hoàng-hậu của tự-quân thì đều là con nhà quí-phái có quyền-bính cả. Vì lấy từ khi vua còn nhỏ, quyền chủ-hôn ở nội-cung và triều-thần, thế tất là người ta phải kén vào nơi thế vị. Đã câu-nệ giai-cấp thì ít được như ý là lẽ tất-nhiên.

Nay Kim-thượng kết-duyên với Hoàng-hậu Nguyễn-thị là con một nhà điền-chủ Nam kỳ, chẳng phải là hầu-môn tướng-phủ gì. Một điều đáng làm khuôn phép cho quốc-dân về việc hôn-phối là ba.

4) *Phá thành-kiến về tôn-giáo.* — Từ ngày có cái luật điều tín-giáo tự-do ở các nước Âu-châu truyền đi, thì các tôn-giáo trong thế-gian không thù-hằn cừu-địch nhau như trước nữa. Nhưng sự thông hôn-nhân với nhau của những tín-đồ hai bên thì vẫn chưa được tự-do. Trừ phi một người con trai hay gái chịu dứt bỏ những điều mình vẫn tín-ngưỡng đi mà theo về tôn-giáo của người yêu, thì không thành phu-phụ được.

Bởi vậy nhiều đôi trai gái biết nhau yêu nhau đã minh-sơn thệ-hải, nghĩa nặng tình sâu với nhau, chỉ vì khác tôn-giáo nhau, mà hai bên cha mẹ đều gắng nhau, đã không bên nào chịu cho con mình theo tôn-giáo của vợ hay là của chồng nó, lại cũng không chịu nhận có dứa con dâu hoặc con rể được tự-do giữ tín-ngưỡng cũ của nó. Thành thử người con phải rẽ thúy chia loan với nhau.

Ở một tỉnh miền xuôi năm vừa rồi có hai người trai gái đều đã có chức việc. Một người về giáo Nho, Phật, một người về giáo Thiên chúa, do biết nhau yêu nhau rồi đi lại với nhau đã được một mụn con trai. Nhưng cũng vì vấn-

để tôn-giáo không điều-đình với nhau được, bên nhà trai lừa bắt lấy con rồi cưới vợ khác. Thật đáng tội nghiệp.

Coi đó thì biết giữa cái đất «tứ-hải giai huynh đệ» của loài người, vẫn còn có nhiều những cái hàng rào phân-cách, mà cái hàng rào tôn-giáo là một. Trong cái hàng rào tôn-giáo ấy thì điều không được tự-do kết-hôn là một. Bao giờ tự-do kết-hôn với tự-do tín-giáo được đi đôi với nhau ở giữa các giáo-hội, thì cái tình thân-ái của loài người sẽ nhân đó mà cố-kết thêm một tầng, cái rào tôn-giáo cũng nhân đó mà quang đi được một quãng.

Nay Kim-thượng là tín-đồ Nho Phật mà kết-hôn với Hoàng-hậu Nguyễn-thị là tín-đồ của Thiên-chúa giáo. Hoàng-thượng là chủ-trương các việc nghi-lễ giáo-hóa của một nước cũ, cố-nhiên phải giữ những điều tôn-tín của quốc-điển, còn Hoàng-hậu thì lại cũng được giáo-hội Thiên-chúa cho rộng phép để châm-chước theo đôi điều nghi-lễ bên đời. Tức là trước lăng miếu tổ-tiên, Hoàng-hậu được đứng vái và khấu-đầu làm lễ, mà không phải lạy sụp như lễ cũ bên đời. Thế là Hoàng-thượng với giáo-hội Thiên-chúa đều đã bỏ được cái thành-kiến của các nhà tôn-giáo như khi xưa.

Ngày nay là đời văn-minh, chủ nghĩa nhân-đạo ngày thêm tăng-tiến. Hoàng-thượng khi tây-du mới về đã bỏ cho thần-dân cái lễ lạy sụp trước người sống, thực là một điều đáng ghi. Còn cái lễ sụp lạy trước tiên-tổ thần-minh thì nay chỉ nên đứng vái mà khấu đầu trước bàn thờ là đủ sự tôn-kính rồi. Bởi vì tôn-kính là do ở tâm, còn bề ngoài thì làm thế nào cho tỏ ra đã có một cách kính-cẩn rồi là đủ, chứ làm cho cái thân đến khốn-đốn mất cả trang-nghiêm thì cũng không thấy tôn-kính nữa. Như thế thì tưởng hết thảy người trong bổn-đạo Nho Phật cũng nên theo lễ đứng vái và khấu-đầu ấy.

Kim-thượng lại làm khuôn phép cho quốc-dân về việc hay cầu-nệ lễ-tục nữa là bốn.

5) *Chí quả quyết.*— Có biết bốn điều trên mà thiếu chí quả-quyết cũng không thực-hành ra được. Không cứ việc lớn, việc khó, mà đến việc nhỏ việc dễ cũng vậy, thường thấy lắm người nói nhiều mà làm ít, hoặc chỉ có nói mà không có làm. Là chỉ vì không đủ chí quả-quyết, không biết tự-tín ở nơi mình đó mà thôi. Bốn điều trong một cuộc hôn-nhân trên ấy, đối với một nhà đế-vương ở một nước cũ như nước Việt-Nam này mà thực-hành được không phải là dễ. Thế mà Hoàng-thượng tự-quyết và tự làm được một cách an-ổn thỏa-hiệp như thế thì biết Ngài có chí quả-quyết và sáng-suốt lắm. — Lễ đại-hôn đã thành-lập rồi, cho nên bài này chúng tôi chỉ giải-luận về phần nghĩa-lý trong đó mà thôi. Vì phần này nó còn ảnh-hưởng cho sự hôn-phối của thanh-niên, cho sự tín-giáo của quốc-dân trong nước về sau còn nhiều.

HẢI-KHÁCH

Ngự-dung Đức Đại-Nam Hoàng-hậu bận triều-phục

Kinh ảnh Patrie Annamite

Đức Đại-Nam Hoàng-hậu, có đức ông Tùng-đệ theo hầu, ở đèo Ải-Vân, khi Ngài sắp lên xe auto.

Kinh ảnh Patrie Annamite

Chính-sách của quan Toàn-quyền René Robin đối với việc cai-trị dân An-Nam

Từ khi ông ROBIN được cử làm chức Toàn-quyền Đông-Pháp, các báo đều có đăng nhiều bài dư-luận và lịch-sử Ngài. Ngài là một vị thủ-hiến đã từng-trải kinh-nghiệm ở xứ này, nay mai lại sắp sang cầm quyền trọng-nhiệm, nhân-dân có chứa-chan lòng hi-vọng, vậy bản-chí lục-đăng bài của ông N. T.-L. sau này để góp phần dư-luận.

N.-P.

Các báo thông-tin đều đã đăng tin hãng Arip *cho biết ông* RENÉ ROBIN *được cử làm Toàn-quyền Đông-Pháp và lược-thuật đời chính-trị của Ngài ở Đông-Pháp.*

Những lời thuật đó theo điện-tín của hãng Arip *nên rất ngắn mà chúng ta nhận ra rằng có nhiều chỗ khuyết-điểm. Song một bức điện-tín thì tất phải như thế! Đọc qua bức điện-tín đó, ai cũng công nhận một điều này: Quan Toàn-quyền « Mới » của ta, gọi là mới nhưng chính là một người « cố-cựu » Đông-Pháp, một người đã hiểu hết các vấn-đề man-mác trong trường chính-trị và kinh-tế Đông-dương dù xét về phương-diện nào cũng am-tường.*

Sau cái chết thảm-thiết đáng thương của một người cũng là bạn cố-tri của Đông-dương là quan Toàn-quyền P. PASQUIER, *phần nhiều đồng-bào ta chú-ý vào việc lựa người kế-nghiệp làm thủ-hiến xứ này nhằm giữa lúc tình-hình kinh-tế cũng lung-lay mà lòng tin-nhiệm và những sức-mạnh tinh-thần cũng như nâng-yếu, và giữa lúc, nói riêng về nước ta, một Triều-đình bấy nay lặng-lẽ đã bước vào thời-kỳ cải-cách canh-tân trọng-đại; đồng-bào ta lo là lo lắng sao cho được một người có lịch-duyệt, vì dù hoạt-bát thông minh và sẵn lòng làm chính-sách hay đến đâu, nhưng trước khi đúng tay vào việc, trước khi làm việc cho có hiệu-quả, cũng phải có từng-trải, từng quen biết đủ nhân-vật và tình-hình xứ này, nhiên-hậu mới cai-trị được. Nhà văn-hào* Rabindranath-Tagore *nói rằng: « Trong những sự-vật có cảm-giác, có sinh-hoạt, dễ sinh ra vết thương lắm thay! » Về việc cai-trị thuộc-địa càng thấy mỗi việc làm đều có động chạm đến cảm-giác người ta, tâm hồn người ta.*

Vậy trước hết có một điều mà ta chắc hẳn không còn ngờ là điều này: Ông ROBIN *sẽ không phải như những người nào mới sang Đông-Pháp mà cần phải học-tập mới hiểu biết nhân-vật Đông-Pháp. Cũng chẳng kém gì ông* PASQUIER *trước là bạn đồng-sự và bạn riêng của Ngài, quan Toàn-quyền bây giờ, về phong-tục quốc gia của ta, có thể chỉ bảo cho nhiều những thanh-niên ta ôn lại phong tục của nước mình,*

với ai là thanh-niên Nam Việt mà hấp-thụ được nhiều giáo dục của phương Tây hơn là của tổ-quốc. Điện-tín Arip đã nhắc lại cho ta biết rằng từ năm 1900, ông Robin 26 tuổi mới giật được luật khoa tiến-sĩ ở Đại-học-đường Poitiers ra, thì tới ngay cõi Đông-dương sung vào ngạch cai-trị. Khởi-thủy Ngài trọng-nhậm ở bên Cao-miên, sau đổi đến Bắc-kỳ, rồi luôn mãi cho đến lúc lên tới bậc cao nhất ở cái thang chính-trị xứ Đông-Pháp. Ngài vẫn quyền-luyến riêng xứ này mà ở luôn ở Bắc-kỳ, trừ ba năm ở tỉnh Thanh-hóa trong Trung-kỳ. Sau khi làm chánh tòa Nam-chính ở phủ Thống-sứ Hà-nội, ngài lại làm chánh văn-phòng cho quan Toàn-quyền Klobukowski, rồi làm giám-đốc những việc hành-chính chính-trị ở phủ Toàn-quyền (đó thực chức như vậy chứ không phải « giám-đốc những việc cai-trị », theo như lời Arip) Ta nên nhắc lại cái hồi Ngài ở Thanh-hóa trong ba năm trời, vì khi Ngài ở đầu tỉnh đó, cái tỉnh thực là cái « vườn đã sinh-sôi nảy-nở ra những tay cầm quyền có giá-trị » (ta còn nhớ rằng quan Toàn-quyền Pasquier trước cũng làm công-sứ tỉnh Thanh, quan công-sứ Robin đã cai-trị theo một chính-sách khác hẳn mọi người mà đã có những kết-quả rất tốt. Năm 1921, Ngài được làm chức Thống-sứ Bắc-kỳ và chức tổng thư-ký phủ Toàn-quyền. Năm 1925, được sung chức Toàn-quyền Đông-Pháp. Công-nghiệp chính-trị của ông ở đất Bắc từ năm 1925 cho đến năm 1931, đã để ảnh-hưởng sâu-xa không ai quên được. Dù có những việc thảm-đạm xảy ra ở đất Bắc vào hồi năm 1930 và 1931, mà trong khi đó ông Robin đã có cái trách-nhiệm nghiêm-trọng buộc phải quyết-định, đã in vào những trang cuối cùng cái lịch-sử chính-trị của ông một đôi vẻ âm-thầm, song ta bình-tĩnh không thiên-vị mà xét thì nên công-nhận rằng: Ông Robin đã đảm-đương trách-nhiệm khó khăn lúc bấy giờ một cách cương-quyết mà hoàn-cảnh bắt ông phải thế cả chủ-ý nhất-định của ông là cốt làm sao cho dân-tình được man yên-tĩnh. Những việc đã xảy ra vừa đau-đớn cho cả người Pháp lẫn người Nam, song nguyên-nhân ai cũng phải biết vì người ngoài truyền-bá cái vạ lây cho ta, nhưng thiết-tưởng nhắc lại mãi những việc đó cũng chẳng nên, giữa hồi này sự liên-lạc mật-thiết của hết thảy mọi người Đông-Pháp là một sự rất cần: việc đó đã lần vào vòng sử-ký; trong sử-ký đó cũng như ở hết thảy các nước ở trên hoàn-cầu, có những trang thảm-đạm, trang thảm-đạm không thể khiến ta quên được những trang vui vẻ lộng-lẫy hay làm cho những trang sau mất vẻ phong-quang. Vậy nếu những trang kia làm quên công-lao của một người mà lòng tin-nhiệm sáng suốt của chính-phủ Cộng-hòa Pháp đã lại đặt một lần nữa lên ngôi thủ-hiến Đông-Pháp, thật cũng chẳng công-bằng, vì nhớ người đó lịch-sử cộng-tác Pháp-Nam đã có được biết bao nhiêu trang lộng-lẫy.

∴

Trong bài này tôi muốn lược-tả một cách thành-thực cái bản-tính quan Toàn-quyền và tư-tưởng của Ngài về chính-trị và kinh-tế ở xứ này. Cái chân-dung của quan Thủ-hiến muốn tìm thì không tìm được ở trong những câu ca-tụng của một vài hạng người, trong những lời công-kích của một vài người khác, vì những lời khen hay chê đó đều đáng ngờ là thiên-lệch. Song những tấm gương trong đã phản-chiếu cái cốt-cách của ông Robin, mà phản-chiếu đúng không sai-lạc, nếu ta muốn tìm,

nếu ta biết tìm, thì cũng không hiếm đâu. Người Tây có câu thành-ngữ : « truyền thần tự mình vẽ ra cho mình » (peint par lui même). Quan cựu Thủ-hiến Bắc-kỳ mà nay là Thủ-hiến Đông-dương cũng đã từng tự phác họa hình-ảnh của Ngài như vậy. Ngài đã có phen thực hành những công kia việc nọ, có phen giải tỏ ý-kiến, đọc diễn-văn. Ta nên nói ngay rằng : Ngài hay làm nhiều mà nói thì nói rất ít. Ấy những người xứng-đáng làm người hướng-đạo cho các dân chúng đều như thế cả ; mỗi lời nói là nói ra để làm việc, hoặc là làm rồi mới nói sau, nói cho tỏ cái kết-quả hiển-nhiên. Ông Robin *không ưa nói nhiều hay để cho người khác bàn-tán nhiều về Ngài, về những ý-kiến của Ngài, những việc Ngài dự-định. Tính Ngài thích trầm-tĩnh, tịch-mịch. Sau khi đã trầm-tư, Ngài thực-hành cái ý-kiến, chia việc ra mà tùy thời thực-hành dần dần hay nhanh-chóng ; nhưng bao giờ cũng theo khuôn mẫu những thực-tế ; Ngài không bao giờ thiên về lý-tưởng mà sai lạc trước các tình-trạng man-mác bao-la, biến-hóa vô-cùng, là cái cuộc đời này. Nhưng bao giờ Ngài cũng làm đã rồi hoặc có muốn nói thì sau mới nói, Ngài ưa một vài lời trâm-ngôn mà trong đó có những câu này : « đừng bảo ta sẽ làm việc này việc nọ ; phải làm xong, rồi bảo ta đã làm rồi ».*

Như thế Ngài ít khi diễn-thuyết, nhưng ta càng nên chú-ý vào những lời Ngài diễn-thuyết, và muốn biết tâm-tình của Ngài thì có thể xét ở đấy và ở công việc hành-vi ngài vẫn bao giờ cũng theo một chủ-nghĩa.

Ôi ! Diễn-thuyết, diễn-thuyết ! Người làm sao thì diễn-thuyết làm vậy. Biết bao phen bài diễn-thuyết dù của người cầm quyền đọc ra, mà cũng không có ý-kiến gì xác-thực « như một cái ống rỗng trong có tiếng vang rầm » theo câu thơ kỳ-dị của Mallarmé.

Lắm bài diễn-thuyết chẳng đủ lấy cái văn hay mà che cái ý không xác-thực.

Diễn-thuyết của ông Robin *thì không thế.*

Dù người ghét quan Toàn-quyền cũng phải công-nhận rằng không bao giờ diễn-thuyết của Ngài là hư-văn. Thế cho nên ta giở lại tập diễn-thuyết ấy có thể hiểu rõ những việc trước Ngài đã làm mà đoán biết được những việc sau này Ngài sẽ làm.

Ông Robin *tự xưng là cựu-địch của những chương-trình ngông-nghênh chỉ vin vào lý-tưởng hão-huyền mà bày đặt và đem ra lòe mắt dân-gian. Chương-trình của ông* Robin, *ông nói rõ nó chỉ là một cái chính-kiến để làm mực thước mà hành-động.*

Theo như lời Ngài tuyên-bố với các ông Dân-biểu năm 1926 : « Một chủ-nghĩa tuyệt-đối sẽ là chuẩn-đích hết cả các việc của tôi : đi cho tới những kết-quả xác-thực, hiển-nhiên, làm những việc có ích ngay cho cái tình-thế tinh-thần và vật-chất dân Nam-Việt. Tôi quyết bỏ ra một bên hết thảy những chính-sách chỉ đủ gieo ở trong dân-trí những điều ao-ước lờ-mờ và những mầm rối-loạn, chứ chẳng có gì hữu-ích cho Chính-phủ Bảo-hộ, mà lại càng vô-ích cho quốc-dân An-Nam. Dân-tộc nào cũng vậy, không thể sống bằng những sự hành-động hoặc những tượng-trưng vô-nghĩa. Chỉ sống bằng những sự thực-tế, thực-tế hiển-nhiên có ích cho đại-đa-số, mà đa-số dân ấy phải sinh-dưỡng trong một cái không-khí cực-kỳ thái-bình, trong một xã-hội có kỷ-cương nghiêm-ngặt không hề được chênh-mảng ».

Cái quan niệm về phép trị dân ấy hệt

như quan-niệm cũ vẫn làm căn-bản cho sự tổ-chức xã-hội Việt-Nam từ xưa. Không ai có thể không công-nhận rằng ông ROBIN, *dù trong những lúc tình-thế rất khó khăn, bao giờ cũng giữ vững cho đất Bắc-kỳ được sự thái-bình và cái kỷ-cương cần cho một dân-tộc Á-Đông để tiến-hóa bình-tĩnh. Người Pháp nói người cương quyết là « cái bàn tay sắt », lại nói người ngọt-ngào, là người biết đi cái bít-tất tay bằng nhung chùm lên bàn tay sắt của mình. Người ta hỏi rằng ông* ROBIN *có để cái « tấm nhung » trên « bàn tay sắt » hay không? Đối với câu hỏi đó của một vài bạn đồng-nghiệp, bạn đồng-nghiệp ấy lại tự trả lời rằng không. Cũng chẳng qua ông* ROBIN *đã sinh-hoạt trong một cái cảnh tịch-mịch, mình tự biết mình, và lấy cái trách-nhiệm bổn-phận mình làm vui, không cần cầu lấy cái lòng ái-mộ của công-chúng cho nên nhiều người hiểu lầm ông. Cái « tấm nhung bọc tay » tốt nhất há chẳng phải là cái chính-sách : ai có quyền nấy, phân-phát cho mọi người những quyền mà họ đáng được hưởng? Năm 1930, một năm trước khi ông* ROBIN *rời xứ Đông-Pháp, ông* ROBIN *đã có thể nói được rằng :*

« Chẳng có một điều nào tôi đã hứa mà tôi không giữ được lời hứa. Cái chính-sách của tôi bao giờ cũng rất khoan-dung và đối với nhân-vật và phong-tục thì rất kính-cẩn, khi sai-lạc đường thì trở lại lề-lối phong tục bản-xứ. Tôi đã trao lại cho mỗi viên quan-chức cái quyền-hành của từng vị, dù ngạch cai-trị, tòa-án, giáo-dục hay học-vấn. »

Ông ROBIN *chú-ý vào trật-tự xã hội, mà ông lại để ý kính-cẩn phong-tục, gìn-giữ công-lý, theo công-lý. Nhà Thủ-hiến có oai-quyền chẳng phải là một nhà Thủ-hiến chặt-chẽ lôi hết cả quyền chính về mình mà chính là người giữ đầy đủ oai quyền của mình, nhưng lại săn-sóc đến những người dưới quyền mình, mọi người đều giữ một phần quyền hành-chính, ai nấy đều có thể tự-do làm tròn bổn-phận, theo lương-tâm mình mà không ai xâm-phạm đến quyền của ai một cách vô-lý. Thế cho nên cũng như ông* PASQUIER, *ông* ROBIN *thích chính-sách Bảo-hộ, vì Bảo-hộ trả lại cho người thuộc-địa cái phần quyền của thuộc-địa, trả lại cho nước Pháp cái phần của nước Pháp thực-dân. Đối với quan An-Nam, ai biết chịu hết trách-nhiệm của mình, biết nói năng và hành-động, biết bạo-dạn tỏ những sáng-kiến chân-chính, là những vị quan được ông* ROBIN *tin dùng hơn cả.*

Song kinh-cẩn những phong-tục không phải là ưa cái sự bất-động, đem sự bất-di bất dịch mà lập thành phương-pháp mà trị dân. Ta không nên quên rằng ông ROBIN *đã là một quan Thống-sứ đã thực-hành chủ-nghĩa « phân-quyền », trong chính-thể cai-trị của ta từ thượng-cổ đến giờ có cái đặc-tính là chung các quyền vào tay một vị quan. Đây là chúng tôi nhắc qua lại việc đặt ra ngạch quan tư-pháp, sáng kiến tuy bạo-dạn và khiến cho ai không tin sự cải-tạo hữu-ích, sợ mọi sự canh-tân, vẫn ta thán chưa ngớt. Nhưng vừa đây đức Bảo-đại cũng đã thực-hành sự cải cách cũng giống như quan Toàn-quyền* ROBIN *đã thực-hành, đã lập ra ở Trung-kỳ những quan-lại tư-pháp để gánh đỡ cho quan-lại hành-chính những việc tư-pháp và phân-xử cho dân được hưởng hết mực công-bằng.*

Trong một việc cải-cách này ta thấy rõ quan Toàn-quyền muốn cho nước

Nam ta hưởng những phương-pháp mới đã thực-hành bên Âu-châu. Vậy một bên cái danh-vọng và sự từng-trải lâu năm của Ngài, một bên cái lòng lo-lắng cuộc tiến-hóa cho dân mà trước Ngài đã luôn luôn tỏ ra trong chính-sách, đó là hai điều khiến cho ta có hi-vọng chắc-chắn rằng trong chính-sách đối với dân bản-xứ, ông Robin *sẽ bảo-tồn những cái cần phải bảo-tồn, nhưng sẽ hoán-cải những sự không tránh khỏi luật đào-thải của tương-lai, sẽ kính-cẩn những phong-tục nó hàm-súc cái tinh-thần riêng của dân-tộc ta, nhưng sẽ mưu cầu sự tiến-hóa, tuần-tự nhi tiến, vì nước ta có thể tiến-hóa mà phải tiến-hóa mới được.*

* * *

Nói tóm lại theo nét bút của Ngài đã tự phác-họa lấy mình, ông Robin *tỏ cho ta là một người rất mực có trí cương-nghị quả-quyết, nhưng công-bằng và đại-lượng, là người bạn yêu những lề-lối phong-tục nước Cổ Nam-Việt, nhưng rất đỗi hoan-nghênh Tân Nam-Việt, nếu thanh-niên có cái ước-vọng chánh-đáng đi tới một trình-độ chánh-trị và xã-hội hơn xưa, nhưng biết tránh sự quá hấp-tấp.*

Vậy xin góp lời mừng xứ Đông-dương lại được lần nữa gặp-gỡ một quan Thủ-hiến, không những là một quan Thủ-hiến có giá-trị, mà lại còn là một người thanh liêm rất mực.

N. T. L.

Ta phải nên cải-cách âm-nhạc thế nào?

II

Hát xẩm

Hát xẩm là một khúc hát để cung cho phái bình-dân lao-động, thường dùng ở những nơi bến to chợ lớn. Kẻ nhà nghề phần nhiều là những người mù và nghèo dản ông đàn bà đủ cả.

Nhạc-khí thì có một cái đàn bầu (đàn độc-huyền) là cốt-yếu, rồi đến trống mảnh, sênh, cặp-kè, thanh-la, và đàn nhị. Bọn xẩm lớn thì có đủ người dùng đủ những nhạc-khí trên ấy, nhưng bao giờ thì người kép cũng đánh đàn bầu. Người kép xẩm vì bị mất bộ thị-giác, nên bộ thính-giác phải dùng nhiều mà càng phát-đạt. Bởi vậy ngày xưa có nhiều người kép xẩm hay đàn bầu lắm, dùng tiếng đàn để ca ra tiếng hát được cả. Bây giờ thì ít, nhưng cách ba năm nay hồi rằm tháng tám tôi còn được thấy một bọn xẩm về hát ở chợ tôi rồi đi hội đền Kiếp-bạc. Trong bọn đó có một người kép đánh đàn bầu tuyệt-diệu. Có một dây đàn bầu mà gảy thành ra tiếng đàn tranh, đàn tàu, đàn đáy được cả, mà tiếng lại to và rõ-ràng thánh-thót hơn những kẻ nhà nghề của những cây đàn ấy thường gảy. Đứng xa mà nghe không ai dám bảo là đàn bầu.

Giọng hát xẩm này phổ-thông là lối lục-bát, nay thêm vào lối ca-lý. Tính-chất bài hát là huê-tình, khuyến-hiếu, khuyến lập-chí, những người bình-dân rất hay nghe.

Huê-tình là những bài tả về ái-tình nam-nữ, khuyến-hiếu thì như bài « nhị-thập tứ hiếu » và như những câu :

Trời đông gió rét căm-căm,
Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo xẻ con, v. v.

Khuyến lập-chí thì như những câu :

Làm trai có chí thì nên,
Chớ lo muộn vợ, chớ phiền muộn con.

Hay là :

Làm trai quyết chí lập-thân,
Công-danh chẳng vội, nợ-nần chẳng lo.
Khi làm nên ông trời cũng giúp công cho.
Làm trai năm liệu bảy lo mới hào, v. v.

Bọn nhà nghề tự giải chiếu ra giữa chợ, tự hòa nhạc lên rồi tự hát. Những người đi chợ đến nghe tùy tâm thưởng tiền cho. Thường có người bảo người kép xẩm gảy đàn bầu để ca ra cái câu của mình bảo, ca đúng thì thưởng nhiều tiền cho. Những trai gái nhà quê hay chơi cách ấy lắm, sự thưởng tiền bởi lòng tự-do của khán-giả, như thế mà nghề xẩm phát-đạt được, có người

kép xẩm làm đến giàu có, thì biết bên nhà nghề hết bổn-phận mà bên khán-giả hết lương-tâm là dường nào.

Ngày xưa thì những bọn xẩm thường liên-lạc nhau, hoặc là các môn-sinh cùng một thầy, hợp làm một hội, đệ-niên tế thánh cùng nhau vui vầy, và tập rèn thêm. Thế cho nên thường nhiều bọn xẩm hát hay, đến những nhà phú-quí cũng tìm vào hát chơi. Đến nay thì ít thấy họ còn có những cái hội-xã như trên, là vì những nơi chợ bến buôn bán to ở nhà quê ngày nay rút cả vào tỉnh-thành. Mà tỉnh-thành thì ngựa xe rộn-rịp quá, ít chỗ dong cho bọn xẩm diễn nghề và khách xúm đông xem. Bởi vậy nghề xẩm ngày một tiêu mòn đi.

Ngày nay thường một hai đứa mù-lòa mới lõm-bõm nghề xẩm đã vác cái nhị gẩy xuống góc chợ và nghêu-ngao vài tiếng lầm-nhầm, làm cách ăn mày có cớ. Đó không gọi là xẩm được.

Tuy thế nhưng những bài hát xẩm xưa nay đều ít có bài hay cả. Trừ một vài bài phong-dao tràng-thiên có giá-trị ra, thì nhiều bài bởi kẻ vô-học chắp-chánh thành ra, không có nghĩa-lý gì. Người thức-giả không khỏi lấy làm chán tai. Coi đó thì biết lâu nay ít có người học-thức chịu quan-tâm đến nghề hát xẩm là khúc nhạc của phái bình-dân lao-động.

Hát xẩm đã là khúc nhạc của phái bình-dân tiện dùng thì ta không nên bỏ. Người xưa đặt ra khúc nhạc này là có nhiều ý nghĩa sâu xa lắm. Một là người mù đã thiệt mất sự trông thì tất phát-đạt sự nghe, dùng cho làm về nghề âm-nhạc là hợp tư-cách. Người mù nghèo cũng nhờ đó mà được có một nghề thanh-thú để sinh-nhai, chả hơn để đi ăn mày vừa lười mà khổ sở, cho làm thầy bói thì nói láo mà làm hại trí-thức người ta. Hai là những phái bình-dân lao-động như anh em đò dọc, phu khiêng gánh, các cô thợ cấy thợ cỏ v. v. vừa ít tiền vừa bận việc, sẽ nhân những lúc đi chợ mà được dự một cuộc tiêu-khiển dễ-dàng mà không tốn-phí bao nhiêu. Nhà văn-sĩ có thể nhân đó mà đặt ra những bài hát hay để truyền-bá cho bọn bình-dân được có những tính-tình khoái-hoạt, những tư-tưởng thiết-thực về đời người.

Do hai cái nguyên-nhân trên ấy thì nay những nhà âm-nhạc, những nhà thi-sĩ, nên soạn ra một tập hát xẩm mới, đem những ý đẹp khoái-hoạt về ái-tình, những tư-tưởng hoạt động tiến-thủ về cuộc đời mà phả vào trong những khúc hát ấy. Chỉnh-đốn lại những cái nhạc-khí cho vui-vẻ náo-nức mà không sầu-khổ ai-oán, hoặc dâm-đãng miệt-mài. Kẻ bình-dân sẽ được hưởng những ơn-huệ mới-mẻ tốt-đẹp của những bậc trí-thức ấy ban cho.

Hát ả-đào

Hát ả-đào là một khúc nữ-nhạc, từ xưa thông-dụng từ nơi triều-miếu yến tiệc nhà vua cho đến cửa đình và tư-gia dân-gian. Khúc này từ đời nhà Lý đã thấy có. Nay gọi ả-đào hay là có đào tức đời Lý gọi là đào-nương 淘娘, nay gọi kép tức bấy giờ gọi là quản-giáp 管甲, người dân ông gẩy đàn và giữ thể-lệ cho bọn hát.

Nhạc-khí thì ả-đào chỉ dùng có một cái sênh gỗ và hai dùi, khi hát thì gõ. Kép thì dùng cây đàn đáy, thùng vuông dọc dài, gẩy để hòa với tiếng hát của ả-đào.

Bài hát có nhiều lối, mỗi lối theo một giọng. Nhà nghề họ kể ra thì nhiều

lắm, nhưng ta nghe mà tóm lại thì có hai giọng là ngâm với hát. *Ngâm* thì giọng ngân-nga có nhiều những dư-hưởng thêm vào mà kéo dài câu hát ra. Lại lúc khoan lúc mau cho réo-rắt rền-rĩ, khiến cho người nghe phải mơ-màng não-nùng say-đắm. Ngâm như những giọng đọc thơ phú bằng những thể lục-bát, lục-bát gián-thất, ngũ-thất-ngôn, v. v..

Hát thì giọng rõ-ràng dứt-khoát từng tiếng, khiến cho người nghe dễ cảm thấy cái hay ở trong bài. Tức như hát những bài hát nói, xẩm nhàn, ca-lý, vân-vân. Mà phổ-thông và quan-hệ nhất là hát nói. Bài hát nói có hạn câu, đủ câu là một khổ, đủ khổ là một bài. Nhiều hơn thì gọi là bài rôi khổ. Những bài ngâm bài hát nói tóm gọi là những bài hát ca-trù.

Khi hát ở cửa miếu đình thì ả-đào và kép đều phải đứng, ở yến tiệc tư-gia thì được ngồi. Khán-quan nghe hát ít ra phải một người biết cầm chầu. Cầm chầu tức là chấm văn. Có một cái trống nhỏ, người cầm chầu nghe hát mà điểm trống ngắt câu và điểm theo dịp hát dịp phách để nâng cho khúc hát thêm vui. Chỗ nào hay thì các để thưởng. Có nhiều phép nhiều lối đánh chầu, khán-quan mà đánh chầu được sành thì tất phải tốn công-phu.

Khắp trong nước, từ trung-lưu xã-hội trở lên đều lấy cái thú hát ả-đào làm lịch-sự thanh-nhã hơn hết. Phàm lễ to tiệc lớn đều phải có.

Bọn nhà nghề hát ả-đào liên-lạc với nhau thành từng đoàn-thể lớn, gọi là giáo-phường. Giáo-phường là hội tế thánh và rèn-tập con hát mới. Khắp từ kinh-thành đến các hạt nhà quê đâu cũng có giáo-phường, trong có nhiều thể-lệ qui-điển để giữ cho có đáo khỏi phóng-đãng tà-dâm quá. Song bài này cốt nói về tinh-thần âm-nhạc còn qui-điển của giáo-phường là phần riêng của nhà nghề, nên không thuật đến.

Hát ả-đào lại chia hai thứ là hát thờ với hát chơi. Hát thờ thì ở trong cung-miếu nhà vua cũng như ở các cửa đình, hát đều phải đứng lại phải có ca-vũ nữa. Ngày nọ dân-gian giàu có, mùa xuân các làng đóng đám dẫy trà đều hát đủ lối, mượn cớ thờ thần để dân làng được cùng thưởng-thức. Hát dẫy trà thì cô đào các hạt kéo đến đông, hát thi lấy giải. Hát thờ đủ lối thì đại-khái có : dâng hương, thét nhạc, ngâm thơ, đọc phú, hát nói, dồn đại-thạch, hát bài bông, pha trò, v. v..

Ngoài hai lối ngâm hát thì có hai lối dồn đại-thạch và múa bài bông là vui. Còn pha-trò thì như : phụ đồng, làm con điên để khôi-hài giễu đám, không có quan-hệ gì về âm-nhạc.

Đại-thạch tức là đại-thực 大食, dùng khi tiệc lớn. Hai bên đình quan-viên vào tiệc, giữa đình bốn cô đào vừa múa vừa hát.

Hát bài bông thì từ bốn đôi cô đào trở lên đến tám đôi gọi là bát-dật (trước chỉ có nhà vua mới được dùng). Chọn lấy các cô đào đều tầm người với nhau, mặc áo mũi, vừa múa vừa hát, lộn lên lộn xuống.

Dồn đại-thạch với hát bài-bông là hai lối hát vui, còn phổ-thông thì có một cô đào ngâm đọc mà thôi.

Hát chơi thì chỉ hát chứ không có múa, chỉ một cô đào ngồi ngâm hát mà thôi. Lối này những yến-tiệc tư-gia thường dùng.

Ngày xưa trong cung có tiệc mừng thì giáo-phường phải tuyển các cô đào

có thanh có sắc vào hát, cô nào may vua chấm vua yêu thì lên địa-vị lớn. Ở ngoài cũng nhiều cô tri-ngộ với quan-liêu mà có danh-phận. Bởi vậy trong giáo-phường có thế-lực giữ độc-quyền và chia nhau giữ các cửa đình. Lại giữ qui-điều rất nghiêm để bảo-thủ giá-trị cho cô đào và chăm đào-luyện lấy các cô đào hát hay, vì vậy người ta gọi cô đào là gái hồng-lâu, nghĩa là gái chửa chồng còn trong sạch.

Ngày nay xã-hội đổi thay cả mọi tình-trạng. Các cửa đình ít có đóng đám dẫy trả, cuộc sinh-nhai của cô đào không ăn thua về mặt ấy nữa. Các cô đào ở nhà quê thì suy kém dần đi, ở thành-thị thì mở ra nhà hát lớn. Vả chữ Hán ít người học, những bài hát thì nhiều chữ Hán lại nghĩa sâu đời lại trọng kim-tiền, khách chơi cầu thú mua vui về nhục-thể thì nhiều, mà thưởng-thức câu hát thì ít. Nên chỉ bây giờ cũng lại ít người danh-ca.

Khúc nữ-nhạc hát cô đào này, ngày nay về phương-diện hát thờ đã kém đi nhiều, mà xô về phương-diện hát chơi, thì nó chỉ là một khúc âm-nhạc hảo-hoa xa-xỉ mà thôi. Tuy thế nhưng khách chơi còn nhiều thì không thể không cải-lương lại về phần thanh-âm cho hợp với thời-đại. Việc cải-lương cần thứ nhất là đặt lại những bài hát.

Về tính-chất những bài hát ngày xưa, thứ nhất là ca-tụng những bậc danh-nhân, liệt-nữ, rồi đến đề-vịnh những ái-tình cao-thượng, những cảnh-thắng đẹp-đẽ.

Danh-nhân thì không những nói về sự-tích Trung-quốc, là theo cái thói quen của văn-sĩ xưa chuyên đọc sử Tàu, mà nói về sự-tích bản-quốc cũng nhiều. Như Phan Thị-Thuần, Trần Tu, Khang-công (con thứ Quang-trung), Tiền-Trạch (di-thần Hậu-Lê), v. v. đều có bài hát để cổ võ chí-khí.

Ái-tình như những bài vịnh Kiều, vợ chàng Trương, Đặng-Xuân với Hồng-nương cùng là gửi thư, tỉ-bà, v.v..

Tả cảnh như những bài về nước non trăng gió cỏ hoa, v. v.. Đến Nguyễn Công-Trứ thì trong ca-trù thêm ra phương-diện triết-lý về nhân-sinh và ý-khí hào-tráng, đó là hai cái đặc-sắc của văn ca-trù cận-đại.

Những câu triết-lý như:

Ba vạn sáu nghìn ngày thấm-thoắt,
Tự trăng răng cho đến bạc đầu;
Cuộc nhục vinh góp lại có bao lâu,
Ngồi thử ngẫm thợ trời âu khéo quá.
Núi tự-tại cớ sao sông bất-xả,
Chim thì lông, hoa thì cánh, công đâu tạo-hóa khéo thừa trừ...

— Ôi, nhân sinh là thế ấy,
Như bóng đèn, như gió thổi, như chiêm-bao;
Ba-mươi năm hưởng-thụ được là bao,
Vừa tỉnh giấc nồi kê chưa chín.

— Cái hình hài đã chắc thiệt chưa,
Mà lẽo-đẽo khóc sầu rứa mãi;
Trời đất cũng có hình thì có hoại,
Ý chi chi mà chắc, chắc chi chi?

— Xáo trời đất cồ kim, kim cồ,
Cái hình-hài không có, có không.

Những câu ý-khí hào-tráng như:

— Hồ-thỉ đã quen tay vũ-trụ,
Cầm-thư chi lạ mặt quan-hà.

— Vì chẳng điền-viên vui tuế-nguyệt,
Ắn đem thân-thế hẹn tang-bồng.

—Cũng có lúc mây tuôn sóng vỗ,
Quyết ra tay buồm lái trận cuồng-phong.
Chỉ những toan xẻ núi lấp sông.
Làm nên đấng anh-hùng đâu đấy tỏ...

Coi đó thì văn ca-trù không phải là không bổ-ích cho xã-hội. Có người nói nghe hát ả-đào là mượn giai-nhân bình lại những bài văn hay cho mình nghe. Cho nên như trong chỗ yến tiệc, trước công-chúng mà một người con gái tốt tiếng tuyên-bình những đoạn văn thơ giai-tác lên, cũng đủ an-ủi cho lòng người. Còn cái hại về chỗ ngang tắt của khách làng chơi thì lại là vấn-đề khác.

Tuy thế nhưng những bài hát cũ tới nay có nhiều chỗ bất-hợp với xã-hội hiện giờ. Một là trong những bài ca-trù cũ có nhiều chữ Hán quá, ít người hiểu. Hai là nhiều cái tư-tưởng quá cũ, như: « Hơn nhau một tiếng công-hầu ». Ba là những chỗ tả tình tả cảnh thường sơ-lược. Nay những nhà sành âm-luật về lối hát ả-đào, nên đặt ra những bài mới, đem tư-tưởng xã-hội mới và những cách thẩm-mỹ mới mà diễn ra để thay cho những bài cũ.

Còn sự cầm-chầu tưởng cũng nên bỏ, hát hay hay là dở, cử-tọa cùng nghe và cùng hiểu đại-khái là đủ. Chứ bắt quan-viên phải dùng nhiều công-phu tập-luyện mới cầm chầu được, thì cũng là phiền.

Đàn để giúp cho câu hát thì cô đào nên tập thêm lấy đàn tranh, đàn tàu, đàn tây, đàn thập-lục, vừa hát vừa gảy. Khi hát thì ngồi ghế, trước mặt đặt cái kỷ để đàn thì mới dễ coi. Có cần chú kép đi gảy đàn để giữ qui-điều của giáo-phường, thì chú kép sẽ gảy đàn vào những hồi nào mà thôi. Chứ cái cách cô đào ngồi sệp gõ sênh như băm mầm, chú kép bê cái đàn dài lệ-khệ ngồi bên cạnh thì trông thực chướng mắt.

Vậy thì khúc-nhạc ả-đào mà muốn sinh-tồn phải cải-cách lại cả tinh-thần và hình-thức như trên ấy.

Ca-kịch

Ca-kịch là đem những việc xưa nay ra diễn lại, trong có ngụ ý khen chê, thêm có hát và cử-nhạc, để khán-quan xem nghe cho vui mà có ích. Có ba lối là hát chèo, hát tuồng và diễn kịch. Song diễn kịch chỉ diễn ra một cách chân-thực mà không có hát. Vậy diễn kịch là thuộc về mĩ-thuật tả-chân, chứ không thuộc về mĩ-thuật âm-nhạc, nên bài này không luận đến. Dưới đây chỉ luận về hát chèo và hát tuồng mà thôi.

1° *Hát chèo.* — Lối này thông-dụng ở các làng nhà quê. Các hạt đều có những gánh hát, đệ-niên mùa đình đám đi hát các cửa đình và các nhà đám.

Lối hát này thông-dụng cho phái bình-dân nhà quê, nên có nhiều sự tự-do không nghiêm-khắc như hát tuồng. Các vai trò ngoài lúc nói thì hát cho vui, hát thì gặp câu nào hát câu ấy, không cứ nhất-định vai ấy lúc ấy phải hát câu ấy. Đang hát thì hề bông-lơn pha vào mà bông-lơn một cách cợt-nhả cũng được.

Vở hát thì phần nhiều về việc của bản-quốc mà ít việc của Tàu. Cho nên xem hát chèo có nhiều cái khoái-hoạt lãng-mạn đáng thích ý hơn xem hát tuồng. Còn những chỗ hủ bại là: các vai chạm mặt gớm-ghê bẩn-thỉu, các vai tuồng hát gầm-gào ỏm-tỏi, nhảy-

thót đánh nhau nhặng sị, làm mất cả những điệu-cách tự-nhiên, thành rờm rất vô-ích. Vở hát thì quanh đi quẩn lại chỉ những *Phan Trần, Kiều, Huê-Tân Hữu Lượng, Lưu-Bình Dương-Lễ Hán-Sở Thị-Kính, Vợ chồng Trương*. v. v., ít soạn ra được những vở về việc hiện-tại của xã-hội. Gần đây ở Hà-nội có rạp Sán-nhiên-đài cải-lương lại lối hát chèo cũ. Bỏ chạm mặt, quần áo thì theo phong-tục và thời đại, song cũng ít soạn được những vở hay về việc xã-hội bây giờ.

Sau Sán-nhiên-đài, ở Hà-nội có lối chèo gọi là cải-lương Bắc-kỳ, có nhiều vở về xã-hội. Nhưng lấy câu hát làm lời nói. Hát đủ các giọng. Trống-quân ca-lý, sa-mạc v.v. Các vai nói với nhau, cứ lần-lượt hát lên từng giọng để thay vào. Như vai trước hát trống-quân thay cho lời hỏi, vai sau liền tiếp hát ca-lý thay cho lời đáp. Nghe ra lố-lăng không tự-nhiên một chút nào.

Ở nhà quê thì lối hát chèo đến nay lại càng hủ-bại hơn xưa. Các dân làng nghèo dần đi, đình đám ít. Những gánh hát nhà quê lại đều do những người nghèo hèn dốt nát tổ-chức lấy. Rèn-tập ít, đồ-đạc cũ xấu. Mỗi mùa đình đám các gánh hát kéo nhau đi lang-thang, hết làng nọ sang làng kia không được một chầu hát, đói khát thất-thểu, như thế còn nói gì cải-cách.

Ở thành-phố, nào chèo nào tuồng nào hát ả-đào, nào chớp bóng, nào trò siếc, vừa nhiều vừa tiện dụng hằng ngày. Người bình-dân ở thành-phố mất ít tiền cũng được dự cuộc giải-trí luôn luôn. Còn người bình-dân ở nhà quê quanh năm hiu-quạnh. Chỉ có trả đình-đám được dự một hai tối hát chèo để vui cười mà khuây-khỏa cái sống ngặt nghèo vất-vả quanh năm. Tuy tiền hát công-dân chi mà thực họ phải đóng góp vào đó từ trước. Vả chỉ có hát chèo là già trẻ trai gái đều được xem, còn hát ả-đào vừa khó hiểu vừa chỉ có bọn dân anh chơi sành mới thưởng được. Vậy nhà âm-nhạc hữu-tâm về xã-hội lao-nông, nên cải-cách và chỉnh-đốn lại những gánh hát chèo ở nhà quê, và soạn ra những vở hát chèo cho thích-hợp với tình-trạng hiện-thế.

2° *Hát tuồng*. — Lối này có từ đời Trần-thuần mô-phỏng của Tàu, mô-phỏng cả cách hát và vở hát. Toàn diễn về lịch-sử quân-chủ như *Tam-quốc, Chinh-Đông, Chinh-Tây*, trong có vô-số những truyện hoang-đường chủ tiên phép thánh. Bảo rằng để khích-khuyến luân-lý đạo-đức, thì nhiều cái chật bẹp bất-cận nhân-tình. Có chăng chỉ là luân-lý đạo-đức về đời phong-kiến quí-tộc mà thôi, ít có tư-tưởng về xã-hội bình-dân. Nói tóm lại là chỉ diễn những truyện tranh quyền cướp ngôi trong một nước, và sự lạ quái gở mà thôi.

Về mĩ-thuật thì chạm mặt loang-lổ, mũ áo lòe-loẹt lôi-thôi, không đúng sự thực mà cũng chẳng hợp thời-đại nào. Hát thì tiếng ậm-ọe nhiều hơn tiếng hát, khiến người nghe rất khó hiểu. Lại dùng Hán-tự nhiều quá, dẫu người thông Hán-tự mà xem vở tuồng mới diễn cũng không hiểu rõ.

Múa nhảy thì nhảy phiên nhảy bộ và đánh nhau rối-rít mất cả vẻ tự-nhiên. Lại nghiêm-khắc không hát pha câu ngoài vở và ít bông-lơn.

Bởi vậy ngày xưa lối hát tuồng này chỉ dùng ở trong cung vua, ở Kinh-đô và ở các thành-thị lớn. Còn dân gian chỉ có Bắc-ninh như làng Đồng-kỵ là

chỗ lò dạy hát mới có, ngoài ra các làng không dùng đến bao giờ. Là vì: một là tập phải tốn-phí lớn, hai là nó kiểu-sức không hợp với cái tinh-tình khoái-hoạt chân-thực của kẻ bình-dân.

Ở Hà-nội gần đây có rạp Quảng-lạc ra chỉnh-đốn lại lối hát tuồng này. Có soạn được ít vở về xã-hội, diễn lối tả-chân gọi là tuồng mới. Nhưng phần nhiều cũng vẫn còn diễn những vở của Tàu, thần-tiên ma-mãnh, Lã-Bố, Điêu-Thuyền và Quan-ngài, y-nguyên khuyên-sáo mấy mươi đời trước. Có mới chỉ mới ở mấy cái phông, đèn điện và những hạt thủy-tinh lấp-lánh trên mũ những người con gái kiểu Tàu mà thôi.

Molière một kẻ hàn-nho, dùng mấy vở hài-kịch, tự mình soạn ra và diễn lấy mà cải-tạo được xã-hội nước Pháp. Coi đó thì chỗ sân-khấu hát chèo hát tuồng thật là nơi công-tràng giáo-hóa rất phổ-thông. Lại một phần lớn về văn-học, mĩ-thuật ở đó. Song xã-hội Pháp mà sở-dĩ có Molière không phải là ngẫu-nhiên. Trước kia tất xã-hội Pháp phải biết tôn sùng văn-học và mĩ-thuật đã lâu rồi. Có trồng cá được ăn quả, lẽ tất-nhiên như vậy hội ta muốn có quả ngon, về v cũng vậy, về ca-kịch cũng vậy, phải biết vun bón cho gốc cây đã

Ca-lý Huế

Lối hát này cũng có đào kép, nữ-nhạc ả-đào, nhưng chỉ hát giọng lý, chứ không hát lối ca-trù, và chỉ t bành ở Huế mà thôi. Có đào này g miếng gỗ vào nhau mà hát chứ k gõ bai dùi xuống sênh như cô đào ký. Kép không dùng đàn đáy, mà đàn tranh và nhị. Kép cũng có lủ đỡ cô đào. Thích-giả không phải chầu. Lối hát này coi ra cũng c lịch-sự giản-dị. Nhưng bị một chẳng lành và quan-hệ là giọng bá ai sầu-khổ lắm, khiến cho người đến tê-tái lòng, thì còn thú gì. nhà âm-nhạc nên đặt lại cho nh khúc hát mới được rộn-rã, vui phấn-chấn lên và cô đào cũng vừa đờn vừa hát thì mới thêm b động. Lối ca-lý Huế này mà bỏ đ điệu bi-ai thì cũng dùng được.

ĐỖ-NAM

Truyện ngắn

ANH HỦ LẮM

LÊ ĐỨC-NHƯỢNG

■

Mới đây bác xã Khè chẳng may bị cháy lây mất một gian nhà bếp, nhưng chỉ thiệt mất vài cây tre và vài gánh rạ, nên cũng chẳng bắt đền người hàng xóm, sợ lỡ ra sinh sự cãi đánh nhau phải đến cửa quan thì khốn. Bác cho việc phải đến cửa quan là một việc vô-phúc, vì ba-mươi năm trước đây, có một lần, bác vào vườn định cắt cỏ trộm, bị lý-trưởng làng bác bắt giải lên quan. Từ đấy tới nay, bác cạch không dám làm điều gì trái phép, và cũng không dám to tiếng với ai để phải đến cửa quan lần nữa, vì mỗi khi nghĩ đến cái roi mây của cậu lệ, những lời hoạnh-họe của thầy đề cùng những tiếng quát-tháo của quan huyện thì bác lại giật mình thon-thót !

Nhưng cây muốn lặng mà gió chẳng dừng, hương-lý làng bác cứ đem việc ấy trình quan huyện, ngài liền phái nha về khám, rồi sức đòi bác lên để lấy đủ giấy má bẩm tình, và để bắt người sự-chủ đền cho bác. Đính ngày, bác phải tuân lệnh lên hầu quan.

Sáng sớm hôm ấy, cơm nước xong, quen cái thói vào quan như ngày xưa bác đội khăn và mặc cái áo lương cũ để lên huyện. Vợ bác thấy bác mặc cái áo lương đã bạc cả vai thì bảo :

— Sao thầy mày không lấy cái áo lương mới mà mặc, lại đi mặc cái áo cũ ấy, ra đường người ta có cười cho không ?

Ấy, mọi khi đi đâu hay đi ăn cỗ, bác cũng vẫn thường mặc cái áo lương mới và đi đôi giầy cho chững-chạc kia đấy, chứ có phải là bác không biết diện cho sang đâu. Nhưng đi đâu kia thì mới dám diện cho sang, chứ lên quan mà cũng diện cho sang thì có mà bỏ đời. Chỉ vì lần trước ông lý làng bác kêu với quan rằng nhà bác cũng khá mà bác còn phải đòn phải vọt lôi-thôi nữa là bây giờ lại khoe của với quan. Bởi vậy, thấy vợ bác nói thế thì bác vội lắc đầu bĩu môi :

— Vào quan mà mặc đến cái áo này thì cũng đã là quá lắm rồi.

Đội khăn mặc áo đâu đấy, bác bảo vợ bác đưa tiền cho để lên huyện. Theo cái lối vào quan như ba-mươi năm về trước, bác tính các khoản cho vợ bác biết mà đưa tiền. Bác nói : « Mình là bên bị thiệt hại thì không phải lễ nhiều, chỉ biện hoa lễ một buồng cau giá độ bốn hào là trông được. Còn tiền sở-hầu của các cậu lệ thì nói khó với các cậu ấy, dùng-dằng mãi chịu mất đến hai hào là cùng, cơm hàng và trầu nước một hào rưỡi nữa là phong-lưu. Thế là bảy hào rưỡi. » Nhân tiện vợ bác đưa cho bác cả đồng bạc để còn thừa thì lấy cho con bác một chén thuốc, vì con bác nóng đã mấy hôm nay, nhưng vì chợ xa chưa đi lấy thuốc được. Đương lúc kinh-tế khó-khăn này mà nhà bác xã Khè phải lo cái số đồng bạc ấy kể cũng đã là to lắm.

Bác cầm tiền bỏ túi rồi cắp ô đi lên huyện. Vừa đi bác vừa nguyền rủa bọn hương-lý làng bác là nhiễu-sự làm cho bác vừa tốn tiền vừa mất công việc.

Đến nơi, bác vào chợ mua một buồng cau to giá bốn hào rồi bác đem cái ô vào gửi ở hàng cơm và mượn cái mâm để đội cau vào huyện. Đầu đội mâm cau, bác vừa đi vừa nhẩm lại những câu sắp phải trả lời quan. Bác cần phải trả lời cho minh-bạch, bằng lúng-túng thì bác sẽ là người nói gian. Bác cứ vừa đi vừa lẩm-nhẩm, hễ chỗ nào nói không được thông thì phải đứng lại nghĩ để nói cho trơn rồi mới đi.

Đến cổng huyện, thấy một cậu lính cơ đứng gác, một tay bồng súng, một tay nắm lấy cái « ba-dô-nết », coi bộ rất hung-hăng, bác sợ quá, liền móc túi lấy ra một hào cầm sẵn ở tay, bụng bảo dạ : « nếu cậu có hoạnh mình thì mình sẽ biện cho cậu là xuôi. » Bác đến gần cậu mà lễ phép nói :

— Bẩm cậu cho con vào hầu.

Cậu lính gác, miệng đương huýt sáo, chẳng thèm hỏi lôi-thôi, liền hất hàm vào trong cổng và nói :

— Cứ vào.

Hai tiếng « cứ vào » làm cho bác xã Khè rất sung-sướng, vì bác không phải mất cho cậu lính gác một hào. Ban nẫy bác đã tưởng mất hào chỉ ấy thì rồi bác phải nhịn đói, uống nước lã mà về.

Qua cổng huyện, bác liền đi thẳng vào công-đường, đã thấy ba, bốn người cũng đến hầu quan, đứng trên hiên nói chuyện với cậu lệ. Thấy cậu lệ này không mặc cái áo lụa vạt khách nâu nâu dài đến đầu gối như những cậu lệ ba-mươi năm về trước, mà lại mặc áo dài như thầy đề và nói-năng tử-tế khác cậu lệ xưa nhiều, thì bác nghĩ ý hẳn quan bây giờ văn-minh nên ngài bắt các cậu lệ phải ăn mặc chững-chạc.

Bác cứ đứng xun-xoe ở dưới hè nghĩ ngợi, chưa dám bước lên, vì thấy trên bậc hè để nằm ngang một cái nệm mùi nâu. Bác không dám bước qua cái nệm ấy, vì sợ cậu lệ đánh. Mãi sau mới thấy một người ở công đi vào, cứ ung-dung bước lên cái nệm, đứng lại chùi chân rồi mới bước lên hiên. Bấy giờ bác mới hiểu cái nệm ấy để chùi chân rồi bác cũng bước theo lên, nhưng chỉ bước qua cái nệm thôi chứ không dám giẫm vào.

Lấy lễ phép của một người dân, bác hạ mâm cau ở đầu xuống, lom-khom che miệng chào cậu lệ :

— Lạy cậu ạ

Rồi bác chào những người đứng đấy.

Cậu lệ và mấy người đứng đấy trả lời : « Không dám » rồi cứ đứng nói chuyện với nhau mà tủm-tỉm cười, không ai nói gì đến bác cả.

Thấy cậu lệ ăn mặc sang trọng, bác xã Khè đã chắc mầm rằng cậu chẳng thèm hoạnh bác lấy một hai hào. Bác liền nói :

— Thưa cậu, cho tôi vào hầu.

Cậu lệ liếc mắt nhìn bác rồi nói :

— Anh hủ lắm ! Đi ra !

« Ơ hay ! Sao cậu này lại mắng mình là hủ ? Thì mình có dám khoe mình là văn-minh đâu ! Mình vẫn nhận mình là hủ kia mà ! Nhưng cậu mắng mình hủ về cái gì thì phải nói rõ cho mình biết mới được chứ ! Vào hầu quan thì mình cũng có lễ chứ có phải vào tay không đâu mà cậu mắng là hủ. Hay mình không biện tiền cho cậu nên cậu mắng chăng ? Không có lẽ. Nếu cậu muốn lấy tiền thì cậu bảo ngay kia ! » Nghĩ vậy rồi bác lại hỏi :

— Bẩm cậu, cho tôi vào hầu.

Cậu lệ lại trừng mắt mắng :

— Anh hủ lắm ! Đi ra !

Đoạn cậu thẳng vào buồng giấy bên. Bác xã Khè đứng ngẩn người ra nghĩ. Bác nghĩ rằng : « Không biết tại sao

cậu lệ lại mắng mình là hủ mãi mà không bảo cho biết thế nào là hủ. Nếu cậu có muốn lấy tiền thì cứ bảo thực để mình đưa, việc gì mà còn phải nói úp-mở cho mất công! Ai người ta còn lạ gì cái thói nha lệ nhà cậu mà cậu còn phải giấu giếm.»

Bác nghĩ mà bực mình quá! Toan hỏi những người đứng đấy xem họ có biết tại sao mà cậu lệ mắng bác là hủ không, nhưng nghĩ lại thì bác cho họ cũng là người nhà quê như bác cả, chứ có văn-minh cóc gì mà biết. Bởi vậy bác cũng không hỏi ai, vì cho rằng cậu lệ đã mắng bác là hủ thì tất bác cũng có cái hủ chứ chẳng không. Bác đặt mâm cau xuống tường hiên, liếc mắt nhìn những người lên hầu quan còn đứng ở hiên và lẩng-vẩng đi ở ngoài sân thì chẳng thấy người nào mang chè cau gì cả. Bấy giờ bác mới nghĩ ra rằng vì bác theo lối cổ mà đem cau vào hầu quan nên cậu lệ mắng là hủ. Ừ! phải rồi, bác đã tìm thấy cái hủ của bác rồi. Bây giờ là cái đời văn-minh kia mà! Quan văn-minh thì dân cũng phải văn-minh mới được chứ! Chả lẽ một cái công-đường to-tát và rực-rỡ như thế này, mà lại là chỗ để tiếp những buồng cau bao chè của dân hay sao? Cậu lệ mắng bác hủ, thực là hay cho bác lắm! Mà bác cũng phục bác là cao-đoán. Nghĩ thế rồi bác đội mâm cau ra chợ bán lại cho người hàng cau, nhưng người ta chỉ trả bác có ba hào thôi. Bác cũng bằng lòng bán lại.

Thế là hôm ấy lên hầu quan, bác không tốn hại như bác đã nghĩ. Kể ra thì không mất chính nào, nhưng vì bác vẻ sự mua cau nên mới tốn mất một hào. Bấy giờ bác mới hối lại rằng trước bác không đi kiện những kẻ nó ức-hiếp bác mà bác vẫn phải nín nhịn, vì sợ đi kiện dầu có được cũng phải tốn tiền. Từ nay trở đi nếu kẻ nào ức-hiếp bác, thì bác quyết đi kiện nó vì bây giờ đi kiện không phải tốn hại như trước nữa.

Bác trả mâm, trả cau lấy tiền bỏ túi rồi lại vào hiên công-đường đứng để chờ vào hầu:

— Bẩm cậu cho tôi vào hầu. Bác vừa tủm-tỉm cười vừa nói với cậu lệ.

Cậu lệ liếc mắt nhìn bác rồi cau mặt mắng:

— Anh hủ lắm!

Rồi vùng quay đi.

«Ơ hay! Sao cậu cứ mắng mình là hủ mãi? Có buồng cau là cái vật hủ thì mình đã phải bỏ đi rồi, thì còn cái gì là hủ nữa? Ban nãy cậu mắng mình hủ thì mình đã tìm ra cái hủ của mình. Bây giờ cậu lại mắng mình là hủ nữa thì tất mình cũng còn có cái hủ chứ chẳng không.»

Rồi bác cố nghĩ để tìm cái hủ của bác. Bác nhìn quanh, nhìn quần, nhìn những người đứng đây, thấy họ cũng tay không như bác, nhưng người nào cũng đều đội khăn xếp nếp và đi giầy chững-chạc chứ không có ai đội khăn quấn thừng và đi chân không như bác. Bụng bảo dạ: «Có lẽ vì mình không đội khăn xếp nếp và đi giầy như họ, nên cậu lệ mắng mình là hủ chăng?»

Tự hỏi thế, rồi bác liền đi ra phố, vào hàng cơm, giở cái khăn ra, gấp nếp và đội lại rồi hỏi mượn người chủ hàng đôi giầy ta. Nhưng người chủ hàng không cho mượn, bắt bác phải thuê. Bác thuê mất năm xu, rồi mượn đôi guốc ra ao rửa chân cho thật sạch, chờ khô chân rồi mới xỏ vào giầy đi vào huyện.

Tuy bác mất năm xu thuê giầy, nhưng lấy làm mừng lắm. Mừng vì bây

giờ dân quê đến hầu quan đã được đi giầy, đội khăn mặc áo tử-tế, chứ không phải trụt giầy và ăn mặc ra cách khổ-sở như ba-mươi-năm về trước nữa. Bác cho cái thời ba-mươi-năm về trước là hủ, mà cho cái thời bây giờ là văn-minh sung-sướng thực, có của cứ việc ăn mặc, chẳng ai ngăn cấm được.

Bác xã lẹp-kẹp kéo đôi giầy vào sân huyện ; khi bước lên hiên công-đường, đến chỗ cái nệm, cũng đứng lại chùi chân mấy cái cho thêm vẻ văn-minh. Bác chắc rằng hẳn bây giờ cậu lệ chẳng còn chê bác hủ vào đâu được nữa. Liền đến gần cậu lệ nói :

— Bẩm cậu cho tôi vào hầu kẻo muộn.

Cậu lệ nhìn từ đầu đến chân bác rồi trừng mắt mắng :

— Anh hủ lắm !

Chết chưa ! Sao cậu vẫn còn mắng bác là hủ ? Mỗi lần cậu mắng thì bác lại tìm thấy cái hủ của bác. Bởi vậy bác không lấy thế làm ngượng và lại phải xét xem bác còn cái gì là hủ nữa không. Bác lại nhìn những người ra vào hầu quan để so-sánh xem bác còn cái gì là kém họ. Nhưng không, họ cũng không có gì là văn-minh hơn bác. Họ đội khăn xếp nếp, mặc áo lương và đi giầy, thì bác cũng đội khăn xếp nếp, mặc áo lương và đi giầy, chứ bác có kém cạnh cái gì đâu. Bác nghĩ mãi mà không tìm thêm ra được cái gì là hủ nữa. Bác muốn hỏi cậu lệ xem lại sao mà cậu cứ mắng bác là hủ mãi ; nhưng sợ cậu tức mình lên mà tại tai cho thì khốn.

Bác đương đứng phân-vân nghi-ngợi thì chợt thấy một người ở trong phòng giữa công-đường vặn cửa đi ra, tay cầm cái đĩa con để lên tường hiên rồi ra thẳng. Người ấy ra rồi, lại thấy người khác cầm lấy cái đĩa ấy mà bảo cậu lệ rằng : « Cậu cho tôi vào ». Cậu lệ chẳng rằng chẳng nói, liền vặn cửa cho người ấy vào ngay rồi khép cửa lại.

Bác xã Khè đứng ngoài cố giương mắt nhìn trộm vào qua cửa kính, xem người ấy vào làm thế nào rồi bỗng tái mét mặt đi, đứng lẳng-lặng một lúc rồi liền đi ra phố. Lần này đi ra, trông dáng-điệu bác không được vui vẻ như mấy lần trước. Bác vào hàng cơm dốc túi ra vừa hào vừa xu vừa chính đếm còn được tám hào rưỡi, bác cố cái ô cho người chủ hàng cơm lấy hào rưỡi nữa cho đủ số đồng bạc. Còn số tiền lấy thuốc cho con và ăn cơm thì bác đành chép miệng mà hoãn lại cả.

Bác bảo người nhà hàng đổi cho đồng bạc giấy rồi tất-tả cầm vào.

Bước lên hiên công-đường, bác cầm lấy cái đĩa ở tường rồi nói với cậu lệ :

— Cậu cho tôi vào hầu.

Cậu lệ nhìn bác, tủm-tỉm cười rồi vặn cửa cho bác vào ngay chứ không mắng bác là hủ nữa.

Quan nhận lời bác kêu xong cho ra.

Ra khỏi cửa, từ hiên công-đường bước xuống vừa đi bác vừa lẩm bẩm một mình : « Đời văn-minh lại đắt hơn trước những sáu hào ! »

LÊ ĐỨC-NHƯỢNG

KONTUM TÌNH-CHÍ (1)

IV

II. — Rừng-rú

1° *Cây gỗ.* — Những rừng-rú không phá thì danh-mộc còn nhiều và to lớn như trắc, gỗ, sao-tía, sao-các, hương, mun. Như ở đèo Mang-giang, có mun cưa ra bề ngang cũng phỏng 0m35 được. (Ở đèo ấy, núi cao 800m, cây cối rậm-rạp, chưa ai vô tới, cho nên có nhiều trầm kỳ và chắc có nhiều vật lạ. Như kể chuyện người ta nói thì không hết mà lắm khi cũng khó tin. Như chúng tôi nghe hai ba người nói thấy lại đèo Mang-giang bay ra một con phụng-hoàng lớn bằng cái nhà thiệt lớn, 5 căn, lại có một cặp chim gì lớn lắm mà đỏ thắm. Song đó là những sự nghe nói chứ chúng tôi chưa từng thấy. Tưởng cũng như con cá-trích (*Sardine*) ngăn cửa bể *Marseille*, tàu trận vô không được).

Trắc thì có thứ trắc tía, mùi bầm bầm, cữ thì ra mùi cánh gián, và trắc mật thì đỏ hơn. Sánh với trắc gai ở Phan-rang, thì cái sứa có lớn hơn, cho nên không được mịn-màng, trơn-láng bằng trắc Phan-rang, song lại được lớn mặt, khỏi có đác trắng trắng. Có người có ngựa trắc, mỗi tấm bề ngang chừng 8 tấc đến 1 thước tây.

Các giống danh-mộc như huê-mộc (*bois de rose*) huỳnh-đường (*santal citrin*), mun (*ébène*), dạ-hương (*Camphier*), trắc (*Palissandre*), thì theo lệ Kiềm-lâm không cho phép đốn, song khi gặp trắc rục, cây đã chết rồi, khô đã lâu năm, hoặc ngoài da Mọi đã đốt cháy, thì người ta cũng xin phép đem về làm ghế, bàn, giường, ngựa và đồ dùng. Phần nhiều người ở *Kontum* về, làm sao cũng có đồ dùng bằng trắc. Nay phải đi kiếm xa mới có trắc rục (chừng ngoài 25, 30 cây số) chứ như xung quanh *Kontum* không có trắc nữa, vì người ta đã lấy những đời nào.

Các thứ danh-mộc khác thì có sao-tía, sao-các, hương. Các thứ này thì dễ kiếm thứ mặt lớn.

Ở *Kontum* rừng-rú nhiều, song chưa đặt sở Kiềm-lâm, chỉ có một quan Thanh-tra đội khố-xanh coi chừng mà thôi. Nhà-nước cũng dung-túng, cho nên không đánh thuế riết lắm. Như trong ba qui thứ nhất, nhì, ba, năm 1933 thuế Kiềm-lâm có 398 $ 15 mà thôi.

Nhân nói chuyện săng gỗ, chúng tôi đính một bản kê biên các thứ gỗ, sức chống mối mọt (*résistance aux insectes*), sức dẻo (*résistance à la rupture*) và sức khỏi nao-núng (*résistance à la déformation*). (Bảng kê số 13).

Bảng này là của quan ba Gilbert, làm ra tại Huế, năm 1897. Lúc ấy trong các kho tàng ở Huế, nhiều thứ

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 191.

danh-mộc các tỉnh đệ về, cho nên quan ba GILBERT sẵn-sàng mà thí-nghiệm. Tuy các tên cây cũng có chỗ sai lầm, vì lúc ấy cũng khó mà cứu cho kỹ, đành hỏi tên, người ta nói gì biên nấy. Bảng kê ấy, tưởng đâu chưa được hoàn-toàn mà cũng có ích và ít người biết.

Xem bảng ấy thì phải tính phân-số như sau này :

1°. — Sức kỵ mối-mọt (*Résistance aux Insectes*) :

0	1	2	3	4
Xấu lắm	xấu vừa	trung bình	tốt vừa	tốt lắm

2°. — Sức dẻo-dai (*Résistance à la rupture*) :

A	B	C	D
R > 10 K,	10 > R > 7, 50	7, 50 > 6	6 > R
Dẻo lắm	dẻo vừa	trung bình	xấu lắm

3°. — Sức khỏi nao-núng (*Résistance à la déformation*) :

a	b	c	d	e
E > 1.500K.	1.500 > E > 1.200	1.200 > 1.000	1·000 700	700 E
Cực điểm	tốt lắm	tốt vừa	trung bình	xấu

Thí-dụ như thứ gỗ kêu bằng Hon-Mây âm-ràng 1 A a tức nhiên thứ ấy không kỵ mối mọt lắm, song rất dẻo dai, khỏi nao-núng. Phân-số cho số 1 vì phải mối mọt.

Thứ nào phân số được cao là gỗ hạng tối.

BẢNG SỐ 13

Tên các thứ gỗ	Sức chống mối mọt	Sức dẻo	Sức khỏi nao-núng	Phân-số
Bác lá	3	C	d	1
Bàng	0	D	e	0
Bảy	0	D	d	0
Bong trắng . .	0	B	a	0
Bời lời (vàng) (1).	3	B	d	2
Bùi	1	C	e	1
Câm xa. . . .	4	A	a	3
Chim chim . .	0	D	d	0
Cho	4	A	a	2
Choại	1	A	c	1
Chũa	3	B	d	2
Chuồn	4	A	b	3

Tên các thứ gỗ	Sức chống mối mọt	Sức dẻo	Sức khỏi nao-núng	Phân-số
Cồng	0	B	c	0
Cồng tía . . .	3	B	a	2
Đào	3	B	c	2
Đùng	1	D	e	1
Đùng mơ . . .	1	B	e	1
Dàng	1	D	e	1
Dầu rái. . . .	3	C	d	2
Dổi	4	A	b	3
Giáng-hương . .	4	A	c	3
Giâu-tiên, giâu đất.	4	A	c	2
Giâu (nhân) . .	3	C	d	2
Giâu gia . . .	0	B	c	0

(1) Bời lời trắng, hay là bời-lời nhót, thì không ra gì.

Chợ thành-phố Kontum

Cầu tạm bằng tre trên sông Bla
Chỉ lướt trong mùa nắng.

Tên các thứ gỗ	Sức chống mối mọt	Sức dẻo	Sức khỏi nao-núng	Phân-số
Gie	4	C	c	2
Giẻ	4	C	d	2
Giò	0	D	e	0
Giồi trắng . . .	3	B	d	2
Gò	4	C	e	2
Hoẹn	3	B	e	2
Hốn.	0	B	a	0
Hốn đá	3	C	d	1
Hòn mây . . .	1	A	a	1
Hòn the . . .	0	A	d	0
Huê mộc . . .				
Huyết cầu . . .	0	D	e	0
Kiền kiền . . .	4	B	a	2
Lèo heo. . . .	3	D	e	2
Lim sách . . .	2	A	a	1
Lim.	4	A	a	3
Lơi	0	C	e	0
Ma ca	3	B	c	2
Mã trắng . . .	3	A	b	2
Mâng hăng. . .	4	B	d	2
Mâng hăng vàng .	4	B	d	2
Mít	4	B	d	3
Mung.	2	C	d	1
Mù u	2	D	e	1
Ngát	3	D	e	0
Nứa.	0	D	e	0

Tên các thứ gỗ	Sức chống mối mọt	Sức dẻo	Sức khỏi nao-núng	Phân số
Ngút	0	D	d	0
Ngút trắng . .	0	D	e	0
Ô dước. . . .	4	B	d	2[1]
Ràng	1	C	d	1
Ràng mít . . .	2	B	d	1
Ruôi	4	A	c	3[2]
Rệp.	2	C	d	1
Sao	4	A	b	2
Sến	4	A	b	2
Sến đá	4	C	d	2
Sơn	4	C	c	2
Ten	4	D	e	2
Ten mật . . .	4	A	a	2
Thầu dầu . . .	3	C	e	1[3]
Trắc	4	A	e	3
Trám.	0	D	e	0
Trám hồng. . .	0	C	d	0
Trâm.	4	A	a	2
Trâm đá	4	A	b	2
Trâm lá vằng . .	4	A	d	2
Trâm mỡ gà . .	2	B	c	1
Treng treng . .	4	D	d	2
Trương. . . .	4	A	c	2
Trương vai. . .	4	A	e	1
Ươi	0	D	e	0[4]
Vây ốc	3	C	d	2

2° *Thổ-sản trên rừng.* — Ở núi nhờ lộc núi. Đến mùa gòn, trên rừng, bông gòn hoan rất nhiều và Mọi hái về bán. Giá một bao gai thiệt chặt, ước được 5 Kg., giá bán 1$20, 1$30 mà thôi. Tới mùa gòn, người buôn bán mua mà bán vào Nam-kỳ.

Đến tháng *Juillet, Août, Septembre* lại có măng «le». Cây «le» là một thứ tre nhỏ có gai trong rừng. Cây

(1) Cây ô-dước, mà nói sức chống mối-mọt 4, cũng e qua.
(2) Cây ruôi là cây măng cụt rừng.
(3) Cây thầu-dầu là sầu-đâu.
(4) Cây ươi năng bán, giả cây hoẹn, vì ngó bề ngoài giống nhau.

« le » không khi nào có bông, mà đến khi có bông là cây chết, và năm nào « le » có bông thì người ta nói rằng năm ấy mất mùa lúa. Măng « le » ngon hơn hết các thứ măng, vì ngọt, không đắng, lại rất mềm-mại. Như trộn xa-lách không thua chi bắp-cau. Đến mùa « le » có măng, người ta phơi khô rất nhiều.

Ở rừng, về ngả Mang-giang, đến mùa thì Mọi đi lấy mật ong trong ống tre. Mật ong ấy là mật ong trắng, ong rừng chứ không ai nuôi. Mua về lọc để trong chai, bán chừng 0$25, 0$30 một chai. Vậy cũng là một cái lợi tự-nhiên nữa.

Ở rừng-rú *Kontum* lại có một giống, tuy nhỏ mọn, mà cũng hay hay, là các thứ phong-lang rất nhiều, rất lạ, đẹp và thơm vô cùng. Những bông phong-lang ấy, chúng tôi đã thấy ít thứ, song có một bà-đầm nói rằng ở ngả *Daktô* lại nhiều thứ đẹp hơn nữa, nhất là có một thứ phong-lang bông đỏ, ra chừng chuỗi mà thơm lắm.

3° *Săn bắn.* — Tới mùa măng le là mùa người ta năng đi săn bắn. Người minh ở đây mà đi bắn không phải phong-lưu mà chơi cách công-tử đâu. Như đi bắn tháng khác cũng có nai, song thường thì nai chưa có gạc non. Đến mùa le mới có gạc non. Như được một cặp « nhung » bán 30$ 40$, rẻ lắm cũng 7$, 10$ là bạng nhỏ. Ngày rày đi bắn cũng hơi xa, chừng ngoài 20 cây số.

4° *Thú dữ.* — Các thứ thú dữ thì ở *Kontum* ít nghe có. Có khi nghe ở Mang-giang có voi. Còn như cọp, beo, té... ít có. Chỉ ở Ban-mê-thuột mới nhiều giống ấy mà thôi.

Trên rừng có con trăn. Mọi cũng có làng bắn mà ăn, có làng cữ mà không bắn.

III. — Mỏ vàng

Năm 1928-1929, tiếng đồn ở miền bắc *Kontum*, là xứ Mọi mới đầu-phục năm 1926, có nhiều mỏ vàng, nên người Pháp lên xin phép kiếm mỏ rất đông. Lúc ấy rộn-ràng về chuyện mỏ vàng, cũng như lúc 1925-1926, chạo-xạo về chuyện lập đồn-điền « đất đỏ ».

Đơn xin phép đi kiếm mỏ, Tòa-sứ *Kontum* nhận chừng 963 lá, và trong số ấy sau có 19 đơn xin đất để mà khai mỏ. Song đường-sá xa-xôi hóc-hiểm, nhân-công hiếm-hoi mắc-mỏ, cho nên không có kết-quả gì đặng.

Hiện nay, Mọi ở vùng nguồn sông *Poko* và *Sésane*, cũng cứ đãi vàng được mỗi khi ít ít, bỏ vô ống, đổi lại cho người Lào mà lấy muối, đồng la, mền.

Ở xứ *Ban-phis*, thì có một cái mỏ cũ, đời xưa người Lào đã làm rồi mà sau bỏ đi.

IV. — Nghề chăn nuôi

Ở tỉnh *Kontum*, có thể nuôi súc-vật nhiều được. Những chỗ rộng-rãi, trống trải, cỏ nhiều, thì về vùng Suối đôi, *Ayoun*, (tỉnh *Kontum*) và ở *Pleiku*, chớ như tại hạt *Kontum* thiệt, thì cũng khó nuôi súc-vật đặng nhiều, vì qua mùa nắng thì cỏ cháy hết.

Ở *Pleiku*, mùa mưa đến chậm hơn mà lại lâu hơn, còn như mùa tạnh nắng, thì buổi mai rất nhiều sương mù. Vì nhờ sương mù ấy mà mát đất, cho nên mùa nắng cũng có cỏ.

Ở An-khê, nhà nước có một sở nuôi ngựa, trâu, bò, cừu, ở Mang-giang cũng có một chỗ nuôi cừu của nhà-

nước, và một đồn-điền của người Pháp (M. IMATZ) nuôi trâu bò.

Còn như rải-rác, ở cả tỉnh *Kontum*, người An-Nam và Mọi nuôi ngựa.trâu, bò, heo, dê, cũng nhiều mà đều thả ra ngoài cả, chớ không nhốt lại. Đến khi có lạc mất, thì đi kiếm, mà kiếm cũng thường được chớ không ai bắt trộm làm gì.

Heo thả đi dong như thế, cứ về rừng mà ăn, cho nên pha giống heo rừng: lông kỷ, dài mà cứng, và da có chừng sọc dài vàng vàng.

Trâu bán giá chừng 15$, 17 $ một con đã tốt; bò ăn thịt 8$ là vừa, 10$ là bò lớn, 17$, 18$ là bò kéo xe; heo thì 3$, hay 3$ 50.

Mọi nuôi súc-vật nhiều lắm. và người mình buôn mọi là phần nhiều chỉ đổi đồ mà lấy heo, bò, trâu, đem về mà bán. Ở các làng mọi, ngã bắc, trên *Kontum*, như ở *Konplong*. nuôi gần 1.000 con bò.

Trong qui thứ nhì 1933, An-khê chở xuống Qui-nhơn, để gửi qua Hồng-kông 227 con bò, 15 con trâu, và 10.437 tấm da trâu bò.

V. — Thương-mại

Người ở trung-châu, nhất là ở Bình-định, năng lên *Kontum* buôn bán, mua các giống thổ-sản về, như cà-phê, gòn, thuốc-lá, cau, đậu-phụng... lại chở các thứ khác lên bán như tôm, cá đã khô rồi, mắm, vải bô, tơ lụa, và đồ ngoại-hóa. *Bombay* cũng có chở lên bán và những người Phượng-lâu Bắc-kỳ cũng năng lên bán đồ thêu, đồ cẩn, đồ chạm.

Song cái nghề buôn bán thịnh-hành nhất ở *Kontum* là nghề đi «buôn Mọi». Buôn mọi là đi đổi cho Mọi. Người mình ở *Kontum* lên Mọi thì đem những đồ Mọi năng cần-dùng, như muối, vải, mền, chiêng, dồng la, nồi, ghè hũ, vòng hột đeo cổ va đeo tay, định giá, rồi lấy heo, bò, trâu, đem về bán lại. Cách buôn Mọi rất lợi, cho nên nhiều người ở *Kontum* làm nghề ấy lắm. Chỉ ở trong thành phố *Kontum* thì có đến 40 người có khai môn-bài « Đi buôn Mọi » và có chịu thuế mỗi năm là 8$24. Mỗi khi đi Mọi phải xin phép và giấy thông-hành, song tụi đi buôn Mọi mà không khai cũng chẳng chán chi.

Trong các món đồ buôn Mọi, có món lợi nhất là buôn các thứ ghè. Những ghè ấy, thường da vàng vàng, láng láng, bay là mùi cánh dán, và người mình thấy thì không biết qui là tại làm sao. Như ở Huế có khi bán chừng 8$, 10$ một cái. Thứ ghè Mọi kêu bằng « Xà-tốt » thì có 7, 8 cái tai, hay là 8 cái tai, 5 con thằn-lằn, 5 cái bông cúc; « ghè dàn » thì năm tai; « Ròn rải » thì 4 tai. Ghè « Xà-tốt » có khi bán 500 $. 600 $. Có nhà thầy BERR, con ông phủ Má (Thổ Tri-phủ, nay chết rồi) hiện làm việc Tòa-sứ *Kontum* có một cái ghè như vậy nói giá 800 $. Thầy ấy có một kho đầy những ghè hũ, nhiều cái 300$ trở lên.

Mọi mua ghè ấy, vì nó nói, đêm chiêm-bao, thấy ông bà nó mách nó phải mua. Nghe rằng lúc trước có một anh buôn Mọi « lợi-dụng » cách ông bà mách đó như thế này. Là anh ta làm một cái « ống nói ». (Ống nói bằng hai cái lon, như đồ con nít chơi, có bịt lòng-bóng heo, giữa có một sợi chỉ, đánh sáp cho săn, đầu này nói thì đầu kia nghe). Ban đêm, tối trời, để một ống trên cây, gần nhà Mọi, đứng xa, nói

tiếng Mọi, giả ông bà nó, biểu nó phải mua ghè của tên cột hay tên kèo, vì ghè ấy là của ông bà đời trước mà lưu-lạc. Sáng dậy nó tự kiếm người bán ghè mà năn-nỉ, tự-nhiên giá phải cao.

Những thứ ghè ấy, ở Quảng-ngãi người mình cũng năng buôn lên mà bán. Hỏi ra thì thứ ghè ấy Mọi Quảng-ngãi không qui nên bán lại rẻ, chừng 15, 20 $ cũng có, buôn chở lên bán 50 $ 100 $.

Tụi buôn Mọi đều biết nhiều thứ tiếng Mọi và có người rành tục Mọi, cho đến nỗi làm « phù-thủy Mọi », để cúng cấp cho nó khi đau ốm cũng được nữa.

Lúc trước, Mọi nhiều đồ sành xưa, nhứt là ché, thì bon đi đổi Mọi đồ xưa về bán lại, nhiều khi trúng lắm. Nay ở gần *Kontum*, không còn đồ xưa nữa, phải lên tới Mọi Xa-đăng, ngả *Dak-tô*, *Dak-xut*, là Mọi cao, mới có. Song nay, giá đã cao, vì Mọi biết người mình mua đồ xưa mắc, nên tự đem về *Kontum* mà bán cũng có, lại học cách nói thách rất cao. Thậm-chí có người mình buôn đồ xưa, rồi thuê Mọi đi bán nữa. Người mua cứ tin Mọi là thiệt-thà chắc-chắn, nên lắm khi mua phải giá cao mà đồ không xưa. Mới rồi lại có thằng Mọi đi bán thứ sừng tây-ngu giả. Thứ ấy ở Quảng-trị giả bằng sừng trâu, hay là gỗ mít, làm rất giống thiệt, người chưa biết rõ ắt phải lầm. Ở Quảng-trị chúng tôi đã mua, giá chừng 0 $ 10, 0 $ 15 một cái, để làm trấn-chỉ đăng giấy.

Mọi có đồ xưa, vì lúc trước năng xuống ngả Quảng-nam, Quảng-ngãi, « đánh giặc » và ăn cướp của mình đem lên. Chúng tôi nghe tụi buôn Mọi cao, nói rằng trên Mọi Xa-đăng, có làng c những triều-bảo xưa rất đẹp, của ông bà nó đời xưa xuống ăn cướp đem về nay vẫn còn tử-tế. Song chúng n không chịu đổi, chỉ để khi có lễ-lượt mấy anh « Chủ làng », « Kráh » (cường hào) mang vô mà « ròn ».

Người Lào tỉnh *Attopeu* cũng thường qua lại mua bán với Mọi. Lúc trước không có thuế chi. Nay có thuế môn bài, vì không thì thiệt hại cho tụ buôn Mọi mình.

Ở An-khê, tụi buôn Mọi, nhiều đứa gian-xảo lôi-thôi, sinh ra nhiều chuyện Mọi, lại nhiều làng hung-hãng, nên không cho phép chúng nó đi buôn Mọi là không cho nạp thuế môn-bài và giấy thông-hành, song nó cứ vẫn đi chúng vì vẫn cứ bắt được luôn luôn.

Trong tỉnh, muốn trừ cho hết những tệ ấy ở vùng An-khê, cho nên lập ra nhiều chợ phiên thì Mọi đem đồ về bán cho mình và đổi-chác những đồ nó cần dùng.

Hiện nay ở An-khê, có chợ An-khê, chợ Đồn, chợ Cửu-an, chợ Tú-thủy, và chợ Mang-giang. Chợ Tú-thủy và Mang-giang mới lập trong qui thứ ba 1933.

Chợ An-khê và chợ Đồn thì thay nhau, nghỉ một ngày đóng một ngày, vì gần nhau lắm. Những chợ kia thì mỗi tháng sáu phiên. Đến phiên, Mọi về buôn bán. Những ngày phiên là :
Tú-thủy : 2, 7, 12, 17, 22, 27 An-Nam;
Cửu-An : 3, 8, 13, 18, 23, 28 An-Nam;
Mang giang 4, 9, 14, 19, 24, 29 An-Nam.

(Còn nữa)

T. X.

TẾ TỰ-DO VĂN

:: :: :: :: **Hài-văn** :: :: :: ::

(Thể-tài phỏng-cổ, phỏng bài Tế nha-phiến văn)

Lời dẫn

Tự-do nguyên có hai thứ : một là thứ tự-do ở trong vòng đạo-đức, tức là thứ tự-do chân-chính, thứ tự-do ấy khá qui. Hai là thứ tự-do đi lầm đường, tức là thứ tự-do giả-danh, thứ tự-do ấy khá răn. Chớ nên bảo rằng tự-do toàn là hay cả, mà cũng chớ nên bảo rằng tự-do toàn là dở cả. Bài này là răn đời về thứ tự-do đi lầm đường, mà mong cho đời đi về thứ tự-do chân-chính, không phải là ý mạt-sát tự-do, mà chính là ý tôn-trọng tự-do.

Lời văn

Trước phong-trào thời-thế thở dài mà than rằng :

Ba sinh mưa gió, cuộc doanh-hoàn nào mấy mặt tri-âm ; một phút rủi-ro, nghĩa xuồng-xã dễ xui lòng ngang-ngửa (1).

Nhớ ngươi xưa : quê ở ngoại-châu ; qua chơi trung-thổ.

Ý cao nghĩa rộng, tự Lư-Thoa (2) nói trước, ấy nức danh là thánh là thần ; lời mạnh văn hay, theo Ẩm-Băng (3) diễn ra, ấy là của làm mưa làm gió.

Tinh nguyên tiến-thủ, trừ dã-man quyết giật giải cạnh-tranh ; vị đời nhiệt-thành, trợ khí-huyết ắt cướp công quế phụ.

Đông Tây tuổi hai lối khác nhau ; công-hiệu dẫu một thời cũng có.

Kia những kẻ tham thanh chuộng lạ, nhờ tân-trào mà rước khách văn-minh ; bao nhiêu người vụ lợi hiếu danh, nhờ học-thuyết để tiện lên đài múa.

Chốn thượng-lưu tri-thức càng đua : đoàn bất-học ngu si cũng mộ.

Cũng có kẻ giận thói dân hủ-bại, mượn tiếng ngươi cho xuôi nợ chấn-hưng ; cũng có người buồn lệ-tục ươn-hèn, mượn tiếng ngươi để theo miền cường-phú (4).

Mới bén mùi học tập càng chăm ; đã biết mốt giong chơi mới dủ.

Bánh cao xu xe bay chớp mắt, cuộc si-ma nhà sắm rạp hát, làng xe ngựa nghênh-ngang ; tờ báo-chí mõ gõ vang tai, sách tiểu-thuyết trai Sở gái Tần, khách văn-chương thôn-thổ.

Nhạc cải-lương điệu Tây điệu Tàu ; cuộc khiêu-vũ nhất nam nhất nữ.

---

(1) Hai câu trên này là nói thảo tự-do nên hoan-nghênh, và nghĩa tự-do dễ sai lầm.

(2) Rousseau.

(3) Tên hiệu Lương Khải-Siêu có làm ra sách giải nghĩa tự-do.

(4) Tự đây trở lên là nói nguyên-nhân tính-chất và công-hiệu của tự-do.

Năm canh những tiếng bài con bạc, tưởng đến câu nam-nữ bình-quyền; bốn mùa đều gió Á trăng Âu, gì bằng cảnh tự-do-lạc-thú.

Hành-vi kiêm giải-phóng các đường; tư-tưởng họp kỳ-khôi mọi vẻ.

Khi ra vào Thượng-hải Bom-bay; lúc thích chí sâm-banh quế-lộ.

Giải-khát sẵn nước chanh nước đá, quạt máy dùng không-khí thanh-lương; nhuận-tràng có hộp sữa hộp lê, đèn điện chiếu sa-lông sáng-sủa (1).

Lúc duy-tân nghĩ cũng nên đời; cơn điên-đảo ngẫm ra mà sợ.

Khuyên anh em tiến cho nhanh bước, theo gót đời cho kịp mà chơi: nào ai ngờ học chẳng phải đường, não lòng khách cầu hay bỏa dở.

Nửa người nửa ngợm, đạo-đức đảo-điên; chẳng dại chẳng khôn, cương-thường long-lở.

Hàng phụ-huynh chê là lão-đại, cảnh gia-đình mặc đi sớm về trưa; bọn con em cậy có văn-minh, mốt ưu-thắng cũng ruột không vỏ có.

Chốn thành-thị trai ong gái bướm, khăn khăn áo áo cũng nhuôm mầu tân; nơi thôn-dân con dở cha gàn, hiếu hiếu trung trung cũng đều xếp xó.

Gái đào tơ nên ngứa mắt ngứa nghề; trai niên-thiếu cũng cứng đầu cứng cổ.

Kia những kẻ thông-minh tài-tuấn, hiểu lầm đường còn lỡ phải bến mê; huống chi người tài thiển trí ngu, đi lạc lối cũng chìm vào bể khổ.

Đĩ đánh bồng chuyện cũ chẳng ngoa; bầu đội mũ trò cười còn đó.

Đi ra ngoài kém thầy hay bạn tốt, tham thú kỳ ngông-ngáo chơi liều; về đến nhà không sách thánh kinh hiền, đem chuyện mới viển-vông nói thợ.

Cũng có lúc biết thân là nhục, dã ngậm-ngùi than gió khóc mưa; hoặc có khi tưởng mình dã vinh, lại tấp-tểnh theo mưa dón gió.

Cuộc phong-vân những mong gặp hội, một hai khi mở mặt làm vui; trong cuộc đời nhiều thứ thuốc mê, nghĩ nông-nỗi dành lòng cũng chán.

Những tưởng cánh buồm thuận gió, mà cho ngọn nước chảy xuôi; nào ngờ non nước buồn tênh, những trách tri-âm vắng vẻ (2).

Nghĩ thấy chữ « bảo-tồn quốc-túy », đạo hiếu trung đã học phải ghi; xem thấy câu « thâu-thái tinh-thần », cái bã cặn dua làm chi nữa (3).

Rày nhân: tiết giới xuân-thiên; tuần lâm Hán-thực. Vậy có nên hương ngọn bút, mà giãi lòng cho thỏa với tri-âm. Xin linh-khách tìm về bản-quốc. Kính dĩ chư vị lông-bông, đồng lai cách-thực. Thượng-hưởng!

Phụ chép nguyên-văn

Trước bàn đèn ống điếu ngáp mà than rằng:

Ba sinh hương-hỏa, cuộc trần-hoàn nào mấy mặt tri-âm; một phút nhân-du, nghĩa giao-tất dễ quen lòng quyến-cố.

Nhớ người xưa: quê ở Mãn châu; qua chơi trung-thổ.

Sắc vàng tơ nhỏ, đến lưng ông chuỳ tầu, ấy chính-danh là bạch là công; mình mỏng bọt to, sùi mặt quỉ sa đèn, ấy là của trên Ngâu trên Tụ.

Tinh nguyên thăng-tán, trừ phong-

(1) Tự đấy trở lên là nói sự tiến-bộ và sự lạc-thú của tự-do.

(2) Tự đấy trở lên là nói về cái tình-tệ học đòi tự-do mà lạc lối sai-lầm.

(3) Hai câu này là nói về tự-do thế nào mặc dầu, phải giữ lấy tinh-túy đạo-đức, và nên theo về đường tự-do tinh-thần, không nên theo về đường tự-do bã-cặn.

hận quyết giật giải Hiên Kỳ ; vì hữu thanh-hương, ón tỳ-vị ắt cướp công quế phụ.

Thanh-giả thời hai thứ khác nhau; công-hiệu dẫu hai đường cùng có.

Kia những kẻ buôn hương bán phấn, nhờ ôn-hương mà dụ khách phồn-hoa; bao nhiêu người kẻ lợi thương công, mượn tình-thức để tiện đêm tình sổ.

Chốn quyền-môn qui - khách càng chăm ; đoàn vũ-nữ ca-nhi cũng mộ.

Cũng có kẻ giận công-danh trắc-trở, bạn cùng người cho khuây nợ tang bồng; lại có người buồn quê-quán xa-xôi, bạn với người cho khuây miền vân-thụ.

Mới quen hơi kiếm-chác càng chăm ; có biết thú sầm-sanh mới đủ.

Vân xuyên Lỗ đèm thêu tam-hựu, nệm kim-qui chăn cù gối xếp, làng xa mã nghênh-ngang ; xe cam - lộ lầu-dang lục-lăng, bàn tẻ giác tiêm bạc móc thần, khách tài-tình nghiêng-ngửa.

Đèn pha-lê miếng chám miếng huỳnh; khay vân-mẫu nhất thi nhất họa.

Năm canh những bạch thơm cống nàng, tưởng đến câu vưu-vật di-nhân ; bốn mùa đều gió mát trăng thanh, sao bằng cảnh dương-xuân triệu ngã.

Ngọn đèn thay nhật nguyệt đôi vầng; chiếc diều hợp long-vân mọi vẻ.

Khi ra vào quạt Khách yên Tàu ; lúc thừa nhàn chè sen rượu cúc.

Giải khát sẵn đường phèn đường phèi, chè ô-long hương mộc thanh-kỳ; nhuận tràng có bánh ngọt bánh bùi, cháo yến huyết bột đào mát lạnh.

Lúc phong-lưu nghĩ cũng nên đời; cơn nghiện-ngập nghĩ ra mà sợ.

Vui anh em một khi một điều, nếm mùi đời cho đủ mà chơi ; nào ai ngờ phút bên phút quen, giục lòng khách đến cơn lại nhớ.

Ho-hen ngáp vặt, mặt mũi lư-đừ; mũi sổ dạ đau, chân tay buồn bã.

Kẻ dật-khách vãng lai thù-tạc, bạn hiền-nhân mặc đi sớm về trưa ; người vương-nhân sự-sự phó-công, sợ phép nước cũng ăn không nói có.

Chốn thành-thị buôn thua bán lỗ, khăn-khăn áo áo cũng nhuộm mùi cầm; nơi thôn-dân đồng trắng nước trong, ruộng ruộng trâu trâu cũng chui vào lọ.

Gái thuyền-quyên nên mặt bủng da chì ; trai tráng-sĩ cũng so vai rụt cổ.

Kia những kẻ văn hay vũ mạnh, đa-mang vào cõn xếp bút gác cung ; huống chi người tài thiền tri ngu, chơi quá độ cũng vong gia thất thổ.

Bẻ gẫy chân truyền cũ chẳng ngoa ; nếm vỡ vảy trò cười còn đó.

Nằn lưng vợ kém mười-lăm mười-tám, tìm đến tiệm thuốc sái nghiền qua; sở đầu giường không quan ngắn quan dài, tìm bạn hữu róng-rài nuốt đỡ.

Cũng có lúc ho-hen nên nghiện, đã vùng-vằng đập lọ chẻ xe ; hoặc có khi bầu-bạn mua vui, lại tấp-tểnh tiện xe khoét lọ.

Tưởng đến lúc cầm thi đắc thú, một hai khi họp mặt làm vui ; trong anh em là nghĩa tri-giao, nghĩ đến nỗi đành lòng cũng chán.

Tưởng lúc lương - thần mát - mẻ, trước lầu nghĩ-ngợi băn-khoăn ; nào ngờ nắng hạ nồng thay, những trách tri-âm vắng-vẻ.

Nghĩ thấy chữ « sát nhân vô-kiếm », kẻ tri-cơ đã biết phải chừa ; xem thấy câu « trạch hữu nhi giao », bạn vô-ích chơi làm chi nữa

Rày nhân : Tiết giới hạ-thiên ; tuần lâm Đoan-ngọ. Vậy cỏ ngọn đèn chén nước, mà giãi lòng cho thỏa với tri-âm ; gọi là chút kính tốc thành, xin linh-khách tìm về bản-quốc. Kính dĩ chư-vị nghiện - ngập, đồng lai cách - thực. Thượng hưởng !

TÙNG-VÂN

PHIÊU-LƯU-KÝ

■

BÈO RẠT HOA TRÔI

Đề-từ

Bảy nổi ba chìm với nước non,
Thương thay mà phận ngậm bồ-hòn :
Phũ-phàng chi mấy trời xanh hỡi !
Để đóa hoa xuân phải héo-hon.

TÙNG-TOÀN

(*Tiếp theo*)

Trời đã xế chiều. Bể ngậm mặt trời rồi dần-dần nuốt hẳn đi.

Hồng nói :

— Chị Thúy ơi ! Biết ngủ đâu bây giờ ?! Chúng ta phải đi tìm xem có cái cây nào để che đỡ phong-sương một tối nay chứ ?

Nói rồi dắt tay Thúy đi quanh-quẩn hồi lâu, bỗng thấy một cây khô rất lớn nằm trên bãi cát, ruột lại rỗng, có thể dung được hai ba người. Thúy Hồng mừng quá, cúi đầu vào nhòm, bỗng nhiên một con vật gì vụt bay ra, tiếng kêu the-thé như quỉ thét ma gào. Hồng khiếp sợ kêu thất-thanh, còn Thúy thì giật nẩy mình, định-thần nhìn theo thấy con vật ấy vỗ cánh phành-phạch bay thẳng lên trời. Nàng biết là chim bể, bấy giờ mới hoàn-hồn, bèn chui vào ruột cây, chợt bắt được đến sáu bảy quả trứng to như trứng ngỗng, mừng rỡ cầm ra nói với Hồng :

— Chị Hồng ơi ! Không lo đói nữa, đã có thức ăn sáng mai rồi.

Hồng nói :

— Nhưng lấy gì mà luộc được ?

— Ồ ! Chị thật-thà quá, đến lúc đó thì thế nào mà chẳng xong. Để đến mai đi nhặt củi đốt lên rồi bỏ vào nướng xem ăn có ngon không ?

Nói rồi kéo Hồng chui vào nằm c trong thân cây, cởi áo ngoài chùm lé cửa hốc, khổ một nỗi gió cứ thổi bạ đi, nàng lại phải chui ra lấy mấy hò đá chặn lên. Nhờ thế cũng tránh được cái khổ một đêm sương gió. Mờ m sang hôm sau đã phải chui ra vì đ lắm. Hồng chạy đi nhặt một nắm c khô về định để nướng trứng, chợ sửng-sốt :

— Nhưng lấy đâu ra lửa bây giờ Thế mới khốn !

— Không lo, ngày xưa cổ-nhân đ hai hòn đá vào nhau, thấy bật ra lử mới biết nấu chín mà ăn...

Hồng không để Thúy nói hết, vui ngắt lời :

— À! Phải rồi! Lúc bé tôi đi học, sách cũng có nói cọ đá ra lửa, tôi cứ cho là phép thần-tiên chứ người trần đâu lại có thuật ấy. Vậy bây giờ chúng ta thử thí-nghiệm xem.

Nàng bèn nhặt hai hòn đá chọi vào nhau, quả-nhiên tinh lửa bắn ra tứ phía, nhưng cứ bật lên lại tắt liền. Nàng thất-vọng.

— Thế này thì dòm thế nào được?

Thúy nhìn Hồng mỉm cười có vẻ chế-nhạo:

— Chị thật-thà quá! Chị nhặt cho tôi một nắm lá khô rồi chị xem.

Quả-nhiên nàng chọi đá vào đống lá khô lã vò nhục, tinh lửa bắn vào lá rồi bùng lên, hai người chất củi vào rồi vùi trứng xuống. Một lúc cời ra, bóc cái vỏ đen đi, ăn ngon lắm. Mỗi người ăn độ ba quả đã thấy no rồi. Nhưng ăn đã vậy còn uống làm sao? Nước bể mặn, nước ngọt không có, mà hai người khát lắm, cái khổ khát lại còn hơn cái khổ đói bội phần. Hai người đi lên đàng trước mặt, xa xa thấy có cỏ rậm cây xanh, mừng lắm, chắc có quả ăn giải-khát được. Đến nơi, quả-nhiên cây nào cây ấy quả chĩu trên cành, tròn như quả cầu, giống quả thị mà nhỏ, sắc hơi vàng vàng. Hồng toan hái, nhưng Thúy gạt tay lại:

— Không nên chị ạ, những quả này ta chưa trông thấy bao giờ, ăn vào ngộ độc thì sao?

Hồng nói:

— Chị lo xa quá, độc chưa thấy đâu hãng thấy sắp chết khát đã.

— Thì chúng ta hãy đi tìm lúc nữa xem có nước không rồi hãy hay.

Hai người lại đi, đến mấy dặm mà nhà vẫn không có một nóc, người không có một mống, vắng-vẻ quạnh-hiu, bốn bề chỉ những cây cùng đá. Chợt đàng trước mặt lại thấy bể, mặt nước bao-la, không biết đâu là bờ bến.

Thúy nói:

— Có lẽ đây là một cái đảo chị Hồng ạ.

— Càng hay! Nếu là một cái đảo không thông với người đời, thì chốn này sẽ là Đào-nguyên của chúng ta.

— Nhưng giả có cả chàng Cam nữa lại càng...

Chưa nói rứt lời Hồng đã hỏi:

— Chị nói giả gì?

Thúy biết mình buột miệng lỡ lời, hai má đỏ bừng vội-vàng nói chống:

— Không, tôi nói giả không tìm thấy nước chả biết chị có muốn ở đào-nguyên này mãi không? có muốn xúc-tiếp với người đời nữa không?

Hồng nhìn Thúy mà cười. Thúy nói:

— Chị em mình khờ quá, cứ đi tìm suối với khe, biết đến bao giờ cho thấy. Ta cứ chèo lên hòn đá xem những chỗ lõm xuống, chắc thế nào chẳng có nước mưa đọng.

Hồng lấy làm phải. Hai người chạy đến tảng đá gần đấy thì quả-nhiên có những vũng nước con con, bèn nhặt cái vỏ sò múc lấy nước trong mà uống. Thế là vấn-đề nước uống lương ăn đỡ phải lo rồi, chỉ còn cần một chỗ ở để tránh sự nắng mưa, may sao lại tìm được một cái hang bằng đá. Thế là từ đấy công việc của hai chị em chỉ ngày ngày cứ đi tìm trong đám cỏ lấy trứng ăn. Nhưng cứ một món trứng vùi ăn mãi cũng chán, Thúy bèn bắc ba hòn đá con làm bếp, lấy cái vỏ trai lớn làm sanh, đập trứng vào làm «lập-là» (*œuf au plat*), hay thò cái que vào quấy lên làm trứng chưng. Cũng có khi ném chết được vài con chim ngủ đem nướng làm *rôti* nữa. Như thế cũng được đổi bữa luôn. Nước nhờ vào nước mưa, nhà đã có nhà

thiên-tạo, ngày ngày tiêu-dao ở khoảng núi cây hoa lá, hoặc ngồi tựa bên hòn đá, hoặc nằm ngủ trên cỏ xanh, sự sinh-hoạt cũng dễ chịu, hai người cơ-hồ đã quên được nỗi khổ trầm-luân.

Một hôm trời mưa, Thúy và Hồng không đi kiếm trứng được, nằm ở trong hang nhìn ra bên ngoài, mây đen vần-vụ. Lá vàng bay tan-tác, quả chín rụng tơi-bời, cảnh-trí nặng-nề, âm-thầm buồn-bã.

Thúy thở dài :

— Ôi ! Cái đời luân-lạc của chúng ta có lẽ đến đây là kết-liễu, mà bao nhiêu hạnh-phúc của loài người, thôi đành như nước chảy mây trôi. Thương thay nắm xương bạc-mệnh gửi cùng cỏ núi hoa rừng, mồ hồng-nhan ai kẻ viếng thăm !...

Hồng ngùi-ngùi nín lặng hồi lâu rồi nói :

— Chưa chắc đâu chị ạ ! Cái oái-oăm của tạo-vật éo-le kia không biết thế nào mà lường. Tôi với chị cùng sa vào vòng hoạn-nạn, bao nhiêu cái khổ của nhân-sinh, cơ-hồ nếm đã đủ. Đồng-bệnh tương-liên, lẽ thường vẫn thế. Chị em ta cùng chung một cảnh-ngộ, cùng bước trên đường cùng, cùng nhau chia đắng xẻ bùi trong những lúc khốn-đốn gian-truân, cho nên quí-mến nhau, thương yêu nhau, có lẽ cái tình thân-mật ở trên đời này không ai bằng chị em ta nữa. Vậy hôm nay đây, tôi muốn cùng chị thề-nguyền với trời đất kết làm chị em, để cùng nhau phấn-đấu với bàn tay độc-địa của trời già, chị nghĩ sao ?

Thúy cảm-động quá, nước mắt từ-từ rơi trên gò má, giơ hai tay ôm lấy Hồng hôn vào chán.

Hồng nói tiếp :

— Rồi nếu có cơ-hội về, chị em ta tìm một nơi vắng-vẻ ở hầu-hạ hai thân, thề chẳng cùng bọn con trai lân-cận...

Thúy chợt sực nhớ đến Cam-Thu, xúc-động tấm lòng, bất-giác khóc òa lên.

Hồng nói :

— Kìa ! Sao chị lại quá thương thế. Chị không lo, em chắc thế nào trời cũng không phụ chị em ta. Ờ ! Từ bây giờ em cứ xưng em với chị, vì chị lớn tuổi hơn. Chị Thúy ạ, rồi em đón cả tôn-ông về Phúc-châu cùng cha em di-dưỡng tuổi già. Nhà em tuy chẳng giàu, nhưng cũng có thể cung phụng tôn-ông và chị được đến chung-thân.

Thúy nắm lấy tay Hồng :

— Chị rất cảm-tạ cái thịnh-tình của em, chị rất mong trời chứng-giám cho tấm lòng quí-báu ấy mà không phụ chị em ta, khiến có ngày được về cố-hương.

Hồng chợt sửng-sốt :

— Kìa ! Sao tay chị lạnh thế này, mà trán lại nóng, mặt đỏ bừng.

— Có lẽ chị cảm-hàn, mà bây giờ thấy rét lắm.

Nói rồi nàng nằm xuống, chân tay co ruỗi không được tự-nhiên, vừa run vừa rên, vì nằm trên đá lại càng rét lắm. Hồng vội-vàng chạy đi bốc nắm lá khô trữ sẵn để đun dần giải xuống làm nệm cho Thúy nằm, lại đốt một đống bên cạnh để sưởi, nhân thể bỏ mấy quả trứng vào làm món ăn chiều. Rồi nàng cởi áo ra đắp lên cho Thúy. Tối hôm ấy nàng nằm ôm lấy Thúy để ấp cho nóng, nói hết chuyện nọ đến chuyện kia cho Thúy vui, cả đêm không ngủ. Nàng lấy làm lo sợ, nếu Thúy có mệnh nào thì một mình nàng chống-chỏi làm sao được với cái buồn cái khổ ở chỗ rừng sâu hang thẳm này. Nhưng không bao lâu nhờ sự chăm nom của nàng nên Thúy cũng khỏi dần.

* * *

Một hôm, vì Thúy mới yếu khỏi nên Hồng đi kiếm trứng có một mình, thơ-thẩn đi xa hơn mọi bận. Nàng đang lom-khom bới đống lá sột-sạt, chợt một con quái-vật ở cái đồng gần đấy nhảy xồ ra, hình-thù y như người, đầy mình lông-lá, tóc rủ xuống tận vai, nhảy-nhót nhẹ-nhàng, chạy lại như muốn bắt Hồng. Hồng thét lên một tiếng ù-té chạy ; con quái-vật đuổi theo, lại nói được tiếng người.

— Người hay là quái đấy?

Hồng lại càng sợ không dám quay lại, vừa chạy vừa nói :

— Mày là quái lại còn bảo ai quái.

— Không, ta cũng là người đây! Hãy đứng lại nói chuyện đã nào. Ta là người ở Phúc-châu, vì đi thuyền bể bị giặc bể cướp nên trôi rạt đến đây, chứ không phải quái đâu!

Hồng nghe nói sực nghĩ đến cha, bèn hỏi :

— Thế tên họ là gì?

— Đồng Tử-Chi.

Hồng giật mình, vội-vàng chạy ngay lại :

— Trời ơi! Thế con là Át-Hồng đây!

Nói rồi khóc lên như mưa. Tử-Chi cũng khóc :

— Át-Hồng đấy ư? Sao con lại đến đây?

— Cha ơi! Cái cảnh-huống long-đong của con nó dài lắm, con phiêu-lưu đến đây còn một người bạn gái nữa, hiện đang yếu đợi con ở đàng kia đã lâu, vậy cha hãng đi lại đấy rồi nói chuyện.

Hai người bèn trở lại hang đá, đến nơi, Thúy đang ngủ, dáng nằm ẻo-lả có vẻ đẹp như tiên-nga. Hồng qui xuống ghé vào tai Thúy sẽ gọi :

— Chị Thúy ơi! Cha em đã đến đây này.

Thúy bừng mắt dậy ngồi lên, trông thấy Tử-Chi ngỡ là một con hầu lớn, sợ quá lùi nép lại đàng sau.

Hồng chỉ vào Tử-Chi nói :

— Cha em đây. Em gặp cha em ở đàng kia.

Thúy ngạc-nhiên :

— Sao ông lại lông lá thế này?

Tử-Chi cười :

— Cô đừng sợ, tôi là người đây, thư-thả tôi sẽ nói vì sao tôi lại thế này.

Rồi Tử-Chi ngồi xuống cửa hang, ngoảnh vào Hồng nói tiếp :

— Khi thuyền bị cướp ở bể giặc bắt con đi rồi, chúng lại giết cả mẹ con nữa...

Hồng nghe nói lăn ra khóc rống :

— Trời ơi! Mẹ con chết rồi ư? Đau-đớn thay cho con! Tạo-vật đối với con sao mà tàn-nhẫn thế?!...

Tử-Chi gạt đi :

— Thôi sự đã rồi, con đừng quá thương nữa mà có hại cho sức khỏe tinh-thần, để rồi cha nói nốt cho con nghe. Con ạ, lúc bấy giờ ta không biết làm thế nào, đành nhảy liều xuống bể để tránh những lưỡi dao vô-đạo của chúng. May sao chới-với một lúc rồi ôm được cây gỗ trên thuyền rơi xuống, nhờ thế khỏi được cái nạn chết chìm, rồi trôi-dạt mấy đêm ngày đến đây. Tuy lên được cạn rồi nhưng đói lắm mà không có gì ăn, ta phải hái những quả như quả thị ở những cây kia để ăn, không ngờ ăn vào người mỗi ngày một thấy nhẹ bỗng, rồi lông-lá mọc khắp mình, diện-mạo khác hẳn đi, không trách lúc nãy con và cô cho là quái-vật được.

Hồng nói :

— Thế mới biết chị Thúy tri-cơ. May quá, nếu em không nghe chị thì chị em ta cũng đã hóa ra như hình cha em rồi.

Rồi nàng lần-lượt kể nông-nỗi cùng Thúy gian-truân cho đến lúc đến đây tìm nước uống tìm lương ăn thế nào, nhất nhất kể cho Tử-Chi nghe. Ba người vừa mừng vừa tủi.

Chiều hôm ấy món ăn của ba người lại thêm được món thịt thú rừng của Tử-Chi săn được.

Tử-Chi nói :

— Ta ở đây đã quen rồi, những tưởng không bao giờ được dẫm lên vết chân người đời nữa, không ngờ hôm nay lại được gặp các con. Các con tuổi còn trẻ, đầu còn xanh, liễu yếu đào tơ, ở đây làm bạn với quỉ núi ma rừng thế nào được.

Hồng vội hỏi :

— Vậy cha có cách gì về được không?

— Ta cũng nghĩ mãi mà vẫn chưa biết làm thế nào cho ra khỏi được cái hoang-đảo này, chỉ có một cách là đốn cây làm thuyền, nhưng khốn một nỗi không có rìu búa thì làm thế nào được!

Thúy chợt nghĩ ra, vẻ mừng lộ trên sắc mặt, vội nói với Hồng :

— Em có còn nhớ cái nhà ngủ thứ nhất của chị em ta khi mới bước chân lên cái đảo này không?

— Cây gỗ rỗng ruột ấy à?

Tử-Chi vỗ đùi :

— Được rồi! Thúy thông-minh lắm.

Hồng vẫn còn ngơ-ngác không hiểu là thế nào. Thúy cười :

— Nghĩa là cây gỗ ấy sẽ là chiếc thuyền chở chúng ta ra khỏi cái đảo-nguyên này.

Hồng bấy giờ mới biết rằng cây gỗ có thể nổi trên mặt nước được, mừng cuống-quít, khoa chân khoa tay :

— Thế thì mai khởi-hành đi thôi.

Thúy nói đùa :

— Thế em không lưu-luyến đảo-nguyên nữa à? Nhưng mà em nông-nỗi quá, mai đi ngay thế nào được, còn phải dự-bị lương-thực chứ.

Tử-Chi khen phải. Từ đấy hàng ngày Tử-Chi vào rừng săn chim muông, còn Thúy và Hồng ra công đi kiếm củi khô và trứng. Chẳng bao lâu đã được một số lương đủ dùng trong một tháng, bèn quyết-kế khởi-hành.

Ba người trở ra bãi cát, khiêng cây gỗ thả xuống bể, Hồng và Thúy mang lương thực trèo lên, Tử-Chi cầm hai cành cây làm mái chèo nhảy lên sau.

Cây gỗ rập-rềnh ra ngoài khơi, nghiêng bên nọ ngả bên kia, nhờ cái tài chèo thuyền của Tử Chi nên không đến nỗi lật úp, duy không có bánh lái, nên không khiến được cây gỗ đi theo như ý muốn của ba người.

Đi như thế một ngày đêm thì đến giữa bể, trông ra mông-mênh bát-ngát, không bến không bờ. Tử-Chi phấn-khởi cố hết sức cho thuyền tiến lên, nhưng bị gió cản lại rồi quay đi như vào chỗ nước xoáy, muốn chở sang bên đông không được, sang bên tây cũng không được, đành mặc cho sóng đánh trôi đi đâu thì đi, không tự-chủ được nữa. Hồng và Thúy đều sợ, chỉ khóc và kêu trời. Tử-Chi miệng bảo không sợ nhưng trong bụng cũng lo, nếu cứ lênh đênh trên bể mãi thế này, dẫu thuyền không dắm nhưng lương-thực hết cũng đến chết đói thôi.

Lại đi một quãng nữa, vẫn mơ-màng chẳng biết là đi đâu. Hồng và Thúy ôm nhau mà khóc, chợt Tử-Chi kêu lên :

— Cái gì ở đàng xa lại kia? Chẳng phải là chiếc tàu bể ư?

Hồng, Thúy kinh-ngạc trông ra, nhưng chẳng thấy gì cả. Tử-Chi lấy tay trỏ :

— Kia kìa! cái điểm trăng-trắng mà nổi kia chẳng phải là gì.

Hai người nhìn theo tay trỏ, quả-nhiên ở cuối chân trời có một điểm trắng như đợt mây nổi, lại như con chim bể nổi lên chìm xuống tầm trên mặt sóng, lúc ẩn lúc hiện, chợt thấy chợt không. Dần-dà cái điểm trắng ấy lớn dần, mỗi lúc một rõ, rồi quả-nhiên là chiếc tầu bể. Ba người khôn xiết mừng rỡ, cái mừng không thể nói được. Tử-Chi cố hết sức khiến cây gỗ hướng vào chiếc tầu mà tiến. Một lúc lâu chiếc tầu đến gần, khói tỏa lên trời đùn-đùn như mây trắng. Người trên tầu trông thấy cây gỗ lềnh-bềnh trên mặt sóng, đều chạy ra đứng ở lan-can tầu mà xem.

Cây gỗ cơ-hồ vào gần được đến tầu thì lại bị sóng tầu đánh ra xa, có lần sóng đánh mạnh quá suýt bị lật chìm. Thúy và Hồng giơ tay lên cầu-cứu, tức thì trên tầu vứt xuống chiếc thừng, ba người kế-tiếp nhau níu vào đầu thừng, người trên tầu kéo lên. Lúc bấy giờ phần vì sợ, phần vì đói, nên ba người mệt lắm, nằm lả người đi. Một người đàn-ông Âu-phục râu bạc phơ-phơ sai đem ba người đến một cái phòng tĩnh-mịch giao cho bà vợ trông nom điều-dưỡng. Cả hai ông bà đều là người Thụy-sĩ. Bà tuổi độ năm-mươi, biết tiếng Trung-hoa, ôn-tồn hỏi cái cớ phiêu-dạt của ba người. Ba người nhất-nhất thuật lại cho bà nghe, bà bèn dịch ra tiếng Thụy-sĩ cho chồng hiểu, hai ông bà đều ngậm-ngùi than-thở, rồi ông lấy bút ghi lấy đem ra công-bố cho mọi người trên tầu đều biết, vì ai nấy đang bàn-tán xôn-xao về Tử-Chi, không biết là vật hay người. Bà đem sữa và bánh cho ăn, chẳng bao lâu ba người đều được khỏe mạnh như thường. Thúy hỏi chuyện mới biết rằng ông bà tên là Huệ-Tư, chủ chiếc tầu Đằng-kinh này. Hai ông bà ở Trung-quốc đã lâu, chuyến này đi từ Thượng-hải ra Phúc-châu. Ba người thấy nói đi Phúc-châu mừng lắm, hết lời cảm-tạ ông bà Huệ-Tư đã cứu cho khỏi chết lại chở cho về đến cố-hương.

Đi được mấy ngày tầu đến Phúc-châu, cha con Ất-Hồng trở về nhà, còn Thúy vì bị say sóng và bị cảm nên bà Huệ-Tư đưa nàng vào điều-trị ở trong thành. Bà đối với Thúy rất có cảm-tình, đi lại thăm nom luôn. Hồng hằng ngày cũng đem quà-bánh vào túc-trực luôn ở bên giường. Nhưng bệnh-tình Thúy cũng không lấy gì làm quan-ngại lắm.

Thúy khỏi rồi, Hồng đón về nhà như lời ước cũ. Hai chị em quấn-quít nhau như keo sơn, ăn cùng mâm nằm cùng chiếu, không mấy lúc dời nhau. Tử-Chi nói :

— Ôi! Khi ở đảo ta vẫn hằng mơ-tưởng có ngày rày, không ngờ được như nguyện, thật là Hoàng-thiên bất-phụ bảo-tâm nhân.

Ba người mỗi khi thuật lại truyện cũ lại ngùi-ngùi, thứ nhất là Thúy, cảnh bèo mặt nước, lênh-đênh chưa biết đến ngày nào. Mỗi lúc nàng nhớ đến cha và Cam-Thu, hàng châu lại lã-chã. Cái tình Thúy yêu Thu thấm-thía đến cốt-tủy tâm-can, đã từng cùng nhau chỉ non thề bể, thấm-thoắt xa nhau đã mấy năm trời, chẳng biết Thu có còn giữ tấm chung-tình với người cũ chăng?! Nàng tuy về đàng vật-chất được yên thân, nhưng về phần hồn thật là rối-loạn. Khối tương-tư nung-nấu khúc can-tràng, mà nỗi-niềm tâm-sự khôn được cùng ai giãi-tỏ, cho nên lúc nào nàng cũng uất-ức âu-sầu. Hồng thấy tình-trạng Thúy như thế chỉ cho là nàng nhớ cha mà thôi, bèn lấy lời khuyên-giải :

— Chị cứ yên tâm ở đây với em. Chị

không nhớ lời em khi ở hoang-đảo à? Chị còn yếu chửa đi Ôn-châu được, em xin cho người đi đón tôn-ông ngay bây giờ để chị em ta cùng phụng-dưỡng. Như thế chị không còn có điều gì đáng buồn nữa, vậy chị vui lên em mới được vui.

Thúy nói:

— Chị rất cảm-tạ em. Em có lòng thế cũng may cho chị lắm, vì nhà chị bây giờ có lẽ cũng nghèo lắm, không biết cha chị có đủ tháng ngày no ấm không?

Ngay ngày hôm ấy Hồng cho người đi Ôn-châu. Thúy bấy giờ mới được hả-hê vui cười trò-chuyện, trong bụng đinh-ninh rằng chỉ ít lâu nữa là được gặp mặt cha. Không ngờ...! Phải, xưa nay ai học đến chữ ngờ. Người đi Ôn-châu về nói rằng ông thân-sinh Thúy bây giờ không ở Ôn-châu nữa và không biết đi tha-phương buôn bán ở đâu, cái nhà cũ ấy bán đi rồi, mà người mẹ ghẻ cũng bỏ đi lấy chồng khác đã một năm nay. Thúy nghe nói rụng-rời như sét đánh ngang tai, lăn ra vật-vã:

— Trời ơi! Tôi đã biết mà! Tạo-vật đối với tôi vẫn vô-tình, hành-hạ mãi chẳng thôi! Ôi! Ta có tiếc gì mẹ ghẻ bạc ác kia, chỉ thương thay cho cha ta, già-nua tuổi-tác mà phải lưu-lạc tha-phương, bóng chim tăm cá biết đâu mà tìm. Cha ơi! Chẳng hay cha có biết con còn sống không? Mà sống một cách đau-đớn thế này không?!...

∴

Từ đấy, nàng không lúc nào được vui, nỗi cha yêu giấu, nỗi bạn chung-tình, trăm mối tơ vò rối tung trong óc. Nàng đã dăng báo tìm cha mà vẫn chửa thấy tin-tức tăm-hơi. Nàng buồn lắm. Có lúc Hồng nói chuyện mà nàng không nghe thấy gì, có khi ăn cơm ngồi dở ra không gắp, cả ngày thờ-thẫn như người mất hồn. Tử-Chi và Hồng đã hết lời khuyên-giải mà nàng cũng không sao vui được. Một hôm Hồng cầm lấy tay Thúy, bao nhiêu vẻ thân-ái thu cả vào đôi con mắt, nhìn Thúy nói một cách buồn rầu:

- Chị Thúy ơi! Em xem ra chị không những là chỉ buồn về một nỗi nhớ tôn-ông mà thôi, hình như chị lại còn một điều gì bí-ẩn u-uất ở trong lòng nữa. Chị em ta đã coi nhau như ruột thịt, sao chị lại còn giấu gì em mà chẳng nói, để em cùng chị chia xẻ nỗi buồn và họa may em có giúp chị được chút nào chăng?

Thúy xem ra Hồng có vẻ thành-khẩn, vả cũng là bạn gái đồng-tâm, bèn đem cái ái-tình của mình đối với Cam-Thu, nào những lúc trò-chuyện dưới trăng, bơi thuyền mặt nước, nào những lời hẹn bể thề non, kết nguyền phu-phụ, bao nhiêu tâm-sự nhất-nhất đem ra giãi-tỏ cùng Hồng. Không ngờ Thúy nói ra được hả bao nhiêu, Hồng lại như bị kim châm vào ruột bấy nhiêu. Thế mới biết con tạo trêu ngươi, cái gì người ta muốn vo tròn lại thò tay ra bóp bẹp. Cái giao-tình như keo sơn của Thúy và Hồng từ trước đến giờ không ngờ vì một câu chuyện hôm nay bỗng thành ra như dầu với nước. Ôi! có gì đâu. Số là trước khi luân-lạc Hồng cũng có yêu một người, cũng thề cũng thốt, cũng giao-ước trăm năm, mà người ấy cũng lại là... Cam-Thu. Ghê-gớm thay là cái máu ghen của đàn-bà! Nguy-hiểm thay cho sự một chĩnh hai gáo! Cho mới biết cái mãnh-lực của ái-tình thắng-đoạt được hết thảy trên thế-gian. Bao nhiêu tình-tình nghĩa-nghĩa ái-ái ân-ân của Thúy và Hồng nhất-đản thành

ra mây tan khói tỏa. Từ đấy Hồng đối với Thúy như nước với lửa, nhưng chỉ đành chết ngấm trong lòng chứ không dám nói cho Thúy biết rằng mình cũng yêu Thu. Thúy vô-tình có biết đâu, chỉ lấy làm lạ rằng sao Hồng độ này đối với mình lại có vẻ hững-hờ ghẻ-lạnh, nhưng cũng không để ý gì cho lắm.

Một đêm, Thúy nằm cạnh Hồng trằn-trọc không ngủ, chợt thấy Hồng lảm-nhảm nói mê:

— Chàng Cam-Thu! Sao chàng đã yêu em rồi lại còn yêu Thúy?...

Thúy giật mình, nhưng không dám gọi, lặng im xem Hồng có nói gì nữa không, nhưng chỉ thấy ú-ớ không nói gì nữa. Thúy bấy giờ mới biết cái nguyên-nhân Hồng hất-hủi mình, lấy làm buồn lắm. Buồn cho tình đời nóng lạnh, buồn cho duyên-số hẩm-hiu, còn một chút tình yêu cũng không được trọn-vẹn. Nàng nghĩ-ngợi phân-vân, không biết Thu yêu Hồng trước hay yêu mình trước, mà sao chàng lại ăn ở hai lòng, có lẽ nào câu chung-tình của chàng lại là câu đầu lưỡi. Không, không có khi nào, nàng tin rằng thế. Nàng chửa dám trách Thu, nàng mong được gặp Thu để biết đầu đuôi ủy-khúc, vì nàng vẫn tin ở tấm lòng chung-thủy của Thu. Nàng cho rằng trái tim nàng chỉ nhất-quyết hiến cho Thu, có lẽ nào Thu lại phụ-bạc nàng. Nàng chỉ ngao-ngán cho sự thay đen đổi trắng của Hồng. Nàng giận Hồng lắm. Nàng biết rằng không thể nào ở với Hồng được nữa, vì độ rày Hồng coi nàng như cái đinh trước mắt, bao nhiêu tình xưa nghĩa cũ cơ-hồ không thể vãn-hồi. Nàng than thầm:

— Ôi! Hồng đã không có cảm-tình với ta nữa, ta còn lưu-luyến ở đây chi. Vả lại có lẽ nào ta chỉ biết yên thân một mình trong lúc cha phải phương trời lưu-lạc. Bổn-phận ta là phải đi tìm, vậy ta còn lần-lữa nổi gì mà chẳng quyết.

Nàng khóc. Hai tay ôm lấy đầu gục mặt xuống gối, nàng khóc âm-thầm.... Hồng chợt tỉnh thấy Thúy thổn-thức sụt-sùi, cho rằng Thúy nhớ đến Thu, lại càng như chọc tiết trêu gan, càng như khêu gợi cái máu ghen của nàng. Nàng tung chăn trở dậy vùng-vằng đi sang ngủ buồng khác. Thúy buông mạnh hai tay xuống giường thở dài:

— Thôi, thế là quyết-tuyệt, không còn ân-tình gì nữa.

Sáng hôm sau nàng đem ý muốn nói với Tử-Chi, Tử-Chi nói:

— Cái hiếu-niệm của con thực rất đáng khen, ta đâu dám ngăn-trở, nhưng đường sá xa-xôi, gian-nan nguy-hiểm, mình con thân gái dặm trường không phải là việc dễ. Vả lại con đi để Hồng một mình liêu-tịch, sao cho nó khỏi nhớ khỏi buồn.

Thúy nói:

— Vâng, con cũng biết thế, nhưng mỗi lúc nghĩ đến cha con thì tấc dạ lại bồn-chồn, ăn không ngon ngủ không yên, chẳng gì bằng cho con về Ôn-châu họa may được gặp cha con chăng, mà con cũng khỏi ân-hận trong lòng. Tìm được cha rồi, con lại xin về đoàn-tụ với em Hồng như cũ.

Tử-Chi biết chí nàng đã quyết không thể lưu được nữa, tỏ ý mến tiếc ngậm-ngùi:

— Ừ, thôi con đã quả-quyết đi tìm tôn-ông, ta cũng không thể ngăn được, nhưng về Ôn-châu nên đi tầu bể cho được an-nhàn, để ta cho một người vú-già đi theo con cho có bạn. Duy đi đường vất-vả, con nên tự-ái giữ-gìn. Nhưng đến mai hãng đi chứ?

— Vâng, nghĩa-phụ đối với con thật là ân-cần, con rất lấy làm cảm-

khích. Nhưng chuyến này con đi xin đừng cho em Hồng biết, để tránh khỏi nỗi buồn ly-biệt lúc chia tay.

Thúy nói thế là để khỏi phải trông thấy cái thái-độ thương tiếc giả-dối của Hồng, nhưng Tử-Chi lại cho là thâm-tình, liền nói :

— Con yêu Hồng thật là đến nơi đến chốn.

Hôm sau nàng dậy thật sớm. Tử-Chi đưa cho hai trăm bạc làm lữ-phí, và cho người vú-già đi theo. Lúc bấy giờ Hồng hãy còn ngủ, chỉ có một mình Tử-Chi tiễn nàng ra bến tàu mà thôi. Tử-Chi dinh-ninh dặn-dò, Thúy cảm-tạ bái biệt, cùng người vú-già trèo thang lên tầu.

⁂

Sáng bạch, tàu nhổ neo. Trời bể mênh-mang, bốn bên thăm-thẳm. Khách trên tầu phần nhiều ra đứng ở lan-can ngắm cảnh nước trời. Người vú già mới đi tầu bể lần này là một, lấy làm lạ lắm. Duy đối với Thúy đã quen rồi nên cả ngày nàng chỉ nằm ở trong phòng nghỉ-ngơi. Nàng thấy ra khỏi nhà Hồng trong mình được dễ chịu nhẹ-nhàng.

Ba ngày đến Ôn-châu. Tầu ghé bến, nàng và vú-già cũng theo làn sóng người mà xuống, trao hành-lý cho một người đón khách của một lữ-quán. Lữ-quán cách xa thành nên tĩnh-mịch mà sạch-sẽ, khách-trọ cũng đông. Thúy thuê một căn-phòng ở trên lầu phía tây.

Từ đấy nàng chỉ có một việc lo phương-kế để tìm cha. Nàng tự nghĩ người đất Ôn này, không phải là ai ai cũng biết cha nàng cả, mà cha nàng ở đâu, nàng cũng không biết, thế thì đi tìm đâu bây giờ. Chi bằng đem tình đầu nói với quản-chủ, để quản-chủ hỏi cả khách-trọ xem có ai biết không? Nàng lại đăng quảng-cáo lên báo, trình sở cảnh-sát, thôi thì hết tài sức nàng có thể. Người quản-chủ ngoài mặt quí nàng có hiếu, thực ra là quí nàng có tiền. Nàng cũng biết vậy, nhưng nghĩ bụng nếu tìm được cha thì có tiếc gì. Hằng ngày nàng chỉ lấy sách làm vui, hoặc đi tha-thần ngoài đường, mong ngẫu-nhiên được gặp cha chăng. Song-le đã hơn một tuần rồi, tin-tức vẫn mịt-mù, mà hai trăm bạc đã tiêu mất non nửa, nàng lấy làm lo lắm. Một đêm nàng xem sách xong, muốn gọi người vú-già lên để sai một việc, nhưng gọi mãi không thấy thưa, nàng cho rằng ngày làm vất-vả nên đêm ngủ say, nên nàng cũng không gọi nữa, bèn trở dậy đi làm lấy. Không ngờ sáng hôm sau mãi cũng không thấy người vú-già ấy lên dọn buồng, nàng bèn gọi người quản-chủ lên hỏi, thì người quản-chủ nói rằng từ chiều hôm qua đến giờ không thấy bóng dáng người ấy đâu. Nàng sinh nghi, đi kiểm lại hành-lý, thôi thôi! Số tiền lữ phí đã không cánh mà bay đi mất rồi. Nàng hoảng-hốt hỏi người chủ-quán. Người chủ-quán thấy nàng hết tiền giở giọng :

— Cái đó tôi biết đâu, người vú già là người của cô đem đến, tiền cô không giữ để mất là tại cô, có việc gì đến tôi.

— Vậy phải đi trình cảnh-sát ?

— Đó là việc của cô !

Anh ta nói bằng một giọng lạnh-lùng rồi đi ra, bao nhiêu vẻ nịnh-nọt lúc ban đầu đã biến cả ra vẻ đe-dọa. Một lúc anh ta lại vào, con mắt gườm-gườm bảo Thúy :

— Tôi nói cho cô biết, tiền trọ của tôi tháng nào phải trả tháng ấy, nếu tháng này cô không đủ đừng có trách.

Thúy cúi đầu không nói gì.

— Cô đã nghe ra chưa ?

— Thôi được, ông cứ đi ra, đến tháng hẳng hay.

Nàng tuy nói thế, nhưng trong lòng lo lắm, vội-vàng lấy giấy viết thư cho Tử-Chi. May sao trong túi còn được ít tiền lẻ đủ chi dùng trong khi đợi tiền của Tử-Chi gửi đến. Nhưng nàng vẫn thấp-thỏm. Tuy nàng biết rằng Tử-Chi không khi nào tiếc nàng, mà dẫu Tử-Chi có cho rằng nàng tiêu-pha phí-phạm mà nói dối là mất trộm chăng nữa, thì trong lúc nguy-khốn này có lẽ nào lại bỏ nàng không cứu, chỉ sợ vào tay Hồng, Hồng trầm đi không cho Tử-Chi biết thì làm thế nào ? Lấy gì mà trả tiền trọ, lấy gì mà tiêu sài ? Không có tiền mà tìm được nơi ở miếng ăn giữa chốn đô-hội này có lẽ lại khó hơn ở nơi hoang-đảo. Nàng nghĩ đến đấy vừa lo lại vừa buồn. Thôi cái hi-vọng gặp cha và người yêu đành là mộng-tưởng. Nàng khóc. Vì ngoài cái khóc ra nàng không biết giải-quyết bằng cách nào. Nàng chỉ biết bỉ nước mắt ra được bao nhiêu là trong đó thấy bả được bấy nhiêu. Nàng than rằng đời hồng-nhan là đời đầy những lệ. Nàng lấy thân nàng ra làm chứng-cứ, vì từ trước đến giờ nước mắt đã tắm gội cho đôi gò má nàng biết bao nhiêu. Suốt một đời nàng cái khổ bao giờ cũng theo ở gót chân. Tùng-nhiên thỉnh-thoảng cái sướng cũng có đến nhưng chỉ thoáng qua trong chốc lát. Nàng ví đời nàng như cái bể đầy những muối chỉ pha có một cục đường

Ôi ! — nàng khóc — Đau đớn thay phận đàn-bà ! Độc-ác thay ông trời già ! Cớ làm sao chỉ ra tay rập liễu với vùi hoa ?.. Cái đời ta mới vô-vị làm sao ? Ôi ! Ta có tiếc gì cái sống không có sinh-thú này nữa. Đời đối với ta đã vô-tình, ta còn lưu-luyến nỗi gì ! Sống ở với người đảo-điên bạc-bẽo trên thế gian, chẳng thà chết ở với ma-quỉ dưới suối vàng. . -Phải ! Ta không phải là người sợ chết.

Nàng quả-quyết hăng-hái đứng dậy cầm lấy con dao con ở ngăn kéo, nhưng nàng lại buông xuống ngồi phịch xuống giường.

— Nhưng mà. . . ta chửa chết được. Còn cha và Cam-Thu ! Bây giờ ta chết thì khối hiếu tình mang xuống toàn-đài sao tan ! Ta chửa chết được. Nghĩa-vụ ta còn nhiều.

Nói đến đấy nàng nằm ngả xuống giường khóc, khóc nức-nở, khóc đến nỗi dầm mấy cái khăn tay, ướt đầy chiếc áo gối. Chợt có tiếng gõ cửa. Nàng nín khóc nhưng không dậy, nằm trên giường nói ra.

— Cứ vào.

Người bồi buồng đẩy cửa vào, đưa cho nàng bức thư đảm-bảo và quyển sổ-ký. Nàng trông thấy chữ Tử-Chi mừng lắm.

— Phải, ta chửa chết được, hi-vọng ta còn nhiều.

Nàng ngồi dậy mở cánh cửa sổ ra cho sáng, lau nước mắt rồi bóc thư đọc :

« *Ôn chàu ngày . .*

« *Con Thúy !*

« *May quá ta đang ân-hận không biết bây giờ con ở đâu để báo tin mừng cho con biết thì nhận được thơ con. Ta vội-vàng gửi ngay cho con cái ngân-phiếu 200 đồng và nhân thể nói cho con biết, đến hai-mươi này ta sẽ làm lễ vu-qui cho em Hồng, kết duyên với kỹ-sư Cam-Thu mới đi du-học về. . .*

Thúy đọc đến đấy tái ngời đi, buông bức thơ xuống thở dài. Nàng trầm-ngâm một lúc, rồi nước mắt ràn-rụa trên gò má :

— Trời ơi ! . . . Thu quả bội-bạc ta !

Ta có ngờ đâu... thế mà ta cứ ngày đêm tơ-tưởng... ta cứ tưởng rằng...

Nàng hai tay để lên ngực thổn-thức, gục mặt xuống bàn khóc, hồi lâu ngẩng lên, nàng chép miệng lắc đầu :

— Ta không ngờ Thu lại bạc-tình như thế. Ta thành-tâm yêu Thu, ái-tình ta chỉ biết có Thu, không ngờ...! Thôi, Thu đã phụ ta, ta cũng không nên tiếc gì Thu. từ đây quyết ôm trái tim trong sạch cho đến già, thề không gần con trai nữa... Phải, chỉ vì ta nghèo.

Nàng im lặng một lát rồi cười nhạt, cái cười chua-chát.

—Hừ ! Tâm-địa con Hồng ! Bặt những sự không ngờ cả. Hồng cũng thề với ta, Thu cũng thề với ta, rút lại cũng cùng phụ-bạc ta. ôi, thề với thốt. Nhưng thôi, đó cũng là bài học ở đời cho ta.

Rồi nàng cầm lấy bức thư đọc nốt :

«... *Vậy con mau mau thu xếp về đưa dâu em Hồng...*

Nàng chau mày :

— Thật là những lời kim châm vào ruột.

«... *Thế là xong một việc, còn việc nữa con xem ở trang sau...*

Nàng lật bức thơ. thấy :

« *Tái bút*

« *Sở-dĩ ta nói việc trên trước rồi mới nói đến việc này là muốn cái vui tiết bớt cái buồn cho con..*

– Cái gì thế này ?

«... *Con a, Cam-Thu nói có biết con và ông thân-sinh con...*

— Cố-nhiên !

« ... *Thu nói có gặp ông thân-sinh con ở Thượng-hải...*

!!!..

« *Nhưng tiếc thay, ông thân-sinh con đã tạ-thế ở nhà thương Thượng-hải rồi...*

Thúy xem đến đấy ngất người đi, nằm lăn ra giường bất-tỉnh nhân-sự. Trong thơ còn một đoạn Tử-Chi đem triết-lý yên-ủi nàng, nhưng nàng không kịp đọc. Thật là đau đớn cho nàng, hai cái thất-vọng cùng đem đến cho nàng một lúc. Hồi lâu nàng tỉnh, ngồi vùng dậy cào cấu chăn gối tung lên, dẫm chân xuống sàn ầm ầm ; hai tay nắm chặt, nghiến răng mím môi, mắt trợn ngược lên trời như muốn nổ ra, đầu tóc rũ-rợi, mặt mày xanh nhợt, nàng đấm tay vào ngực kêu trời, rồi lại nằm vật ra giường khóc.

— Trời giết tôi ! Bức thư này giết tôi !

Nàng vừa nói vừa xé vụn bức thư cả cái ngân-phiếu cũng tan ra từng mảnh, bay tả-tơi trên mặt sàn. Nàng nghiến răng đập tay xuống giường :

— Trời ơi ! Sao trời độc-địa thế ! Sao cha lại bỏ con mà đi ? Thương thay cho thân. quả nửa đời nổi chìm trong bể khổ...! Ôi ! Nhân tình thế-thái !... Ôi ! Ái-tình của Cam-Thu !.. Ôi ! Tín-nghĩa của Ái-Hồng ! ... Ôi ! Nghĩa-biệp của vợ chồng thuyền-chài !. Ôi ! Trinh-tiết của mẹ ghẻ ta !.. Ôi ! Hết thảy đều giả-dối cả...

Nàng khóc ầm lên, kêu trời kêu đất. dập chân dập tay, rồi lại vùng dứng dậy, mặt mày nhợt-nhạt, đầu tóc rối bù, nghiến răng trợn mắt, nàng lồng-lộn ở trong phòng, bứt đầu bứt tai, xé quần xé áo, rồi bưng cả cái bàn ngủ quăng ra ngoài cửa sổ. nàng mất trí khôn, nàng phát điên rồi.....

Tùng-Toàn

(Thuật theo Hán-văn của Hồ Ký-Trần)

VĂN-UYỂN

Hai vợ chồng nhà văn-sĩ

Trên tầng gác đèn treo sáng loáng,
Chỗ khách ngồi bày choáng sa-lông ;
Này chồng này vợ ung-dung,
Cùng nhau bàn-bạc dãi lòng riêng-tây.
Chồng bảo vợ : « Tôi nay đã nghĩ,
Chẳng có gì là quí hơn danh ;
Có danh người chẳng dám khinh,
Không danh ai dễ biết mình là ai.
Mợ chẳng thấy ở đời lắm kẻ,
Có văn-chương chữ-nghĩa gì đâu ;
Thế mà họ cũng lên câu,
Cũng làm sách bán, cũng cầu người xem.
Cũng cầm bút ngày đêm hi-hoáy,
Tay thảo ra biết mấy bồ văn ;
Báo-chương đăng khắp xa gần,
Mở mồm « ký-giả bỉ-nhân » lẳng-nhẳng.
Họ thế cũng lẫy-lừng danh tiếng,
Cũng thành nghề kiếm miếng sinh-nhai.
Quanh năm ăn rộng mặc dài,
Như tài nói lém ra ngoài bánh-bao.
Ta kém họ chịu sao được nhỉ ?
Quyết xoay nghề văn-sĩ từ nay ;
Tập văn tôi đã viết đây,
Sách kia đã soạn đợi ngày đem in.
Chẳng như thế họ tên ai biết,
Trong trần-ai mù-tịt tăm-hơi ;
Làng văn nào phải nói chơi,
Mà ta đây để kém người hay sao ?»
Vợ nghe nói thì thảo đáp lại :
« Thiếp xin chàng chớ dại như ai ;
Làm văn ta phải có tài,
Mấy câu sáo cũ hơn ai nổi gì.
Muốn có giá thôi thì mất giá,
Thà rằng không lại hóa ra hay ;
Cóc-ao những cái lạ thay !
Phải là nghề-nghiệp xưa nay mà rằng.
Tiếng văn-sĩ thôi đừng chuốc nhả,
Nhà ta chưa có mả viết văn ;
Biết đâu kiếm được miếng ăn,
Hay là lại rước thằng Bần đến nơi.
Nếu chàng thật có tài nói lém,
Văn làm rồi để thiếp xem chơi ;
Phê-bình rồi để chàng coi.
Hay hèn thiếp cũng theo đòi bút-nghiên.
Cuốn sách nọ đừng in chi nữa,
Chàng bảo hay, thiếp chửa rằng hay ;
Vốn in cho quách gái này,
Thôi đừng nghĩ-ngợi cho rầy cái thân !
Đừng có mải làm văn làm việc,
Đang bỗng dưng mua việc làm chi ?
Mấy lời tâm-phúc xin nghe,
Để cho chàng xấu thiếp thì hồ chung ».

. .

Hỏi ông Tơ

Mượu

Ở đâu thăm-thẳm trên trời,
Ông Tơ bà Nguyệt một người hay hai ?
Vì chăng chẳng có lứa đôi,
Xưa nay sao khéo xe hoài tơ duyên.

Nói

Ông Tơ bà Nguyệt,
Hỏi rằng ai cố-kết mối nhân-duyên ?
Chỉ mình ông, hay bà cũng có quyền ?
Mà ta thấy Tơ-hồng Nguyệt-lão thiên-
tiên ai cũng khấn.
Ấy miệng nhân-gian thường nói lẫn,
Hay quyền nam nữ vẫn ngang nhau ;
Thôi thì thôi, Nguyệt là ông hay bà
cũng mặc dầu,
Ông đã có chắc bà âu phải có.
Chẳng có nhẽ ông xe khắp kẻ đây
người đó,
Riêng mình ông nằm một xó chẳng ai
Xin ông, ông nói cho nghe. [xe.

Tương-giang-thị NGUYỄN TIẾN

Vịnh tượng Lý Thiết-Quải ở nhà cô đào

Mưỡu

Nhỏn-nhơ tay gậy tay bầu,
Đố ai biết lão bạc đầu hay chưa?
Nước non càng ngắm càng ưa,
Đố ai biết lão say-sưa thế nào?

Nói

Trông thấy lão càng già càng sướng.
Khéo ngất-ngơ ngất-ngưởng ở nơi đây:
Kia non non nước nước mây mây.
Lão với rượu trông ra mầu thanh-
Chẳng biết lão say hay lão tỉnh, [*thánh.*
Mà sao không nói cũng không rằng;
Chốn hồng-lâu gió gió trăng trăng,
Lão vẫn dửng-dừng-dưng không thích chuyện.
Sẵn rượu ngon nhưng không sẵn chén,
Chị em ơi đưa lão một vài thìa;
Say thì say vậy đừng tia.

VÔ DANH

. ˙ .

Hỏi tình-nhân thức ngủ

Dục-thâu thâu-bất-đắc, (1)
欲偷偷不得
Hỏi tình-nhân thức ngủ mãi không,
Đá vàng kia nỡ ép mây mưa, [*thưa;*
Vàng chẳng chầy đá trơ-trơ hoàn vẫn
Cách thủy phù dung hoa nhất đóa, [*đá.*
隔水芙蓉花一朵
Bán không vân-ảnh nguyệt trùng luân,
半空雲影月重輪
Tiếng thì-thầm vẫng vẳng chốn đông-
Ai cứ-cứ mà ai thì ứ-ừ. [*lân.*

Nhộn bề ái sóng tình chan-chứa,
Ngảnh mặt ra trời đã sáng rồi:
Trông nhau chỉ mỉm miệng cười!

T. L.

. ˙ .

Mừng ông Cử thọ sáu-mươi

Hễ có da-tình mới sống lâu,
Sáu-mươi mừng cụ tuổi đương giàu;
Đã nên khoa-bảng nên quan-chức,
Lại chữa long răng chữa bạc đầu;
Xin lửa (2) *truyện xưa khăm chị ả,*
Trông dây (3) *đêm vẫn quấn cô hầu;*
Bốn mươi năm nữa xuân còn chán,
Tỏm trát xuyên-tâm mấy vạn chầu.

Cụ giáo về hưu

Dạy trường con gái với con trai,
Đúng lệ về hưu chẳng lọ nài;
Khi ở nhà quê khi kẻ chợ,
Lúc vui tiếng trống lúc quân bài;
Bầy vườn hoa-quả trông vui mắt,
Xếp gánh tang-bồng cất nhẹ vai;
Trời có cho thêm bao tuổi nữa,
Xin cho cử được đeo và đai.

TH. TR.

. ˙ .

Họa bài trên

Đội đức cao sâu đủ gái trai,
Khi vui liễu ép lại hoa nài;
Sân Lai rực-rỡ dòng khoa-hoạn,
Lầu Ngạc văn-hoa nét biển bài;
Tiệc thọ mâm đào trời để tuổi,
Nhà vàng chén cúc bạn bầy vai;
Còn có bán rượu còn say mãi,
Cây nảy chồi xuân đất phát dai.

TR. V. Q.

---

(1) *Muốn lẻn trộm mà trộm không được.*

(2) *Truyện Tiếu-lâm: Xưa có một cô ả làng điếng hằng ngày sang xin lửa nhà ông cụ sáu-mươi, một hôm cụ lập mưu chơi khăm dấm lửa bằng chấu mùn cho khó thổi. Cô ả thổi mãi không bật lửa mà bật trung-tiện. Cụ giả mặt bắt đền bảo rằng: «Chị làm bạt cả tào-quân nhà tao thì phải chịu phạt... để tao chiêu-hồn tào-quân tao về».*

(3) *Tiếu-lâm: Ông già ngoại 60 có hai cô hầu thường tị nạnh nhau vì sự bất-công. Cụ mới ra lệnh từ nay trở đi hễ cột buồm ngả bên nào thì tao sang bên ấy. Một cô tinh-quái lấy dây trông ngầm vào cột buồm cụ, hễ thấy cột buồm dựng lên thì kéo về bên mình, thành ra cô thật-thà kia cứ chịu nằm xuống mãi, không thấy cụ sang, sau đó biết là mắc mưu, cũng lấy dây trông vào cột buồm cụ, đến khi cột buồm dựng thì hai bên cùng ra sức kéo. Cụ đau quá, kêu to lên rằng: «Ối trời ơi, nhất cảnh lưỡng thắng, ông chết mất!»*

THỜI-ĐÀM

TIN NƯỚC PHÁP

Vụ Stavisky

Phải nhờ đến trinh-thám ngoại-quốc

Từ ngày vụ STAVISKY vỡ-lở ra và vụ ông PRINCE bị giết — bản-chí đã thuật trong số báo trước — đến nay đã mấy tháng rồi mà công-cuộc điều-tra của sở mật-thám và ban ủy-viên vẫn chưa có kết-quả gì mấy, nên nhà chuyên-trách có nhờ nhiều nhà trinh-thám trứ-danh ở sở mật thám *Scotland Yard* của Hoa-kỳ và sở *Intelligence service* của Anh giúp sức.

Stavisky không những chỉ là một tên lừa-đảo

Người ta cho rằng có lẽ STAVISKY lại là đầu đảng một bọn do-thám ngoại-quốc.

Tờ báo Anh «*Daily Mail*» ở Luân-đôn lại cho STAVISKY là thủ-lĩnh một đảng chuyên-môn đánh đắm tầu biển để lĩnh những số tiền bảo-hiểm lớn, mà việc quan tòa PRINCE bị giết cũng là do tay bọn này.

Có lẽ STAVISKY lại dính-dáng đến cả cái chết bí-mật của GALMOT nữa. Cứ theo tin-tức ở *Paris* thì STAVISKY và GALMOT biết nhau vào năm 1925. Hồi ấy hai người định mua khí-giới để gây cuộc rối-loạn ở *Guyane*, thả tù ra cho bọn này giết những lính ở đấy, rồi nếu công việc thành thì *Guyane* tuyên-bố độc-lập mà những quyền-lợi ấy đều về STAVISKY.

Công việc sắp đặt đâu đấy, khí-giới cũng đương chở đi, thì không biết GALMOT vì hối-hận hay sao mà đem việc ấy báo cho cảnh-sát biết. Được vài tuần thì GALMOT bị thuốc độc chết ở *Cayenne*. Người ta ngờ là STAVISKY đã giết GALMOT?

Ai đã tìm thấy những cuống ngân-phiếu.

Tìm ra được những cuống ngân-phiếu do STAVISKY đã ký là một điều rất quan-trọng. Cứ theo những tin-tức rõ-ràng trong các báo Pháp thì cái công tìm ra được những cuống ngân-phiếu này chính là của viên mật-thám BONY.

Hiện đã biết được số ngân-phiếu của STAVISKY lấy tiền ở các nhà băng ra là 864 chiếc. Những ngân-phiếu này chỉ tổng-cộng số tiền là 157 triệu quan thôi, mà số tiền STAVISKY biển-thủ được những 280 triệu, vậy còn 120 triệu nữa thì vào đâu?

Những bị-cáo-nhân

Tất cả 20 người bị cáo về việc này. Nhưng 6 người được dự-thẩm cho được tại ngoại hậu-cứu. Tám người trước giam ở *Bayonne* thì hiện đã giải cả về *Paris* rồi. Những bị-cáo-nhân là:

Giam tại Paris

DEPARDON, ROMAGNINO, vợ STAVISKY, luật-sư GUIBOUD-RIBAUD, hai ông nghị

BONNAURE và GARAT, hai nhà báo DARIUS và DUBARRY, các viên-chức nhà ngân-hàng *Bayonne* là TISSIER, HAYOTTE, COHEN, GUÉDIN.

Giam tại Chambéry

VOIX và PIGAGLIO.

Các người được tạm tha: CAMILLE AYMARD, DESBROSSES, DIGOIN, CONSTANTIN, BAYARD, PEYRONNET.

Việc mổ tử-thi Stavisky

Tờ phúc-bẩm của các thầy thuốc mổ tử-thi STAVISKY lần thứ hai này cũng như lời tờ phúc-bẩm lần trước ở *Chamonix*, nói rằng vì phổi bị một phát súng trúng ngay nên mới đổ máu ra nhiều quá mà chết. Vậy thì chắc là STAVISKY tự-sát chứ không phải là bị giết.

Hai ông nghị bị trục-xuất

Đảng xã-hội cấp-tiến đã trục-xuất hai ông nghị HULIN và PROUST vì xét ra hai ông này đã làm những việc không xứng-đáng với địa-vị dân-biểu trong việc STAVISKY, dù rằng các ông chưa bị truy-tố.

Thêm hai tập cuống ngân-phiếu

Sở cảnh-sát đến khám nhà một người họ STAVISKY có bắt được thêm hai tập cuống ngân-phiếu nữa.

Việc quan tòa Prince bị giết

Theo lời của trạng-sư MORO GIAFFERRI thì chính quan Chưởng-lý PRESSARD đã vì quyền-lợi mà giết quan tòa PRINCE. Ủy-ban đã hỏi ông PRESSARD nhưng ông đều chối cãi cả mà nói rằng ông với ông PRINCE rất có cảm-tình với nhau.

Tòa án nhất định giam luôn những người dính-dáng đến việc ông PRINCE bị ám-sát chứ không tha một người nào cả.

Chính-sách tiết-kiệm của Nội-các Doumergue

Quan Giám-quốc đã ký 14 đạo sắc lệnh thi-hành các khoản tiết-kiệm đ cho ngân-sách được quân-bình. Các khoản tiết-kiệm được là: Giảm bớt các vật-liệu và các khoản trợ-cấp. Tất c các khoản dự-chi đều giảm đi 10%. Rút số viên-chức và bãi các chức-vị vô-ích. Giảm bớt các khoản chi-tiêu trong bộ Lao-động và bộ công-chính. Rút tiền hưu-trí và lương-bổng phụ-cấp của các viên-chức văn-võ. Lương của các quan Tổng-trưởng giảm đ 15%, của quan Giám-quốc 20%.

Tất cả các khoản tiết-kiệm kể trên tổng-cộng là 2.800 triệu quan, mà số tiền thiếu của ngân-sách dự tính là 4.000 triệu, vậy còn hụt bao nhiêu thì sẽ chỉnh-đốn lại các ngạch thuế-má và giảm bớt hưu-bổng của cựu-chiến binh mà bổ vào.

Hiện quan Giám-quốc đã ký sắc lệnh giảm tiền hưu-bổng của các cựu chiến-binh, chỉ những người tàn-tật thật nặng mới không phải giảm thôi. Đạo sắc-lệnh này đem thi-hành sẽ tiết kiệm được 1200 triệu. Như vậy cộng với số 2800 triệu do 14 đạo sắc-lệnh trước bớt được thì đủ số 4000 triệu mà ngân sách bị hụt. Thế là từ nay ngân-sách được quân-bình.

Hội-đồng Nội-các lại theo ý quan Tổng-trưởng bộ Lao-động, cho dùng các số tiền thừa ở các quĩ bảo-biểu xã-hội cho các tỉnh vay để làm mọ việc công-ích.

Thái-độ các viên-chức đối với chính-sách tiết-kiệm này

Đại-hội-nghị các viên-chức toàn quốc Pháp đã họp, có 300 đại-biểu Ông CHARLES LAURENT, Tổng thư-k

tổng-cuộc có phân bày về tình-thế các viên-chức, nói về các phương-pháp tiết-kiệm của chính-phủ vừa quyết-định, có hại nhất là những người ít lương và các người đã về hưu.

Nói lời ông còn nhiều ông nữa nói nên phản-đối những đạo sắc lệnh dùng làm luật ấy. Đại-hội-nghị sẽ quyết-định những phương-pháp phản-đối.

Trong báo *Tribune des Fonctionnaires*, ông LAURENT viết một bài nói rằng nên kiểm-soát thuế-má cẩn-thận thì tất còn dôi nhiều tiền hơn là những khoản giảm lương của những viên-chức tại-chức và hồi-hưu. Ông cho cái chính-sách của Chính-phủ là vô ý-thức và xin Đại-hội-nghị nên quyết-định ngay các phương-pháp phản-đối việc giảm lương này. Sau có vài cuộc biểu-tình nho nhỏ.

Sửa lại hiến-pháp

Nghị-viện Pháp có cử ra một ban ủy-viên để lo thảo bản dự án sửa sang lại Hiến-pháp. Ban ấy lại cử ra một tiểu-ban để lo việc này. Tiểu-ban định nên sửa điều khoản thứ năm trong hiến-pháp.

Việc sửa đổi này là để cho Thủ-tướng có cái đặc-quyền là khi nào bày tỏ nguyên-nhân giải-tán nghị-viện trình cho quan Giám-quốc nhận rồi thì cứ việc thi-hành, chứ không cần phải các nghị-viên nguyên-lão có bằng lòng hay không.

* * *

TIN NƯỚC XIÊM

Lại một cuộc âm-mưu phiến-động

Cách đây mấy tháng nước Xiêm, mới xảy ra một cuộc chính-biến, chính-phủ đã dẹp được rồi, nhà lãnh-tụ cách-mệnh là ông hoàng BORAVADEJ sau khi thất-bại đã cưỡi máy bay trốn qua Sài-gòn, thời-cục nước Xiêm đã được yên-ổn, vua và hoàng-hậu đi du-lịch ở ngoại-quốc. Mới đây lại có tin rằng sở mật-thám lại vừa khám-phá ra một cuộc âm-mưu phiến-loạn, mà thủ-lĩnh có lẽ là MAIPRAYOON CHAMENMONTRI, nguyên có chân trong Nội-các PHYA-MANO.

Đảng này do hơn một trăm viên sĩ-quan lục-quân và người thường đứng đầu, đều đã bị bắt đêm hôm 31 Mars. Họ định đến 1er Avril hồi 5 giờ sáng thì khởi-sự, định chiếm lấy điện *Parus Kawan*, trường bay *Donmuang*, sở Bưu-điện và sở vô-tuyến-điện.

Đã bắt được 13 viên quan võ dự cuộc cách-mệnh trước

Báo «Thay may» có đăng tin rằng 13 viên quan võ dự vào cuộc cách-mệnh trước, theo ông hoàng BORAVADEJ trốn sang Sài-gòn, vì hoàn-cảnh không thể ở Sài-gòn được phải lần về Xiêm, nhưng đến cương-giới ở *Aranya* thì bị chính-phủ Xiêm bắt và hạ-ngục cả.

* * *

TIN PHI-LUẬT-TÂN

Việc cho Phi-luật-tân độc-lập

Tin Hoa-thịnh-đốn ngày 24 Mars cho hay rằng quan Tổng-thống Hoa-kỳ ROOSEVELT đã ký đạo luật về việc cho Phi-luật-tân được độc-lập. Hạn kỳ đến 12 năm thì Phi-luật-tân mới độc-lập hoàn-toàn.

Được tin này, các nhà thờ ở *Manille* đều kéo chuông mừng và các tàu thủy cũng rúc còi vang ầm cả một ngày hôm ấy.

Nghị-viện đến Avril này sẽ họp để duyệt-y đạo luật này.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

Thế-lực Tưởng Giới-Thạch

Tưởng Giới Thạch từ khi dẹp yên được đảng Cách-mệnh Phúc-kiến và thắng được cả đạo quân 19 một cách mau chóng dễ-dàng, mà phe-đảng quốc-dân vẫn được yên-ổn, thì oai-quyền họ Tưởng lại càng ngày càng lừng-lẫy, mà thế-lực họ Tưởng càng thêm vững-vàng. Chức Tổng-lý là một chức giám-đốc tối-cao, đứng đầu làm lãnh-tụ cả quốc-dân-đảng, mà chiếm giữ quyền độc-tài hành-chính trong nước Tàu. Từ khi Tôn Trung-sơn mất đi rồi, không ai được tôn lên chức ấy cả. Bọn đồng-chí của Tưởng bấy lâu vẫn rục-rịch muốn tôn Tưởng lên làm Tổng-lý, nhưng mấy tháng trước kia còn chưa dám đả-động gì đến, nay các ban ủy-viên của đảng quốc-dân đã dám đem ra công-nhiên cổ-động, nhất là bọn ủy-viên tỉnh Giang-tây là tỉnh có hai thành-phố Nam-kinh và Thượng-hải vẫn tỏ ý muốn tôn họ Tưởng lên làm Tổng-lý.

Nhưng Tưởng không những là một tay tài giỏi về quân-sự, mà lại là một nhà chính-trị khôn-ngoan lịch-duyệt nữa. Tưởng tuy được lòng các bạn đồng-chí suy-tôn, nhưng vẫn tỏ ra mình là người hết lòng yêu nước, thủy chung vẫn thờ cái chủ-nghĩa cộng-hòa dân-chủ, chứ không ham gì danh-vọng, có bày tỏ ý-kiến bảo rằng cái cuộc cách-mệnh ở nước Tàu, tình-thế nó khác với nước Đức nước Ý, cái chính-sách độc-tài của hai nước ấy nó không thích-hợp với tình-hình nước Tàu. Họ Tưởng tuy bày tỏ ý-kiến như vậy, nhưng người ta vẫn đồn rằng độ sáu tháng nữa thì Tưởng sẽ làm HITLER hay MUSSOLINI ở nước Tàu. Chẳng hay Tưởng có thể làm nhà độc-tài ở nước Tàu được chăng?

Hội-nghị tại Nam-xương

Uông Tinh-Vệ đã tới Nam-xương thương-thuyết cùng Tưởng Giới-Thạch và Hoàng Phu về tình-thế miền Bắc. Có người đến phỏng-vấn Uông thì Uông chỉ nói sẽ tán-thành một cái chính-sách có thể bảo-trọng được cái chủ-quyền của Tàu.

Kết-quả cuộc hội-nghị ấy tuy vẫn giữ kín, mà nhiều nơi đoán rằng hội-nghị đã quyết định về việc giữ Hoàng Phu để điều-đình với Nhật về vấn-đề thiết-lộ và bưu-điện ở Mãn-châu, tuy Tàu vẫn giữ thái-độ không thừa-nhận Mãn-châu.

Sau Uông lại cùng Hoàng Phu về Nam-kinh để hội-kiến với quan đại-sứ Nhật ARIYOSHI.

Người ta nói quyết rằng Nhật muốn vận-động cho Tàu trực-tiếp điều-đình về tình-thế gây nên từ Septembre 1931, sẽ bắt Tàu hứa chẳng đòi bãi quyền tài-phán lãnh-sự nữa.

Hội-đồng kinh-tế

Tin Nam-kinh rằng Tống Tử-Văn có tuyên-ngôn với các nhà báo rằng hội-đồng kinh-tế định dùng 16 triệu đô-la để làm cho đồng bạc giống nhau. Hội-đồng lại cử Tống và Đái Qui-Đào chủ-tịch viện Giám-sát đi điều-tra miền đông-bắc để dự-định khuếch-trương nền kinh-tế.

Miền tây-nam sắp thuộc quyền chính-phủ trung-ương

Uông Tinh-Vệ có nói với ký-giả các báo rằng cái nghị các cơ-quan miền tây-nam thống-thuộc cả về quyền trung-ương chỉ-huy, có thể thực-hành được, vì Trần Tế-Đường và Lý Tôn-Nhân đều tán-thành việc bỏ hội chính-

ủy và hội chấp-hành ở tây-nam, hiện nay chỉ còn nỗi khó-khăn là phái Hồ Hán-Dân phản-đối. Nhưng không kể thế nào chính-phủ trung-ương quyết không dùng võ-lực để cưỡng-bách cho xong cuộc thống-nhất. Phái tây-nam cũng đã biết rằng chỉ có đoàn-kết mới có thể cứu-quốc được. Thế thì cuộc hợp-tác có thể mong thực-hiện.

Người Nhật hoạt-động ở miền Hoa-bắc

Hiện nay một giải Cổ-bắc-khẩu, Mã-lan-cốc và Mật-vân, quân Nhật đều đến đóng thêm. Người ngoài đều đồn rầm lên rằng nước Nhật định ba cách xâm-lược Trung-hoa: Một là lấy lợi dụ vào tròng, hai là thu mua bọn Hán-gian, ba là võ-lực hành-động, ra sức tiến-hành.

Quân Nhật đối với việc bố-chí quân-sự ở Mãn-châu, quyết chia làm ba phòng-tuyến Hắc-long-giang, Hưng-yên-lĩnh, Trường-thành, hiện đang ra sức dự-bị phòng-chỉ Nga Sô-viết tiến đánh. Về việc chính-trị kinh-tế, do quân-bộ Quan-đông toàn-quyền xử-lý. Hiện đã định xong cái kế-hoạch thống-trị, đường sắt Triều-dương, Cẩm-châu, Vĩnh-đức, quyết làm cho gấp xong. Nhật lấy hình-thế thiên-hiểm ở trong Trường-thành, trước sau không chịu bỏ. Vừa rồi có 29 chiếc máy bay Nhật bay đến Mã-lan-cốc, có ý dòm-nom.

Báo « Tân-văn » đăng một tin rất quan-trọng rằng Đông-kinh có ngỏ-ý với Nam-kinh triệu-tập một kỳ Đại-hội-nghị chín nước đã ký hòa ước để giải-quyết vấn-đề Mãn-châu.

Nhật lại định chiếm lấy hết cả mỏ vàng của Tàu ở khắp miền Hoa-bắc, nên đã đứng ra tổ-chức một hội gọi là Toàn-Mãn kim-sản hội, vốn định là 1.200 vạn đồng, cả người Nhật người Mãn cùng chung cổ-phần, định trung-tuần tháng năm này thì chính-thức thành-lập.

Trương Kế vừa đi xem-xét miền Bắc trở về Nam-kinh có nói rằng: Cái tình-hình miền bắc ngày nay không những chỉ là cái thời-kỳ quốc-nạn, thực là cái thời-kỳ quốc-tang, không những hai tỉnh Sát-cáp-nhĩ và Tuy-viễn sắp mất đến nơi, đến cả tỉnh Hà-bắc cũng nguy lắm. Nếu người nước không mau tỉnh-ngộ thì nước mất đến nơi ngay.

Đường Hữu-Nhâm, ngoại-giao thứ-trưởng Nam-kinh vừa rồi lên Bắc-bình, có diễn-thuyết tại tòa Ngoại-giao nguyệt-báo về vấn-đề Đông-bắc, đại-ý nói rằng: Hiện nay người Nhật dùng cách giáo-dục đồng-hóa với Đông-bắc, chúng ta nếu muốn giữ còn cái ý-thức dân-tộc của nhân-dân bốn tỉnh ấy, chỉ còn có cách « làm thế nào khiến cho người Đông-bắc không quên là người Trung-quốc. »

Nếu cái ý-thức về dân-tộc ấy mà tiêu-trầm, thì không còn mong gì được nữa.

Lời phỏng-vấn Trần Minh-Khu

Các tướng-lĩnh Phúc-kiến sau khi thất-bại đều trốn ra khỏi địa-phận nước Tàu. Trần Minh-Khu hiện trốn ở Hương-cảng, có người phóng-viên tạp-chí « Bắc-bình chính-văn » đến hỏi ý-kiến Trần về tình-hình quốc-tế, thì Trần nói:

— Người ta có thể nói rằng thế-giới đang dự-định cuộc đại-chiến thứ nhì đây. Cuộc binh-đao lớn ấy có lẽ nổi lên năm 1936. Mà tôi chắc cũng chỉ đến ngày ấy là ngòi lửa phải bùng lên, là vì:

a) Hiện nay Phổ-Nghi lên ngôi hoàng-đế rồi, Nhật sẽ kiếm cớ xâm-lấn Bắc-bộ nước Tàu. Tưởng Giới-Thạch chắc hẳn lại sẽ nhượng-bộ như trước.

b) Cuộc xung-đột của Pháp và Đức và Ý mỗi ngày thêm nguy-hiểm.

c) Cuộc chiến - tranh Nga Nhật đã rục-rịch rồi.

d) Việc điều-đình kết-liên của Nhật và Đức tiến-hành rất chóng.

Trước tình-thế ấy nếu Tưởng Giới-Thạch cứ giữ chính-sách nhượng Nhật thì Tàu tất phải nguy-hiểm trong cuộc binh-đao lớn này.

VIỆC TRONG NƯỚC

Sửa lại thể-lệ trường tư-thục.— *Ngày 15 Mars, nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ đổi lại điều 5 và 6 nghị-định ngày 2 Mai 1925 về trường tư-thục như sau này :*

Điều 5.— *Những người là dân thuộc-địa, dân bảo-hộ Pháp mà muốn làm quản-đốc hay giáo-học một trường tư-thục về bậc Cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt, thì làm quản-đốc phải đúng 25 tuổi, làm giáo-học phải đúng 21 tuổi, và ít ra phải đều có bằng Tú-tài bản-xứ hay đã tốt-nghiệp trường Cao-đẳng sư-phạm.*

Điều 6. – *Những người là dân thuộc-địa hay dân bảo-hộ Pháp muốn làm quản-đốc hay giáo-học trường tư-thục về bậc Sơ-học Pháp-Việt, thì làm quản-đốc phải đúng 21 tuổi, làm giáo-học phải đúng 18 tuổi, và ít ra phải đều có bằng Cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt.*

Còn điều 7 nghị-định ngày 2 Mai 1925 đã do nghị-định ngày 17 Juin 1926 sửa-đổi lại như sau này :

Các người là dân thuộc-địa hay dân bảo-hộ Pháp muốn làm quản-đốc hay giáo-học một trường tư-thục về bậc Sơ-học bản xứ, thì làm quản-đốc ít ra phải 21 tuổi, làm giáo-học ít ra phải 18 tuổi, và đều phải có bằng Sơ-học Pháp-Việt, hay là có chân nhất-trường, hoặc bằng Sư-phạm hay bằng Khóa-sinh.

Trừng - trị những sự tuyên-truyền phiến - động ở Bắc-kỳ. — *Ngày 20 Mars, đức Bảo-đại xuống Dụ về việc trừng-trị những sự tuyên-truyền phiến-động ở Bắc-kỳ như sau này :*

Xét tờ trình của quan Thống-sứ Bắc-kỳ sau khi đã hỏi ý-kiến quan Tư-pháp-tổng-trưởng Đông-dương và Hội-đồng Cố-vấn Bắc-kỳ ý-hiệp, nay xuống Dụ như sau này :

Điều độc-đan.— *Điều 76 trong bộ Hình-luật Bắc-kỳ do nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 30 Mars 1929 đã sửa đổi lại, nay bãi đi và đổi lại theo thể-lệ sau này :*

Điều 76.— *Phàm người nào, hoặc đem vào, hoặc in ra, hoặc chứa-chấp, hoặc lưu-thông, hoặc phát-mại, hoặc phó-trần, ở trong địa-hạt xứ bảo-hộ Bắc-kỳ, các sách-vở báo-chí xuất-bản có kỳ-hạn hay không có kỳ-hạn, các truyền-đơn, các ống hát hay đĩa-hát, bất cứ là tiếng nước nào, các họa-bản điểu-bản hội-bản, các tranh ảnh, các phim chớp bóng, các kinh chiếu, xuất-bản hoặc in ở trong địa-hạt hay ngoài biên-giới Bắc-kỳ, đã do quan Thống-sứ Bắc-kỳ có nghị-định cấm, hoặc làm trái sự trật-tự của công-chúng, hoặc làm bại-hoại mĩ-tục, hay là báng-bổ các đại-biểu công-quyền thì phải phạt giam từ sáu ngày đến 10 tháng, và phạt bạc từ 20 đồng đến 100 đồng, hoặc hai đằng phải phạt một.*

Còn những kẻ đi rao, đi phân-phát, hay là mang những thứ ấy, cùng những kẻ tùng-phạm khác, cũng phải tội-đồng, trừ ra khi nào đã tố-cáo người nào là thủ-phạm đã giao cho những cái ấy, thì tội được giảm một nửa.

Các tang-vật truyền-bá đã nói ở đoạn thứ nhất đều do phép hành-chính

tịch-một, dù chưa đem ra truy-tố mặc lòng.

Lệ cấm sẽ do quan Thống-sứ Bắc-kỳ sung kinh-lược nghị-định.

Ba ông đại-biểu đi dự hội-đồng tiền-tệ bên Pháp đã về. — *Ba ông đại-biểu* NGUYỄN PHAN-LONG, TRẦN VĂN-SANG *và* NGUYỄN NHƯ-LÂN *đi dự hội-đồng tiền-tệ bên Pháp từ hồi tháng giêng đã hết nghĩa-vụ làm việc mà yêu-cầu phá giá đồng bạc, triển-hoãn công-nợ và sửa đổi ngạch quan-thuế đối với Tàu, để cứu chữa cái nguy-nan về đường kinh-tế trong xứ. Ngày 2 Avril, ba ông trở về đến Sài-gòn, nhân-dân Tây Nam ở Nam-kỳ đón rước rất đông. Ông Long nói chuyện công-việc của đại-biểu yêu-cầu về điều xin phá giá đồng bạc có lẽ thất-vọng.*

Nay thấy báo France Annam *đăng tin đích-sác rằng chính-phủ Pháp nhất định không phóng giá đồng bạc, vì phải tôn-trọng những hợp-đồng của thuộc-địa đối với chính-quốc; phải tôn-trọng những hợp-đồng đối với người bản-xứ đã gửi tiền vào quĩ tiết-kiệm bằng đồng bạc; phải giữ những khoản tiền của Đông-dương ở trong nước Pháp và ở ngoại-quốc.*

Chỉnh-đốn lại mấy phủ-huyện xã-thôn ở Bắc-kỳ.— *Nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ sau khi hỏi ý-kiến Hội-đồng Cố-vấn Bắc-kỳ, chỉnh-đốn lại mấy phủ huyện xã-thôn ở mấy tỉnh như sau này:*

Thuộc Nam-định:

Hai huyện Ý-yên và Phong-doanh nay hợp làm một, đặt tên là huyện Ý-yên. Huyện-lỵ vẫn ở làng Lạc-chính.

Phủ Xuân-trường nay chia làm hai, đặt tên là phủ Xuân-trường và huyện Giao-thủy. Hai hạt này lấy con sông Ngô-đồng làm giới-hạn, trừ địa-phận làng Lạc-thành thuộc về huyện Giao-thủy.

Phủ Xuân-trường gồm có 5 tổng: Hành-thiện, Cát-xuyên, Kiên-lao, Thủy-nhai và Trà-lữ. Phủ-lỵ vẫn ở Ngọc-cục.

Huyện Giao-thủy gồm có 5 tổng: Hạ-cát, Hoành-nha, Hoành-thu, Lạc-thiện và Quất-lâm. Huyện-lỵ đặt ở Diêm-điền.

Xã Tự-lạc ở tây-bắc sông Ngô-đồng, thuộc tổng Hoành-thu, theo đơn xin cho thuộc về tổng Trà-lữ phủ Xuân-trường.

Xã Thuận-thành về phía đông sông Ngô-đồng, thuộc tổng Cát-xuyên, theo đơn xin cho thuộc về tổng Hạ-cát huyện Giao-thủy.

Xã Lạc-thành ở vào hai bờ sông Ngô-đồng thuộc tổng Cát-xuyên, theo đơn xin cho thuộc về tổng Hoành-nha huyện Giao-thủy.

Thuộc Hải-dương:

Hai huyện Vĩnh-bảo và Tứ-kỳ số đinh điền đều nhiều bằng một phủ cả, vậy đổi hai huyện ấy làm phủ Vĩnh-bảo và phủ Tứ-kỳ.

Phủ Bình-giang số đinh điền chỉ bằng một huyện, vậy đổi làm huyện Bình-giang.

Thuộc Sơn-tây:

Xã Giáp-thượng trước thuộc huyện Tùng-thiện, nay cho thuộc về huyện Bất-bạt.

Thuộc Bắc-ninh:

Thôn Bắc-cầu thuộc phủ Từ-sơn, nay cho biệt-lập thành xã và sáp-nhập huyện Gia-lâm.

Đức Bảo-đại đặt huy-hiệu cho Hoàng-hậu.— *Mới đây đức Bảo-đại có Dụ đặt huy-hiệu cho Hoàng-hậu là «Nam-phương Hoàng-hậu 南芳皇后», nghĩa là thức hoa thơm ở trời Nam. Phàm các thư-từ giấy-má gì của Hoàng-hậu từ nay đều ký là «Nam-phương» cả.*

Đức Bảo-đại ban tối-đại-hạng kim-khánh cho quan Khâm-sứ Thibaudeau. — *Đức Bảo đại mới ban cho quan Khâm-sứ Trung-kỳ* THIBAUDEAU *một tấm tối-đại-hạng kim-khánh, và đạo Sắc làm bằng vóc vàng thêu chữ kim-tuyến.*

Đội tầu-ngầm Mĩ sang thăm Đông-dương. — *Ngày 6* Avril, *một đội tầu ngầm thứ 5 của nước Mĩ do Philuật-tân* (Manille) *đã tới thăm Sài-gòn, định đỗ lại đấy một tuần lễ.*

Thủy-đội này có 8 chiếc tầu : Một chiếc tầu Tuần-dương-hạm đi hộ-vệ do thủy-quân trung-tá BROWU *quản-đốc, một chiếc tầu cứu-cấp do thủy-quân đại-tá* HOLLOWELL *quản-đốc, và 6 chiếc tầu ngầm của thủy-đoàn thứ mười, mỗi chiếc đều có một viên thủy-quan đại-úy quản-đốc.*

Trừ các quan-chức coi ở các tầu, còn có quan Thống-tướng PARKER *là Tổng-thống quân-vụ Phi-luật-tân, nhân tiện sang thăm Sài-gòn Hà-nội và biên-giới Bắc-kỳ tiếp giáp với nước Tàu.*

Tại dinh quan Thủy-quân đô-đốc ở Sài-gòn có đón tiếp các quan tầu Mĩ.

Chức Thống-đốc Nam-kỳ và Khâm-sứ Ai-lao. — *Ngày 6* Avril, *quan Giám-quốc đã ký Sắc-lệnh bổ quan nguyên Thống-sứ* PAGÈS *sang lĩnh chức Thống-đốc Nam-kỳ, thay quan Thống-đốc* KRAUTHEIMER *về hưu.*

Quan quyền Giám-đốc Tài-chính EUTROPE *được bổ làm Khâm-sứ Ai-lao, thay ông* LE FOL *bổ làm quản-đốc Đông-dương kinh-tế cục ở* Paris.

Hội-đồng Bảo-hộ. — *Ngày 7* Avril *Hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Bắc-kỳ, do quan Thống-sứ* THOLANCE *chủ-tọa.*

Quan Võ-hiển Hoàng Trọng-Phu sang Pháp. — *Quan Võ-hiển Hoàng Trọng-Phu lĩnh Hà-đông Tổng-đốc cuối tháng* Avril *này sang Pháp đi du lịch, ngày 9* Avril, *hội Khai-trí Tiến đức đã đặt tiệc tại Hội-quán để mừng và tiễn Ngài trước khi cử-bộ.*

Ngày 16, các quan-lại xứ Bắc-kỳ cũng đặt tiệc tiễn Ngài.

Trong khi Ngài vắng thì quan Tuần phủ Hà-nam Nguyễn Bá-Tiệp lĩnh chức Tổng-đốc Hà-đông thay Ngài.

Phái-bộ Xiêm sang Đông-dương — *Ngày 10* Avril, *một phái-bộ Xiêm-la có ba võ-quan cùng đại-tá* ROUX *là tham-tụng võ-quan Pháp ở Vọng-các sang thăm Sài-gòn, ngày 17 phái-bộ ra thăm Hà-nội, rồi đi thăm các đồn lính về cương-giới miền thượng-du Bắc-kỳ. Phái-bộ do chính-phủ Xiêm cử sang cốt để khảo-cứu về cách tổ-chức binh bị của Đông-dương.*

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào

Xuất-bản từ trước :

1.— Văn-minh-luận 4 hào
2.— Ba tháng ở Paris 4 hào
3.— Văn-học nước Pháp 4 hào
4.— L'idéal du Sage 4 hào
5.— Chính-trị nước Pháp :
Quyển thứ I 4 hào
Quyển thứ II 5 hào
6.— Khảo về tiểu-thuyết 4 hào
7.— Lịch-sử thế-giới 4 hào
8.— Le Paysan Tonkinois 4 hào
9.— Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào
10.— Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai). 5 hào
11.— La Poésie annamite. 4 hào
12.— Tục-ngữ ca-dao. 4 hào